

Đ Ặ C - S A N

BACH KHOA

PHẠM VIỆT TUYỀN *người cầm bút từ năm 1954 đến năm 1972* • TỬ MINH *thế-vận-hội từ Berlin 1936 tới Munich 1972* • ĐOÀN NHẬT TẤN *tân-toán-học cho tuổi tiền-học-đường* • NGUYỄN HIẾN LÊ *nhà giáo họ Khổng: tình thầy trò* • VÕ PHIẾN *thành tích trên đầu lưỡi* • TỬ MINH *lịch sử một tội ác* • HỒ THỊ DƯ *TÂM giọt lệ cho người* • NGUYỄN MỘNG GIÁC *vào đời* • LÊ NGUYỄN NGỮ *quán tản cư* • TRẦN VẠN GIẢ *lục bát* • DÃ NHÂN *thơ* • TRẦN HUIỄN AN *tào khe nước chảy* • **SINH HOẠT** *thời sự thế giới* • *thời sự khoa học* • *thời sự văn nghệ* •



378

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG
HOÀNG MINH TUYNH

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Tòa soạn: TÔN THẮT HÀM

Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

870đ.

1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung: thêm cước phí máy bay một năm: 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí một năm: 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số:

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu)	: 175đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan Đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon.
Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

PHẠM VIỆT TUYỀN <i>người cầm bút từ năm 1954 tới nay, 1972</i> (Trích bài thuyết trình tác giả đọc trong khóa hội-thảo về Sách, do Ủy-hội Quốc-gia UNESCO tổ chức tại Saigon.)	05
TỪ MINH <i>Thế-vận-hội từ Berlin 1936 tới Munich 1972</i>	17
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>tân-toán-học cho tuổi tiền-học-dường</i>	23
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>nhà giáo họ Khổng : tình thầy trò</i>	29
VÕ PHIẾN <i>thành tích trên đầu lưỡi</i>	37
TỪ MINH <i>lịch sử một tội ác</i>	41
HỒ THỊ DƯ TÂM <i>giọt lệ cho người (truyện ngắn)</i>	49
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	55
LÊ NGUYỄN NGŨ <i>quán tản cư (thơ)</i>	64
TRẦN VẠN GIẢ <i>lục bát (thơ)</i>	65
TRẦN HUIỀN ÂN <i>tào khê nước chảy (thơ)</i>	66
SINH HOẠT	
TỪ MINH <i>thời sự thế giới.</i>	67
HOÀNG CHU ÂN <i>trong vườn (truyện ngắn)</i>	71
TRĂNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ.</i>	75
THÊ NHÂN <i>thời sự khoa học</i>	77

● Xin quý bạn đọc ghi giùm số 378 vào ô chữ nhật, ở góc cuối bìa, để sau này tiện tra cứu.

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

GIÁ : 80\$ Công sở : 160\$

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Sách mới

— 3 ngày cuối cùng tại Bộ Tư lệnh Tướng Vũ văn Giai của Lê Huy Linh Vũ do tác giả gửi tặng. Sách dày 68 trang, khổ 21 x 28, kể lại sống động và trung thực cuộc di tản khỏi Quảng Trị ngày 1-5-72 ; một tài liệu quý giá. Giá 160đ

— Trong lạng lẽ Bút ký của Nguyễn Quý Hùng do Phạm Quang Khai xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 494 trang dưới hình thức nhật ký từ 7-11-1963 đến 1-1-1968 là « một thiên lịch sử dãi dào tài liệu quý báu diễn tả V.N. sau ngày C.M. 1963 ». Giá 350đ.

— Thủy sám Từ bi thủy sám pháp do T.T Trí Quang dịch, Thư viện Quảng Hương Già Lam gửi tặng. Sách dày 490 trang gồm các phần dịch nghĩa, dịch âm các cuốn thượng, trung, hạ. Và 5 chương : mở đầu sám hối, sám hối phiền não, sám hối ác nghiệp, sám hối khổ báo, phát nguyện hồi hướng.

— Một sáng mùa hè truyện dài của Quỳnh Dao, bản dịch của Bình Dũng Tôn và Hồng Phong, Đất Lành xuất bản và gửi tặng. Sách trình bày đẹp. Giá 600đ.

— Tôi giết Nguyễn Bình của Trần Kim Trúc do Đông Nai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 256 trang hồi ký của Tham mưu trưởng Trung đoàn 25 Bình Xuyên. Giá 300đ.

— Bãi man rợ tập truyện của Nguyễn Đình Toàn do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm 4 truyện ngắn và 16 trang Từ điển Việt Nam. Giá nhất định 80đ.

— Thu ơi từ đó tập thơ của Tường Linh, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 96 trang, trình bày đẹp, gồm ngót ba chục bài thơ, phụ bản của Vũ Thái Hòa Bản đặc biệt.

— Căn bản chính-trị của phát-triển kinh-tế, khảo sát về phân tách chính trị đối chiếu của Robert T. Holt và John E. Turner do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 246 trang, một tập khảo luận tiên phong về tương quan giữa phát triển kinh tế và phát triển chính trị. Giá 180đ.

— Thân phận tập thơ của Hoài Khanh, do Cadao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in lần thứ 3 gồm ngót 60 bài thơ của tác giả. Phạm Công Thiện viết về nỗi cô đơn của Hoài Khanh.

— Đông du ký bút ký của Nguyễn Sa do Nhân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 98 trang kể lại chuyến đi họp Văn bút Á châu và Văn bút quốc tế tại Đài Bắc và Hán-Thành của phái đoàn Văn bút V.N. với những mẫu chuyện rất hấp dẫn. Giá 200đ.

— Sương gió chiều hôm tập thơ của Huy Trâm do nhà xuất bản Văn Học ấn hành và tác giả gửi tặng. Thi phẩm thứ 3 của tác giả dày 94 trang, gồm 24 bài thơ, Lời mở của Lê Hữu Mục Bạt của Kiên Giang, tranh bìa và phụ bản của Nghy Chương. Bản đặc biệt.

— Một chút cho tình yêu tập thơ của Đynh-Trâm-Ca do Nguồn xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ hai của tác giả dày 48 trang gồm 16 bài thơ. Giá 200đ.

Người cầm bút từ năm 1954 tới nay

(Trích bài thuyết-trình của ông Phạm-Việt-Tuyền trong khóa hội-thảo về Sách, nhân Năm Quốc-tế Sách, do Ủy-hội Quốc-gia UNESCO tổ chức tại Thư viện Quốc-gia (Saigon) trong ba ngày 6, 7 và 8 tháng 9 năm 1972).

Kính thưa Quý vị,

... Nhìn bao quát 18 năm nay, người ta thấy rõ có ba cái mốc lớn đã và đang đánh dấu cuộc sống của toàn dân ở trong đó có giới cầm bút: 1954 với cuộc chia đôi đất nước, với phong trào di cư tìm tự do của hàng triệu người từ miền Bắc và miền Trung ủa vào miền Nam, với sự thiết lập nền đệ nhất Cộng Hòa, với tinh thần say sưa chống Cộng-sản của một số khá đông người cầm bút, với lối viết nhằm giải trí bạn đọc và truyền bá đạo lý của một số người cầm bút khác như nhà văn Hồ-Biêu-Chánh; 1963 với sự sụp đổ của nền đệ nhất Cộng Hòa, với những lớp sóng hưng phế của một giai đoạn chuyển tiếp, với cuộc chiến tranh ngày càng khốc liệt làm rung động toàn quốc từ Ai Bắc tới Hà Tiên, bất chấp ranh giới Bến Hải hay các biên giới giữa Việt Nam và Ai Lao hay Kampuchea, bất chấp các ranh giới chính trị, các biên giới ý thức hệ, giữa tự do, cộng sản, trung lập v.v... với một giới cầm bút ở miền Nam phân tán ra thành nhiều khuynh hướng từ cực hữu đến cực tả, từ viễn mơ, hưởng thụ đến quá khích, tranh đấu qua ôn hòa, xây dựng...; 1972, với chết chóc tang thương, đau khổ, quẫn quại, điều

đứng, từ Hà Nội tới Sài Gòn, trong những ngày tháng mà hòa bình đang lộ rạng tại một chân trời đầy bản khoản, khắc khoải, nhưng cũng đầy hứa hẹn, ở trong đó đa số những người cầm bút đang chuyển hướng đề thích ứng với một chu kỳ lịch sử mới của dân tộc và nhân loại.

Võ Phiến trong bài « Nhìn lại 15 năm văn nghệ miền Nam » (*Bách Khoa* 361-362, các ngày 15-1 và 1-2-72), đã viết :

« Trong sinh hoạt, trước và sau 63 cũng có ít nhiều thay đổi. Thời kỳ 1954-63, có kẻ chê là không có thành tích đáng giá, không có tác giả tiêu biểu nói lên tiếng nói tiêu biểu của thời đại, không có những tài năng lỗi lạc như thời tiền chiến v.v... lại có người cho là một thời kỳ đổi mới, sôi động v.v. Chuyện đó hãy còn bất quyết. Dù sao, người ta thấy là đã có một loạt tên tuổi xuất hiện vào những năm ấy : Doãn quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Dương nghiễm Mậu, Nguyễn mạnh Côn, Nguyễn Sa, Nhật Tiến, Lê tất Điều, Thế Uyên v.v. và những tên tuổi ấy vẫn chưa được thay thế, từ 63 đến nay.

« Giới trẻ từ ấy đến nay — trong nước cũng như trên thế giới — đã gây nhiều xáo động sâu xa về mặt xã

hội và chính trị ; nhưng giới trẻ ở ta chưa nắm được thể chủ động trong sinh hoạt văn học. Không phải lớp sau này có gì thua sút : thiết tưởng đem từng người ra so sánh thì làm thơ mà phóng khoáng đến như Nguyễn Đức Sơn, viết truyện mà tài hoa đến như Hoàng-ngọc-Tuấn,, mà chín chắn như Nguyễn-mộng Giác v.v... ở thời nào cũng hiếm. Vậy mà họ không gây được phong trào, không khuấy động được dư luận, họ không được chú ý như các người viết trước mười lăm năm, trong những nhóm *Sáng Tạo, Quan Điểm..!*»

Nhận định bao quát trên đây về văn học 15 năm qua sẽ thỏa mãn chúng ta nhiều hơn, nếu thay vào những chỗ « v.v... và chấm chấm, » Võ Phiến kể đầy đủ hơn, tên của một

số các nhà văn nhà thơ tiêu biểu trước và sau 1963, với các nhóm văn nghệ có những sắc thái đặc biệt trong mấy khuynh hướng chính đã nêu lên ở đoạn trước.

Sau khi nhìn bao quát các khuynh hướng chính của giới cầm bút sau những cái mốc 1954 và 1963, có lẽ cần kiểm điểm sơ về thành tích của giới cầm bút miền Nam trước hai cái mốc 1963 và 1972. Về tình trạng sách trong 18 năm qua, nhất là mười năm gần đây, Quý vị đã thấy một phần lớn qua cuộc triển lãm sách khai mạc ngày 6-9-72 cùng với khóa hội thảo này (1). Để Quý vị thấy rõ hơn về tình trạng sách hồi trước 1963, tôi xin nhắc lại nơi đây bảng thống kê sách đã từng được treo ở lối ra vào phòng Triển lãm sách tại Sở Thông tin đường Tự do ngày 14-11-1959 :

	: 1954 :	1955 :	1956 :	1957 :	1958 :	1959 :
Triết lý	: 7 :	11 :	8 :	5 :	3 :	2
Văn, sử học	: 9 :	12 :	11 :	12 :	19 :	14
Luật học	: :	:	1 :	2 :	2 :	3
Kinh tế	: :	1 :	1 :	:	:	
Tôn giáo	: 21 :	28 :	24 :	17 :	16 :	12
Văn vần (thơ)	: 5 :	7 :	8 :	12 :	14 :	8
Kịch	: 10 :	14 :	16 :	18 :	12 :	8
Sách nhi đồng	: 294 :	227 :	448 :	330 :	292 :	186
Tiểu thuyết	: 120 :	132 :	147 :	125 :	97 :	52
Thường thức	: 170 :	80 :	123 :	137 :	98 :	72
Dịch Thuật	: 22 :	12 :	8 :	14 :	16 :	5
Giáo khoa	: 810 :	461 :	1012 :	626 :	528 :	327
Tổng số	: 1468 :	985 :	1807 :	1298 :	1012 :	689

(1) Trong phạm vi bài này, tôi không có ý nhắc tới những cuộc triển lãm sách do sáng kiến tư, như cuộc triển lãm năm 1959 do nhà Thống Nhất và cuộc triển lãm năm 1969 do Hội Thư Viện V.N. tổ chức.

Trên *Bách Khoa* số 70 ngày 1-12-1959, Trần quốc Anh đã viết một bài nói về cuộc triển lãm sách ấy. Và sau đây là một đoạn liên quan tới mấy loại văn sáng tác :

“.... Sang ngành tiểu thuyết, thì những cuốn sáng tác trước 1954 được đặc biệt lưu ý về lượng cũng như về phẩm. Sau năm 1959, chỉ vốn vẹn có 9 cuốn ; không có một cuốn nào nói đến cuộc di cư vĩ đại, đến những người khai sơn phá thạch, thành lập dinh điền. Phải chăng lúc này thiếu đề tài ?

Ý nghĩ trên đến với chúng tôi, vì ghé mắt sang vườn thơ, trên 5 kệ sách đen đỏ đẹp mắt, các tập to có, nhỏ có, nhưng không tập nào vượt ngoài lẽ lối trước 1954 ; cũng chỉ *Lệ-Thu*, *Mộng-Mị*, *Tình Duyên*... ngoài cuốn *Từ-Thức* của Đoàn Thêm cố gắng tìm đường, cuốn *Tiếng vông đũa* của Bằng Bá Lân tả cảnh thôn quê mộc mạc.

Tủ sách kịch thì ngoài cuốn *Thành-Cát-Tư-Hãn* của Vũ-Khắc-Khoan không một sáng tác nào mới.

Được cái là tủ sách “*Giáo Dục Gia Đình và Thanh Niên*” kể bên phong phú hơn với những loại sách kiểu *Học làm người* của các nhà xuất bản Phạm-Văn-Tươi và Nguyễn Hiến Lê...”

Sau cuộc triển lãm ấy ít lâu, cũng trên *Bách Khoa*, số 73 (ngày 15-1-1960), trong bài “một vài nhận xét về tình hình văn chương và báo chí

năm 1959”, cô Phương Thảo đã viết như sau về một vài loại văn sáng tác :

“ Về phần tiểu thuyết, mặc dầu con số tổng kết là 52 — con số của phòng kiểm duyệt — nhưng tác phẩm thực sự xuất bản chỉ độ chừng một phần năm. Ngoài *Đò dọc*, *Gieo gió gặt bão* của Bình Nguyên Lộc do tác giả tự xuất bản. *Mưa đêm cuối năm* của Võ Phiến, *Đi Mơ* của Đỗ-thúc-Vịnh *Dòng sông định mệnh* của Đoàn quốc Sỹ do cơ sở Tự Do xuất bản, *Cô gái xóm nghèo* của Phan Du do Văn Hữu xuất bản. *Những người áo trắng* của Nhật Tiến do Huyền Trân xuất bản, thì không còn những tác phẩm nào đáng kể nữa.

“Điều nhận xét trước nhất mà nhiều người có thể tìm thấy dễ dàng là không có tác phẩm nào phản ánh được thời đại, đánh dấu được xã hội chúng ta trong mấy năm nay về một khía cạnh rộng lớn nào...”

“Về thơ, ngoại trừ *Hoa Đăng* của Vũ hoàng Chương đánh dấu một sự chuyển hướng về sáng tác và *Từ Thức* của Đoàn Thêm — một loại tiểu thuyết bằng thơ — có tính cách một công trình dài hơi đề cập đến vấn đề nhân sinh, xã hội thì không còn thi phẩm nào có sự cố gắng đáng ta lưu ý...”

Đúng một năm sau, cũng cô Phương Thảo đã lại viết bài nhận định về “tình hình văn nghệ trong năm 1960” mà tôi chỉ xin trích mấy đoạn :

“Về phần truyện ngắn chỉ có hai người có hai tác phẩm là Đoàn quốc Sỹ với tập *Gìn vàng giữ ngọc* và Hồ

Thùy Dương, Nguyễn mạnh Côn với *Kỳ Hoa Tử* và *Ba người lính nhảy dù lâm nạn*. Bình nguyên Lộc nhiệt tình là vậy mà chỉ ký thác một lần. *Chồng con tôi* của Duy Lam. *Truyện trong Lán* của Nguyễn triệu Nam là những tập truyện ngắn đầu lòng. *Men Chiều* của Nguyễn thị Vinh ghi con số 4 vào những chứng quả của một con đường văn nghiệp. Ngoài ra trong cái gia đình truyện ngắn lứa thừa vẫn còn đôi kẻ mới sinh nhưng cái vóc dáng yếu mềm chưa đủ điều kiện để có thể thành sự sống nghệ thuật.

« Về phần truyện dài, bên cạnh *Những vì sao lạc* của Bùi nhật Tiến có cơn *Ác mộng* của Ngô xuân Phụng, *Giai nhân và chân lý* của La văn Thu, *Những ngày hoang dại* của Nhất Lê, *Thử thách* của Triệu Triệu...

« ... Về mặt nội dung một điểm đáng kể là người cầm bút đã thoát ly khuôn sáo tầm thường để cố khai thác những đề tài mới mẻ. Nguyễn mạnh Côn mạnh dạn phiêu lưu trong một thế giới hoang đường... khoa học. Duy Lam ra công phân tích những cội u ần của phần tiềm thức con người. Về phần lập trường, thái độ của một số người đã thấy xác định rõ rệt. Doãn quốc Sĩ, Nguyễn mạnh Côn, Nguyễn triệu Nam, Ngô xuân Phụng là những cây bút chống cộng, đã lấy tác phẩm làm một phương tiện chiến đấu. Về mặt xã hội, Nhật Tiến và La văn Thu cũng đã nói đến một đôi vấn đề...

« ... Thi ca năm nay có nhiều thay

đổi đáng kể. Trước hết, thi ca biểu lộ được nhiều khuynh hướng khác nhau và mỗi người đều cố khai thác mảnh đất tâm tình riêng biệt của mình. Bên cạnh *Mây* của Vũ Hoàng Chương, tái bản, cố nuôi dư vị ngày qua, *Nhạc để* của Đoàn Thêm tìm tòi những cách biểu hiện mới mẻ nhưng vẫn tôn trọng tinh thần cổ điển, *Mưa gió sông Thương*, của Trương Phổ phảng phất lệ nhòa từ mấy mươi năm về trước, *Tổ ấm* của Anh Tuyển ôn tồn kể chuyện thành thị thôn quê, *Đau Thương* của Thế Viên rền rĩ tấm lòng bất lực, *Lang Thang* của Minh Đức nói lên nỗi niềm đau khổ yêu thương, là những tác phẩm chứng tỏ được một tinh thần nghệ thuật, mặc dù trong số những tác phẩm ấy có những trình độ cách biệt rất đậm. Người ta còn phải kể thêm công trình biên dịch Đường Thi rất là công phu của hai ông Bùi khánh Đản và Đỗ bằng Đoàn. Ngoài ra vẫn còn khá nhiều thi phẩm mà ngay tác giả cũng phải tự thấy là mình đã làm một việc táo bạo trong khi gieo vần, khiến cho người đọc phải lấy giận dỗi pha thêm vào sự thất vọng để bớt nhiều nỗi nặng nề những lúc tìm đọc...

« Về Kịch năm nay, vốn vẹn chỉ hai tác phẩm, *Kim Tiền* của Vi Huyền Đắc tái bản và *Nhập Đô Thành* của Trương Linh Tử, một vở kịch thơ, tác phẩm sau này tuy là công trình mới mẻ nhưng xem nội dung cũng như kỹ thuật còn xưa hơn cả *Kim Tiền* ra đời cách đây trên vài mươi

năm. Mặc dầu chưa được hoàn thiện giá trị lâu bền của vở *Kim Tiền* xác nhận điều này: con người văn nghệ, nhất là nhà soạn kịch, muốn có tác phẩm đặc sắc, phải nói cho được những vấn đề lớn của thời đại mình phải có thái độ tích cực đối với những đòi hỏi chính đáng, những bản khoản tiêu biểu của xã hội mình, tóm lại là phải dám nhìn sự thực, dám nói sự thực...» (*Bách Khoa*, số 97 ngày 15-1-1961).

Đề kiểm điểm lại tình hình văn nghệ và tình hình xuất bản, từ 1961 trở về trước, tôi đã dựa một phần lớn vào tạp chí *Bách Khoa* một đường có những bài của cô Phương Thảo phê bình sách và tổng kết tình hình văn nghệ hàng năm, một đường có những bài trả lời phỏng vấn và tổng kết về tình hình xuất bản của Nguyễn Hiến Lê. Còn kiểm điểm lại tình hình văn nghệ và tình hình xuất bản từ năm 1962 trở về sau thì tôi đã phải đọc lại tập san *Tin Sách* với những bài của Quốc Chính, Thu Thủy, Nguyễn Hiến Lê, Quốc Thái, Uyên Thao, Ngê Bá Lí, Hồ trường An và Đoàn Y Linh v.v.

Trong lúc ôn lại tình hình văn nghệ và tình hình xuất bản sách từ 1954 tới nay để viết bài thuyết trình này, cũng như trước kia trong lúc theo dõi các sinh hoạt văn nghệ và các hoạt động văn hóa khi dòng sống của các người cầm bút, nhất là của các nhóm cầm bút, còn đang diễn tiến biến chuyển trải 18 năm qua, tôi thường bản khoản tự đặt ra nhiều câu hỏi và

cũng thường nghe thấy nhiều câu hỏi khác ngoài được nêu lên trong giới cầm bút.

Chẳng hạn trong một bài nói chuyện hồi 1955 về đề tài: «*Sống và Viết*» (có in lại trong cuốn *Quan điểm về mấy vấn đề văn hóa Tự Do* 1959), trước khi bàn về những mối tương quan giữa sáng tác văn nghệ và sinh hoạt cá nhân với sinh hoạt xã hội, tôi đã nêu lên một số câu hỏi như thế: «*Không hiểu tại sao công chúng Việt nam ta nhiều khi có thái độ rẻ rúng thờ ơ đối với văn nghệ? Không hiểu tại sao quyền lợi của văn nghệ sĩ ở Việt Nam ta thường nhỏ nhoi và mong manh quá?... Tại sao văn nghệ sĩ Việt Nam phần đông ngần ngại quá? Có những tài năng, lúc chớm nở thì mơn mớn hứa hẹn, mà dần dà đã úa tàn trước khi trải qua mùa sứ mệnh?*» Trong một buổi nói chuyện khác, tại Câu lạc bộ Văn nghệ ở đường Phan đình Phùng tối 19-11-1955 (cũng có ghi lại trong cuốn *Quan điểm về mấy vấn đề văn hóa* kể trên) tôi đã đặt ra và cố gắng trả lời mấy câu hỏi: «*Văn nghệ có phải có nhất thời tính hay không? Văn nghệ có phải có trường cửu tính hay không? Giá trị văn nghệ phải chăng ở nhất thời tính? Giá trị văn nghệ phải chăng ở trường cửu tính?*»

Trên báo *Tin Sách* (bộ mới, số 8, tháng 2-1963), nhân bàn về «*Tiểu thuyết trong năm 1962*», Quốc Chính đã đi từ nhận định: «*Hơn bao giờ hết, chúng ta hiện đang thiếu những*

tác phẩm lớn, những tác phẩm khả dĩ phản ánh được thời đại và đóng góp được ít nhiều giá trị về văn chương nghệ thuật» đến chỗ đặt ra cả một vấn đề: «Tại sao chúng ta lại thiếu tác phẩm lớn trong lúc chúng ta không thiếu những nhà văn có chân tài?» Trong buổi nói chuyện về «một số hiện tượng trong sinh hoạt văn nghệ hiện nay» do Trung tâm Văn bút Việt nam tổ chức tại trường Quốc gia Âm nhạc ngày 12-4-70, Vũ Hạnh (lúc ấy mới được trả tự do sau gần ba năm trời bị giam giữ) đã nhắc nhở câu hỏi sau đây: «Tại sao chúng ta chỉ có tác phẩm ăn khách, tác phẩm bán chạy một thời, mà không có những tác phẩm thực sự giá trị?» (bài nói chuyện có đăng ở *Bách Khoa*, số 319 ngày 15-4-70 và số 320 ngày 1-5 70).

Những câu hỏi bản khoăn khắc khoải như vậy thường nảy ra giữa những buổi sinh hoạt ồn ào của giới cầm bút hay giữa những đêm mất ngủ của một người cầm bút. Những câu hỏi ấy khiến người ta đặc biệt quan tâm tới các hiện tượng trong giới cầm bút trái 18 năm qua.

Có những hiện tượng liên quan tới cá nhân của một người cầm bút, như «hiện tượng Chu Tử». Về «hiện tượng Chu Tử», Quốc Chính đã viết như sau trong *Tin Sách* số 20 (tháng 2-1964): «Hiện tượng đáng chú ý nhất trong năm là hiện tượng Chu Tử. Chúng tôi đã trình bày hiện tượng này trong số trước. Một điều đáng nói thêm là ngoài yếu tố «đang

ăn khách», Chu Tử còn gặp thêm một điều may: các nhà xuất bản ghen tức lẫn nhau nên ganh đua nhau dành dặt tác phẩm của Chu-Tử. Chắc chắn là truyện của Chu Tử còn bán chạy được khá lâu nữa, cho tới khi nào các nhà xuất bản chán hay mệt trong việc tranh dành không mấy lợi lộc này.

«Hiện nay Chu Tử là tác giả bán được tác quyền cao giá nhất. Sau Chu Tử, nhà văn «có giá» hơn cả là Hồ Hữu Tường. Người trước vì đang có đông độc giả; người sau vì có sẵn một số độc giả, lại có thêm danh tiếng của một bản án tử hình vừa được hủy bỏ...»

Không những giới cầm bút mà cả các giới khác trong xã hội tưởng cũng nên suy nghĩ về hiện tượng những sách bán chạy, ăn khách như: Các tiểu thuyết của Chu Tử hồi 1963-64; các tập thơ diễm tình của Nhất Tuấn liên tiếp ra đời cũng hồi 1963-64 dưới một tên chung là «*Truyện chúng mình*» gây cảm xúc mạnh trong giới trẻ lãng mạn, tuy chẳng có giá trị gì đặc biệt về mặt văn chương; các truyện kiếm hiệp của Kim Dung mà từ hồi 1964-65 các báo đã giành giật nhau đề dịch và đăng; các truyện tình cảm của Quỳnh Dao mà hiện nay các dịch giả đang đua nhau dịch, các nhà xuất bản đang tranh nhau in, thanh niên thiếu nữ rủ nhau mà đọc một cách say mê...

Có những hiện tượng liên quan tới từng nhóm người cầm bút: từ những nhóm sinh hoạt và sáng tác

khá sôi nổi như *Sáng Tạo*, *Quan Diêm*, *Vấn Đề*, *Trình Bày*; qua những nhóm thân mật hội họp với nhau để ngâm thơ đọc văn như nhóm *Quỳnh Dao*; tới những nhóm tương đối trẻ tuổi, say sưa văn nghệ, sinh hoạt rất hăng hái náo nhiệt, nhưng hợp mau lắm mà tan cũng dễ dàng; cho tới những hội sinh hoạt lâu bền hơn như Trung tâm Văn Bút Việt Nam trong 16 năm qua đã qui tụ nhiều người cầm bút có lắm khuynh hướng và sắc thái khác nhau, đã từng tổ chức nhiều cuộc nói chuyện văn chương, nhiều buổi hội thoại văn nghệ, nhiều buổi hội thảo văn hóa, nhiều giải thưởng văn chương sáng tác. Có những nhóm văn nghệ, những hội văn hóa đã đánh dấu sự hiện diện của mình bằng một số sáng tác phẩm tương đối có giá trị văn học hay bằng một số hoạt động tương đối có ích lợi cho văn chương và văn hóa.

Nói đến các nhóm, những người theo dõi tình hình văn nghệ từ sau 1954 nhất là từ sau 1963 cho tới nay, không thể không nhắc tới những hiện tượng không lấy gì làm tốt đẹp bắt nguồn từ đầu óc phe phái, có khi đượm mặc cảm địa phương, có khi thấm nọc độc đồ kỹ nhỏ nhen. Một trong những người quyết liệt chống cái đầu óc phe phái ấy là Nguyễn Sa. Trong tập *Những năm sáu mươi* chẳng hạn, Nguyễn Sa đã nhiều lần lên tiếng đả kích những « *thằng văn nghệ phe nhóm* » (Ném đá) « những thằng sa đích phê bình văn

nghệ rẻ tiền » (*Cắt tóc ăn Tết*),

« Những đứa sát nhân, vu oan giá
họa,

Những đứa chụp mũ, chụp mũ,
chụp mũ

Mỗi ngày một tăng theo cấp số
nhân »

(*Bao giờ*)

Và trong tập văn *Một bông hồng cho vấn nghệ* của Nguyễn Sa, hình ảnh của « những thằng ghen tuông, những thằng chụp mũ, những thằng ăn không nói có » lợi dụng và lạm dụng ngòi bút, lợi dụng và lạm dụng phê bình, vẫn thường thấy tác giả dựng lên đề xi và ..

Có những hiện tượng liên quan tới giới cầm bút nói chung nhiều hơn. Ở đây, tôi chỉ nhắc tới mấy hiện tượng điển hình hơn cả, có cái xấu mà cũng có cái tốt.

1) Hiện tượng tái bản sách thời tiền chiến và hiện tượng kỷ niệm các nhà văn, thơ quá cố.

2) Các hiện-tượng khai thác loại truyện tiểu lâm, khai thác tình dục trong tiểu thuyết, đem truyện đăng báo in thành sách, sản xuất những sách nhi đồng nhằm nhí bán rẻ mạt

3) Hiện tượng văn nghệ xa lìa thực tế, xa lìa cuộc sống của đại đa số nhân dân và chống đối chế độ kiểm duyệt.

4) Hiện tượng nghề cầm bút không thể nuôi sống người cầm bút và hiện tượng các người cầm bút đua nhau mở nhà xuất bản.

Hầu hết những người cầm bút trong xã hội ta hiện nay dần phải coi nghề cầm bút làm thơ, viết văn, soạn kịch như là một nghề tay trái (tuy là một nghề lý tưởng !) để tìm nguồn sống thực tế cho chính mình và cho gia đình ở một nghề khác. Một số làm nghề giáo ở các bậc Tiểu học, Trung-học, Đại học như Thanh Lãng, Nguyễn Sa, Nguyễn Văn Trung. Một số làm công chức thuộc Bộ Thông Tin như Võ Phiến, Đỗ Tiến Đức... hoặc thuộc Phủ Văn-hóa như thi sĩ Á - Nam Trần-Tuấn-Khai, nổi tiếng từ hồi Pháp thuộc. Võ-Long-Tê, Lê-Hương, nhiều khi ở những cơ quan chẳng có liên hệ gì với thơ văn hết cả như Đỗ Thúc Vịnh, Huy Lực ở Bộ Canh nông. Đặc biệt là trong khoảng mười năm gần đây thì một số khá đông các nhà thơ văn trẻ đã khoác áo nhà binh, như những Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu, Nhật Tiến, Nguyễn Vũ, Du Tử Lê v.v... Ấy là chưa kể những người cầm bút giữ trọng trách trong ngành Chiến tranh Chính trị như Cao Tiêu, Hà Thượng Nhân... Tôi cũng tiếc là thời giờ có hạn nên không cho phép đề cao những người cầm bút đã bỏ mình vì nước trong khi cầm súng như những Y-Uyên, Doãn Dân...

« ...Trong 18 năm qua, có biết bao nhà xuất bản đã chết như lá rụng ! Và ai đã từng đi dạo các vỉa hè Lê Lợi, lề đường Công Lý để xem sách cũ đều có lúc phải đau lòng thấy những sách của các tác giả nổi tiếng bị bày bán « xon ». Và trong những

mớ sách bán « xon » đó có cả những sách tương đối mới, xuất bản chưa đầy nửa năm !...

Kính thưa các nhà cầm bút,

Thế giới đã tiến đến thời kỳ dân chủ ở trong đó Quần-chúng làm vua, nhân loại đã tiến đến một nền văn minh đại chúng trong đó các « Đám đông » trở thành ông hoàng bà chúa. Nếu giới cầm bút muốn khỏi bị ông vua Quần-chúng và các ông hoàng bà chúa mang tên gọi Đám đông A, Đám đông B bỏ dúi về vật chất hoặc nếu giới cầm bút chúng ta muốn soi sáng cho vua chúa mới của chúng ta khỏi sai lầm để trở nên độc-tài, tàn bạo v.v.v... thì chúng ta cần phải viết « sách cho mọi người » như UNESCO đã hô hào, trước tiên và nhiều nhất là cho những đám đông nhi đồng, những đám đông thanh niên thiếu nữ, những khối đồng bào nông dân, ngư dân, những khối đồng bào thợ thuyền, lao động, những khối đồng bào quân nhân, cán bộ... Muốn được như vậy, chúng ta cần phải thoát ly những hòn đảo lẻ loi như phòng trà, quán rượu để dẫn thân vào những môi trường sinh hoạt rộng lớn náo nhiệt như đồng ruộng, như chiến trường, như bến tàu, bến xe, xưởng máy, lều chợ v.v...

...Như Quý vị đều thừa biết, trong giới cầm bút có một hạng người cầm bút đóng vai trò đặc biệt, nếu xét về mặt giúp cho sách được phát triển. Đó là các nhà phê bình. Bên

(xem tiếp trang 62)

Thế - vận - hội

từ Berlin 1936 tới Munich 1972

Cứ 4 năm một lần các lực sĩ trên toàn thế giới lại được dịp gặp gỡ để tranh tài tại Thế-vận-hội. Ngay từ khi được tổ chức vào năm 1896 tới nay Thế-vận-hội luôn luôn được coi là một đền thờ lưu động của tình đoàn-kết giữa các quốc-gia trên thế giới. Thật vậy, thể thao có lẽ là một hoạt động của con người ít mang màu sắc vị-kỳ, quốc gia hay địa-phương nhất. Khi nối tiếp lại tinh-thần của người Hy-lạp thượng-cổ, Nam-tước Pierre de Coubertin không mong gì hơn là tạo nên một môi trường thuận lợi để tình người được dịp nảy nở giữa một thế-giới đầy hận thù trong cuộc tranh chấp quyền-lực.

Nếu qua Pierre de Coubertin, nước Pháp có thể tự hào là đã tiếp nối được tinh thần tương thân tương ái giữa những nhà thể thao trên thế giới do người Hy-lạp cổ thời để lại thì người dân Đức qua các cuộc tìm tòi khảo cứu của các nhà bác học

cũng tự hào không kém là đã tái tạo được thành phố Olympie, nơi Thế-vận-hội được tổ chức vào thời thượng cổ.

Nhưng dân-tộc Đức lại gặp một điều không may mắn là trong 36 năm qua mỗi khi Thế-vận-hội được tổ-chức tại Đức thì vô tình hay cố ý người ta đã đi ngược lại tinh thần của Thế-vận. Năm 1936 Thế-vận-hội được tổ chức tại Berlin không nhằm mục đích nào khác là phô trương lực lượng của chế-độ Hitler dựa trên bạo-lực và trên một tinh thần quốc gia cực đoan. Khi tổ chức Thế-vận-hội Munich năm nay ngược lại người dân Đức muốn tạo ra một cảnh tượng tương thân tương ái quốc-tế hầu xóa bỏ những kỷ niệm xấu xa của Berlin 36 năm về trước. Nhưng một sự khôi hài của lịch sử đã một lần nữa đưa bạo lực vào Thế-vận-hội Munich để khoác lên người dân Đức một mặc cảm tội lỗi.

I. THẾ-VẬN-HỘI BẮ-LINH, TƯỢNG TRƯNG CỦA BẠO QUYỀN

Nếu «Thế-vận-hội» trong danh từ Việt-nam chỉ có nghĩa là một đại-hội thể-thao quốc-tế thì trong tiếng Anh (Olympic Games) hay trong tiếng Pháp (Jeux Olympiques) còn nói lên truyền thống Hy-lạp của đại-hội này. Thế-vận-hội đầu tiên trên thế-giới đã được tổ chức vào năm 776 trước

Thiên-Chúa giáng sinh tại thành phố Olympie thuộc xứ Hy-lạp. Tại Olympie người ta chỉ tổ chức có một cuộc chạy đua. Các đối thủ từ các nước lân cận tới tranh tài với nhau trong cuộc chạy đua trên một đoạn đường dài 190 thước mà người ta gọi là Stade. Và cũng từ đó người ta có

danh từ Stade để chỉ một vận-động-trường.

Những cuộc tranh tài tại Olympie luôn luôn được mang một màu sắc thân-hữu. Các đấu thủ từ các nước ngoài tới được chính quyền Hy-lạp đối đãi trọng hậu. Người Hy-lạp không bao giờ cõ võ cho riêng «gà nhà» mà chỉ hoan hô nồng nhiệt những người thắng cuộc. Sự tiếp đãi nồng nhiệt của người Hy-lạp dành cho các đấu thủ ngoại-quốc chỉ có kém sức nóng của mặt trời chói chan ở Olympie. Pindare một thi sĩ Hy-lạp đương thời đã ca tụng Thể-vận-hội Olympie bằng những vần thơ bất diệt tạm dịch như sau :

«Đừng tìm đâu mặt trời sáng hơn
Hy-lạp.

«Hay Thể-vận nào lớn hơn Olympie».

Nhiều kẻ xấu miệng nói rằng sở dĩ Pindare ca tụng ngôi ca tụng được Olympie chỉ vì Pindare ngồi trong bóng mát của các lâu đài ở Athène nên không biết mặt trời Olympie nóng đến thế nào và muối ở Olympie đốt đau ra sao.

Cuối thế-kỷ thứ 4 sau Thiên-Chúa giáng sinh, Hoàng-đế La-mã Théodose muốn xóa bỏ ánh sáng văn-minh Hy-lạp nên đã ra lệnh phá hủy thành phố Olympie. Sau đó một trận động đất đã đưa di tích của thành phố này vào trong lòng đất. Truyền thống Thể-vận-hội cũng vì đó mà biến hẳn khỏi lịch-sử thế-giới. Vào thời Trung-cổ người ta hoàn-toàn không còn biết

đến Olympie là gì nữa.

Vào đầu thế kỷ thứ 19 các nhà khảo-cò Pháp bắt đầu tìm kiếm để khôi phục lại thành phố lịch sử này. Nhưng trước những khó khăn các nhà bác-học Pháp phải bỏ dở công cuộc khảo cứu. Công trình của Pháp được các nhà khảo-cò Đức tiếp nối. Từ năm 1875 tới năm 1960 các nhà bác học Đức đã kiên nhẫn đào đất để kiểm từng viên đá, từng hòn gạch để tái tạo lại di tích huy hoàng của thành phố Olympie.

Nếu người Pháp phải bỏ dở công cuộc khảo cứu các di tích vật chất của Olympie, thì họ lại cố gắng phát huy tinh thần thể thao của thành phố này. Dưới sự cõ động của một vị quý phái Pháp là Nam-tước Pierre de Courbetin, Thể-vận-hội tân tiến đầu tiên đã được tổ chức tại thủ đô Hy-lạp Athènes vào mùa hè năm 1890. Cho tới năm 1936 người ta vẫn không khai mạc Thể-vận-hội bằng những nghi-lễ rườm rà và không rước lửa thiêng như ngày nay. Courbetin chỉ dồn mọi cố gắng để khôi phục lại một tinh thần thể thao vượt biên-cương mà thôi.

Chính người Đức đã khôi phục lại nghi-lễ rước lửa thiêng. Mùa hè năm 1936, Hitler lên cầm quyền được 3 năm. Chính thể Đức quốc-xã của Hitler đang bắt đầu áp dụng một chính sách gây hấn và thôn tính. Năm 1936 cũng là năm mà Hitler tái chiếm lại các lãnh thổ bên hữu ngân sông Rhin và đang bắt đầu đàn áp những người Đức gốc Do-thái. Nhận

tổ chức Thế-vận-hội, Hitler muốn không những biểu-dương lực-lượng của chính-thể quốc-xã mà còn muốn tỏ ra rằng những người Đức thuộc giống Aryens tóc vàng mắt xanh thuộc "giòng giống cao quý" mới chính là những người thừa kế chính thống của văn-minh Hy-lạp. Goebbels, một tay chân của Hitler, muốn đưa ra triển lãm những lực sĩ Đức đẹp nhất, khỏe nhất, đề tượng trưng cho sự-kiện toàn mỹ của thể-xác và tinh-thần người Hy-lạp cổ thời. Ngọn đuốc thiêng được đốt lên tại Hy-lạp trước đền thờ Hera và được trên 3000 lực sĩ truyền tay nhau chạy trên 3000 cây số vào ngưỡng cửa Đức ở thành phố Dresde và tiếp tục tiến tới Bá-ling, thủ đô của cựu Vương-quốc Phổ có tiếng là hiếu chiến. Tại Bá-ling người mục đồng Hy-lạp, huy chương vàng môn điền-kinh tại thế-vận-hội Athenès 1896 đã long trọng trao đuốc thiêng cho Hitler giữa tiếng hoan hô vang dậy của 100.000 "Thanh-niên Hitler", một đoàn thể nòng cốt của chế-độ độc-tài quốc-xã. 20.000 chim bồ câu "hòa bình" được thả nhưng vì chiếc khinh-khí cầu "Hindenburg" (tên một vị quân phiệt Đức) được thả cùng một lúc nên chim « hòa bình » bỏ chạy tán loạn. Quốc-thiệu Đức được cử lên

và liền theo đó ban nhạc chơi bản « Horst Wessel Lied » là một hành khúc ca ngợi chiến tranh của Đức-quốc-xã.

Tuy chính-thể Hitler cam đoan với ban tổ-chức là sẽ không kỳ-thị chủng-tộc theo đúng Hiến-chương Thế-vận nhưng khi lực sĩ da đen Mỹ Jess Owen đoạt giải vô địch nhảy xa (8,06 thước) đánh bại lực sĩ Đức Lutz Long, Hitler bỏ khán đài danh dự ra về và từ chối không chịu bắt tay « tên lính đánh thuê » (mercenain) Owen. Nữ nhiếp-ảnh-viên Đức Leni Riefenstahl được chỉ định phụ trách phóng sự quay phim Thế-vận-hội Bá-ling đã thực hiện được một cuốn phim lịch-sử. Nhưng sau đó Leni lại bị thất sủng chỉ vì thuộc gốc Do-thái.

Thế-vận-hội Bá-ling đã là một sự-kiện có phương hại tới tinh thần Thế-vận nên trong 36 năm qua người Đức luôn luôn muốn xóa bỏ những kỷ niệm xấu xa này. Năm 1972 chính phủ Tây-Đức của ông Willy Brandt muốn lợi dụng việc Tổ-chức Thế-vận-hội để rửa oan cho dân Đức nên đã dồn mọi nỗ lực tài chánh và sáng-kiến đề đề cao tinh-thần tương-thân quốc-tế tại Munich.

II. THẾ - VẬN - HỘI MUNICH, TOAN TÍNH GIẢI OAN CHO NGƯỜI DÂN ĐỨC

Thế-vận-hội Munich 1972 được quan-niệm như một sự tượng-trưng của một thế-giới đoàn-kết hòa đồng.

Vì vậy mà chính phủ Willy Brandt đã tính kỹ từng chi tiết một. Trước hết Thế-vận-hội được đặt tại Munich,

thủ-đô của xứ Bavière, tượng trưng cho những người Đức "lè phè" thích nhậu rượu bia.

Một ngân-sách khổng lồ 1972 triệu đồng Mã Đức hay 650 tỷ Mỹ-kim (tức 282 tỷ bạc Việt-nam) được tung ra để thiết lập "Làng Thế Vận" và các cơ-sở, các võ-đài, hồ tắm, sân banh... Làng Thế Vận là cả một thành phố được xây cất trên một khu đất rộng 3 triệu thước vuông. Thành phố này được kiến tạo hoàn toàn mới mẻ với các cao ốc để làm nơi trú ngụ của các phái đoàn. Một hệ thống đường xá mới được tạo lập để nối liền Làng Thế-Vận với các đô-thị lớn. 21 cầu và đường hầm được xây cất. Một hệ thống xe lửa tốc hành và xe điện ngầm nối liền trung-tâm thành phố Munich tới Vận-động-trường. Để lập làng Thế-vận người ta đã phải di chuyển tới 3 triệu rưỡi thước khối đất. Số lượng thép được sử dụng có thể làm được 4 ngọn tháp Eiffel như ở Paris, số bê-tôn được sử dụng có thể xây được một cái cột với một chiều cao 50 thước với chiều rộng ngang với một sân túc cầu. Dưới thời Đệ-nhị thế-chiến thành phố Munich bị không lực Đồng minh tàn phá, đồng gạch ngói chất thành một quả đồi nhân tạo, để cho quả đồi này có tính cách thảm mỹ Tây Đức đã trồng 180.000 cây cỏ thụ nhập cảng từ miền Nam nước Pháp sang. Vận động trường có một mái bằng kính không vỡ (plexiglas) rộng 75.000 thước vuông. Những bãi cỏ được sưởi ấm để các lực sĩ khỏi bị lạnh

chân. Tất cả các kỹ thuật tân tiến nhất được sử dụng như máy điện-tử để đo thời gian chạy đua như hệ-thống vô-tuyến truyền-hình và truyền thanh toàn diện.

Tuy dồn những nỗ lực tài chánh khổng lồ vào việc tổ chức Thế vận hội, nhưng chính phủ Tây Đức cố tránh để các cơ sở xây cất không có tính cách khiêu khích khoa-trương như ở Berlin năm 1926. Để xóa bỏ cảnh tượng 100.000 Thanh niên Quốc xã tụ tập trên thao trường năm nào, Tây Đức năm nay chỉ thiết lập một vận động trường có 47.000 chỗ ngồi và thêm vào 33.000 chỗ đứng cho đủ 80.000 khán giả dự kiến mà thôi. Trong buổi lễ khai mạc đoàn lực sĩ Đức diễn hành cố tình không đi theo hàng lối để người ta không còn liên tưởng tới cảnh tượng các lực sĩ của Hitler đi đều bước theo nhịp điệu của một hành khúc chiến tranh ngày trước.

Tuy cố gắng loại bỏ những hành động chính trị khỏi Thế-vận-hội, nhưng các hành động này đã cố tình xáo trộn đời sống Thế-vận. Ngay từ lúc đầu các đấu thủ da đen người Ethiopie và người Kenya đã phản đối không tham dự Thế-vận-hội chỉ vì có sự hiện diện của nước Rhodésie da trắng có chính sách kỳ-thị chủng-tộc. Như vậy môn điền-kinh của Thế-vận-hội mất tính cách hấp dẫn vì những người da đen thường có khiếu về môn này.

Đoạt huy chương vàng về môn bắn súng, đấu thủ Bắc Cao đã tuyên bố rằng anh thắng là vì khi tranh tài

anh luôn nghĩ tới lời Kim-Nhật-Thành khuyên anh ta nên bắn vào bia như bắn vào kẻ thù. Sau đó người ta lại thấy một vụ lộn xộn khác xảy ra khi hai lực sĩ da đen Mỹ Matthew và Collett đoạt huy chương vàng và huy chương bạc về môn chạy đua. Hai lực sĩ này đã đứng chống nạnh từ chối không chịu chào quốc ca của chính nước họ để phản đối chính sách kỳ-thị của người Mỹ da trắng. Hai lực sĩ này sau đó bị phạt không được quyền tham dự Thế-vận-hội kỳ tới.

Những vụ rắc rối trên đây tuy vậy cũng không ngăn cản được bầu không khí thân hữu khăng khít giữa các đấu thủ tại Thế-vận-hội trong 10 ngày đầu. Đột nhiên 5 giờ sáng ngày thứ ba 5-9 một toán 8 tên khủng bố Palestine đã trèo tường xâm nhập vào cao ốc 32 rơi phái đoàn Do-thái cư ngụ. Thấy động 3 lực sĩ Do-thái Yosef Gutfreund, Yosef Romano và Moshe Weinberg đã hy sinh chặn cửa chống trả để cho các bạn nhày qua cửa sổ trốn chạy. Cả 3 lực sĩ này bị hạ sát ngay tại chỗ. Khi quân khủng bố phá cửa vào được phòng thì 9 lực sĩ Do-thái chạy không kịp nên bị bắt giữ làm con tin. Quân khủng bố ra điều kiện là chính phủ Do-thái phải trả tự do cho 200 tù binh Palestine nếu không họ sẽ sát hại hết con tin.

Thủ-Tướng Tây-Đức đã cố gắng thương thuyết với phe khủng bố, đề nghị đóng một số tiền chuộc vô giới hạn, nhưng phe khủng bố từ

chối. Họ muốn hành động để phục vụ cho dân tộc Ả-rập ở Palestine chứ không phải là để lấy tiền. Những kẻ khủng bố này thuộc tổ chức lấy tên là « Tháng Chín Đen » (Black September) để kỷ niệm tháng 9-1970 khi Quốc vương Hussein xứ Jordanie đem quân đánh đuổi phong trào kháng chiến Palestine. Những người thuộc tổ chức « Tháng Chín Đen » có một thái độ hết sức cuồng tín. Vì vậy mà khi các yếu nhân Tây Đức tình nguyện thay thế các con tin Do-thái, phe khủng bố cũng không chịu. Ông Willy Brandt điện thoại cho Tổng-thống Ai-cập Sadat để nhờ can thiệp. Sadat không trả lời, nhưng Thủ-tướng Ai-cập Aziz Sidky từ chối không chịu « can thiệp vào nội bộ của phe kháng-chiến Palestine ». Không biết làm sao hơn ông Brandt đành năn nỉ xin bà Golda Meir, nữ Thủ-tướng Do-thái nhượng bộ. Nhưng sau khi tham-khảo Hội-đồng Nội các, Do-thái từ chối không thỏa mãn yêu sách của phe khủng-bố.

Trước một bức tường bất thông cảm của cả các chính phủ Ả-rập lẫn Do-thái ông Willy Brandt chỉ còn cách là vận dụng các phương tiện tối đa để làm tròn nhiệm vụ một Quốc-gia tổ chức Thế-Vận-hội. Sau hơn 20 giờ thương thuyết ông đã đưa trực-thăng tới chỗ quân khủng bố và các con tin tới phi-trường Fürstfeldbruck. Tại đây các tay thiện xạ của cảnh sát Đức đã mai phục sẵn để bắn vào các quân khủng bố. Nhưng vì không biết rõ quân khủng bố có bao nhiêu

người, nhà chức trách Đức chỉ đặt có 5 thiện xạ phục kích trong khi có những 8 tên khủng bố. Kết quả là khi cảnh sát Đức nổ súng chỉ có 2 tên khủng bố chết và 1 tên bị thương vào đợt đầu. Những tên còn sống quay lại hạ sát luôn tất cả 9 lực-sĩ Do-thái bị bắt làm con tin. Rút cục là 5 tên khủng bố bị hạ sát và 3 tên bị bắt. Trong số 9 lực-sĩ Do-thái bị bỏ mạng hai người vừa hồi hương về Do-thái là David Berger và Mark Slavin. David Berger 26 tuổi sinh trưởng tại Ohio bên Hoa-kỳ. Berger hành nghề luật-sư tại Hoa-kỳ cho tới năm ngoái thì quyết định về Do-thái để có thể tham dự Thế-vận-hội dưới màu cờ Do-thái. Mark Slavin, 18 tuổi, thì từ Nga tới Do-thái cách đây 3 tháng để được phục vụ Do-thái mà anh coi là tổ quốc của anh. Slavin không nói được tiếng Do-thái nên hoàn toàn không hiểu sao lại bị bắt giữ.

Vụ tàn sát ở Munich đã bao phủ lên làng Thế-vận một màu tang đen tối. Lần đầu tiên trong lịch sử Thế-vận người ta phải ngưng các cuộc tranh tài một ngày. Khi tấm bị-kịch chấm dứt trong máu lửa, các cuộc tranh tài được nối tiếp một cách chán nản rời rạc. Các lực sĩ thấy các huy chương vàng, bạc hay đồng không còn một ý nghĩa gì nữa. Phái đoàn Do-thái rút khỏi Thế-vận-hội Munich mang theo thi hài của 11 người bạn về Tel Aviv. Và người

dân Đức có cảm tưởng rằng mặc dầu với đủ mọi thiện-chí, cái rớp bạo-lực hình như vẫn còn ám ảnh họ. Hai cô tùy-viên báo-chí Ả-rập, một thuộc nước Jordanie, một thuộc Tunisie ngồi khóc ròng vì bị ban Tổ-chức cho nghỉ việc.

* * *

Thế-vận-hội Munich đã bế mạc trong đêm hôm 11-9-1972. Vì không khí tang tóc còn phảng phất nên người ta đã tiết giảm các nghi thức thường lệ. Một chiếc xe hoa chở các thùng rượu bia tượng trưng sự biết ơn của Tiểu-bang Bavière đã mở đầu cuộc diễn hành. Phái đoàn lực sĩ lần lượt diễn qua khán đài danh dự sau lá cờ của nước mình, chỉ riêng sau lá cờ Do-thái là không còn lực sĩ nào bước theo cả. Chủ tịch Thế-vận-hội Brundage đọc diễn văn bế mạc dứt lời. Các lực sĩ tan hàng khoác tay nhau, ôm nhau hôn hẹn tái ngộ tại Gia-nã-đại năm 1976 như để cố nhớ lại lời của nhà hiền triết Hy-lạp Lysias « trong thời thượng cổ thế giới thường qui tụ tại Olympie để học cách reo mừng tình bạn này nở trong mỗi con tim ». Nhưng lần này bài hát « Auld Lang Syne », câu ca « Ce n'est qu'un au-revoir » có vẻ tẻ nhạt và rời rạc hơn xưa. Trăm ngàn ánh đèn phụt tắt, chỉ còn ngọn lửa Thế-vận bập bùng cháy lụi dần dần trong bóng đêm sương lạnh.

TƯ MINH

Tân-toán-học cho tuổi tiền-học-đường

Đồ chơi và trò chơi

Không phải hễ có tiền thừa mới có được đồ chơi cho con nhỏ. Chỉ cần có ý-thức rằng đồ chơi là cần cho trẻ con và ta có thể nhân đó mà giáo-dục cho nó nhiều điều bổ-ích: những cái ve, cái hộp, một cái đồng hồ hư, một bộ-phận máy nhỏ, một ống nhựa, dây cao-su, một ống chích thuốc bỏ đi, cây bút máy hỏng, mọi dụng-cụ phế-thải nhỏ bằng nhựa, đồng, sắt, sạch-sẽ có thể làm đồ chơi tốt cho trẻ. Nó tháo ra tất cả để ráp lại theo ý nó, nó bỏ cái này vào cái khác, sắp đặt có ngăn nắp theo một thứ-tự mà nó chọn. Nó tự đặt cho mình một tiêu-chuẩn và gán cho mỗi vật một ý-nghĩa (mà sau này dạy tân-toán-học, thầy nó bảo nó gọi là *thỉnh-đề* (axiome) (1), *định-nghĩa* (définition), để sử-dụng các vật tí-hon trong tay nó như nó sẽ làm thầy làm thợ lúc lớn lên: đây là cái nhà, kia là ông lính, nọ là cái xe mà nó cầm đầy chạy, miệng phát ra tiếng u-u... Trí tưởng-tượng giúp nó có cảm-tưởng ở trong một đời sống có *mạch-lạc* và *hợp-luận-lý* như chúng ta, để mà sắp-đặt, gìn-giữ, phán-đoán, so-sánh, chọn-lựa, lo-liệu, suy-nghĩ như người lớn. Bé đang sống một đời sống rất có ý-nghĩa với những trò chơi đó, má không tài nào hiểu nổi vì hơn hai chục năm qua má đã quên cả những thỉnh-đề và định-nghĩa mà má đã tự chọn lựa

và chấp-nhận trong những ngày thơ-ấu của má rồi. Khi quét-tước dọn dẹp trong nhà, má đừng cho những tài-sản riêng ấy của Bé là vô-ích và phiền-phức. Nếu cần, má chỉ khuyên Bé sạch-sẽ hơn, có thứ-tự hơn, chơi xong là cất vật nào vào chỗ ấy.

Tại sao người lớn có cái quyền, do Hiến-pháp tôn-trọng, để được tưởng-tượng một khối đồng hay khối gỗ, do chính họ tạc ra, là những cái gì rất thiêng-liêng, mà trẻ con lại không được tưởng-tượng rằng cái mô đất nhỏ đắp giữa đường kia là một bức thành đô-sộ để buộc xe người lớn phải tránh? Không-tử ngày xưa khen Hạng-Thác « hậu-sinh khả úy » là đã rất hiểu trẻ con và cũng hiểu chính mình lắm vậy. Thỉnh-đề ở nơi này sao không có giá-trị bằng thỉnh-đề ở nơi kia? (2).

Nếu ba phát tài thì cũng nên mua cho Bé nhiều đồ chơi bổ-ích như trên thay vì những món quà ăn khó tiêu nặng bụng. Nhưng đối với trẻ ba

(1) Tôi dùng chữ « thỉnh-đề » là vì muốn dành chữ « tiên-đề » cho các triết-gia ta để nói về hai cái prémisses trong tam-đoạn-luận. Chữ « Công-lý » có ý nói cái lý công-nhiên (vérité évidente) cũng không còn hợp với nghĩa của chữ « axiome » trong tân-toán-học ngày nay.

(2) Ở xứ ta, có một độ, người lớn đã đưa những cái tưởng-tượng của họ ra đặt ngoài đường, thế mà cũng đã cản trở được lưu-thông và gây kinh-hoàng cho cả nước,

đừng nói với nó cái này mấy trăm, cái kia mấy ngàn đồng vì những số lớn ấy chỉ có ý-nghĩa rất mơ-hồ đối với nó. Một cái trục băng đánh máy thừa, một máy ngắt điện hư, một cái hộp không, sơn màu đẹp, bóng, vuông thật vuông, tròn thật tròn, phẳng thật phẳng, có thể mở ra đóng vào, cho chạy qua chạy lại, thỉnh-thoảng ba lượm đầu đó đem về một cái mới hơn, khác lạ hơn, thì Bé còn thích hơn chiếc máy bay, đoàn tàu-hỏa đắt tiền, mà bé chơi lâu rồi cũng chán, rồi ba lại cứ can-thiệp vào, sợ hư mà dọn điều nọ điều kia.

Một trò chơi mà trẻ con rất thích mà cũng có rất nhiều giá-trị giáo-dục toán-học: đó là xếp giấy. Trẻ con thích xếp được cái mũ lính, chiếc máy bay, con cò, chiếc ghe... vì chỉ với tờ giấy, nó có thể làm được cái gì, trí tưởng tượng thêm vào, giúp nó sống những nếp của người lớn. Đường xếp trên một tờ giấy là một đường thẳng tuyệt vời theo nghĩa đường thẳng lý-tưởng của toán-học, bởi vì nó không bị vật-chất-hóa bởi một chút mực nào thêm vào trang giấy. Chúng ta không hiểu tại sao đến ngày nay, các thầy giáo, các nhà soạn sách toán vẫn cứ lẩn-quẩn ở một đoạn dây căng thẳng để gây ý-niệm về đường thẳng cho học trò thay vì dùng cái lẩn xếp trên một tờ giấy, nó xác đáng và gần-gũi với trẻ con hơn nhiều. Có lẽ trong lịch-sử, con người ngày xưa đã được những sợi dây căng cho họ ý-niệm về đường thẳng nên mới có cái dây dọi cổ-truyền của anh thợ nề, cái dây mực

của anh thợ mộc, nhưng thời ấy đã qua lâu rồi, nay ta duyệt và chọn lọc lại các kiến-thức cũ là vừa. Muốn có một đường thẳng mà thôi từ điểm nọ qua điểm kia (một thỉnh-đề), không gì bằng cho trẻ xếp tờ giấy qua hai điểm ấy. Sau này trẻ còn thấy rằng cách xếp giấy (pliage) còn là phương pháp chứng-minh một vài định-lý hình-học và cho ý-niệm về sự quay chung quanh một trục ở trung-học. Trong tiếng ta «xếp» còn gọi cho trẻ ý-niệm «gấp», gấp 2, gấp 3... (vì gấp đúng là xếp), một ý-niệm khai-tâm rất cụ-thể về phép nhân mà chúng tôi sẽ xin bàn tới trong phần Dạy Toán Tiểu-học sau này.

Khi nào Bé đã lớn, còn năm ba tháng nữa là cấp sách đến trường, ba sắm cho Bé những đồ chơi này: một quyển vở mới và một cây bút c.i. Bé muốn vẽ gì vào đó thì vẽ tùy ý, miễn là khi vẽ, ba chỉ cho Bé cầm bút cho đúng cách và thỉnh-thoảng gọi cho Bé vẽ đường cong, đường thẳng, hết trang này mới qua trang khác và dùng vở có đầu có đuôi. Đó là để Bé tập tự điều-khiển những bắp thịt tí-hon ở bàn tay cho uyển-chuyển để thầy giáo dạy Bé viết chữ số trong vài tháng nữa. Nếu Bé có đòi chạy chơi với bạn bè, ba má cũng không nên quá khắt-khe: những trò chơi như đánh bi, đánh trống, u mọi... luyện các giác-quan cho nhạy bén, giúp Bé làm quen với tính toán ước-lượng khoảng cách, tự xét khả-năng mình và ước đoán khả-năng bạn, là những phương-tiện có lợi cho tinh-thần toán-học sau này.

Khi có cơ-hội, ba má nên dẫn Bé đi phố, đi chợ, đi ra đồng, đi lễ... để Bé xem xét mọi vật, mọi sự: nhiều việc rất thường mà cũng có thể tô-bổ cho ý-thức toán-học của Bé một cách bất ngờ. Đến đâu, có mặt Bé, ba má nói chuyện với ai, cũng đừng quên rằng đang có cả Bé nghe nữa. Và khi về nhà, trước khi đi ngủ hay trong bữa cơm, Bé sẽ hỏi lại ba má một vài điều mà Bé đã lưu ý nhưng ba má không hề đề ý.

Có biết bao nhiêu việc trong phạm-vi thân-mật của gia-đình có thể lợi dụng được để dạy toán cho trẻ trước khi nó vào trường Tiểu-học, xin liệt-kê theo thứ tự sau đây để các bà mẹ tiện dùng: Không nhất thiết phải dùng những danh-từ như trong sách. Những tiếng quen-thuộc thông-thường ở quê nhà nên được dùng để tạo lập một căn-bản tâm-lý độc-đáo cho trẻ, miễn là với những tiếng ấy, trẻ phải có những ý-niệm chính-xác thật đúng với các ý-niệm của tân-toán-học, mặc cho ông thầy của nó sau này muốn sửa lại là tiếng gì cho thông-thái theo ý ông. Điều cốt yếu là phải để cho trẻ có thì giờ suy nghĩ, tìm kiếm, sai lầm rồi tự sửa, tránh mọi thói quen ỷ-lại vào người lớn, hay làm cầu may. Muốn thế phải gây hứng thú để lôi cuốn. Khi thấy trẻ bắt đầu chán là thôi, chớ cơ-hội khác. Muốn kiểm-soát được ý-niệm, nên để mặc trẻ vừa nói vừa làm, vừa đong vừa đếm như nó vẫn thường có lối đó. Cho dùng những chữ thêm, bớt, chia, gấp, nối dài,

nặng nhẹ, một phần, tập-hợp lại, nhiều ít, ít hơn, nhiều hơn, còn lại, thiếu đủ, dư, càng... càng...

Bảng kê những ý-niệm cần cho trẻ ở tuổi tiền-học-đường

1- Ý-niệm và tập-hợp: Sắp xếp thành đống, theo hình-dạng, kích-thước, màu sắc hay theo một tính-chất, một tương-quan nào. Phân ra, hợp lại.

2- Ý-niệm về thứ-tự và kế-tiếp: sắp thành 1 hàng, 1 chõng theo thứ-tự từ nhỏ đến lớn, từ lớn đến nhỏ hay theo một phươg-diện tăng dần, giảm dần. Sau đó rút ra từng cái để sắp theo một thứ-tự khác.

3- Ý-niệm về ghép-đôi, tương-ứng: ghép 1 cái ở tập-hợp này với 1 cái ở tập-hợp kia...

4- Ý-niệm về so-sánh (đề đo-lường), giống y nhau, bằng nhau, đồng dạng, dài, ngắn (độ dài), rộng hẹp (diện-tích), to nhỏ (thể-tích), trái khăn nọ lên khăn kia, cho đong bằng lon, đo bằng bước, xếp làm đôi, làm tư...v.v...

5- Số từ 1 đến 10. Trước khi dạy đếm, nên hiểu rằng trẻ lên ba đã có thể biết được những hình-ảnh cụ-thể của 2 tai con chó, 4 chân con mèo. Những số đơn-giản ấy có thể gây ý-niệm bằng phương-pháp trực-tiếp là phương-pháp mẹ dạy cho con bất cứ một danh-từ nào: Mẹ nói được với con rằng: "Con đến đây

mẹ mặc quần cho con » khi lần đầu tiên nó thấy một cái quần khác thường trong tay mẹ, mà không cần định-nghĩa quần là cái gì, thì mẹ cũng có thể nói với con : « Lại đây mẹ rửa 2 bàn tay cho » hay : « Con gài lại ba hột nút áo kia »... mà không cần đợi dạy một bài tập đếm nào trước cả. Lỗi nhận-thức bằng *trực-giác* ấy còn tồn-tại đến lúc lớn, người lớn vẫn nhìn mà biết đâu là 3, đâu là 7, không cần đếm. Chỉ khi nào có sự lộn-xộn, mập-mò, khó thấy hay sợ lằm-lằm tai-hại (như đếm bạc giấy) thì người lớn, mới sử-dụng đến lý-trí mà tay chỉ, miệng lằm bằm : 1, 2, 3..., và cả những lúc đó, có khi họ cũng chỉ đếm từng cặp, từng chục, từng 5 cái, nghĩa là từng tập-hợp nhỏ quen-thuộc. Khả-năng nhận biết số bằng *trực-giác* như trên của trẻ nhiều khi không được người lớn biết tới, khiến họ dạy cho trẻ đếm 1, 2, 3... quá sớm, làm lu mờ dần tính tự-nhiên của nó khiến nó đếm rất chậm. Trẻ con đến tuổi, tập vài lần là đứng vững được, nếu ta bắt nó giữ đứng trọng-tâm, qua từng động-tác hợp lý rồi mới đứng lên thì lâu lắm. Nó tập xe đạp, ý - ạch mười lần là cỡi được, nếu ta bắt nó học luật thăng - bằng, sức ly - tâm trong bánh xe quay rồi mới cỡi cho đứng phép thì phải lâu lắm mặc dù nó có thể đọc lâu lâu những điều ta dạy.

Cho nên đừng hiểu lầm rằng trẻ có thuộc 1, 2, 3... thì mới ý - niệm được các số. Nếu « không thầy đố

mầy làm nên » thì ai dạy các cô bán cá bán tôm ở thôn-quê từ xưa không đến học trường nào mà vẫn tính-toán nhanh-chóng. Cho nên, muốn trẻ đếm nhanh, vấn-đề chính là tạo cơ-hội cho trẻ tiếp-xúc với thực - tế thuận-lợi, còn việc thuộc lâu cái hệ-thống 1, 2, 3... không phải là chuyện chính, cũng không phải là chuyện khó, đáng ngại, bởi vì trẻ vốn có khiếu nhớ tiếng rất tài-tình.

Ở lớp mẫu giáo

Cho trẻ vào lớp mẫu-giáo ở thời-kỳ tiền-học-đường thì được cái lợi là ở đó có đủ dụng-cụ và người chuyên-trách để hướng-dẫn trẻ tiếp-xúc với sự vật cụ-thể giúp nó biết đếm tính mau hơn, nhưng nói về phương-diện thực-tế sống thì thua ở gia-đình. Trẻ được tiếp-xúc với những dụng-cụ chế-tạo vuông tròn, đủ cỡ, đủ hình-dạng, màu sắc, nhưng ra khỏi trường về nhà, nó chẳng thấy có gì giống như thế. Phương-pháp Montessori đòi hỏi nhiều dụng-cụ, có lợi đàng này thì thiệt đàng kia, đặt con người vào một hoàn-cảnh giả-tạo, bắt đầu quen thói sống xa rời thực-tế. Lại thêm tốn kém nữa, trách nào những lớp mẫu-giáo tổ-chức hoàn-bị, đúng kiểu, chỉ dành cho những trẻ em từ tám bé đã sống trong nhung lụa. Hiện nay đó là chuyện của một thiểu-số, tôi không muốn nói đến nhiều, kinh-nghiệm chẳng thiếu gì trong sách Tây sách Mỹ.

Nhưng tôi tin chắc rằng nếu may mà mai hậu, ta được giàu có như

Tây, như Mỹ, thì hình-thức mẫu-giáo như hiện giờ cũng vẫn chỉ cần cho một thiếu-số, và phần đông bà con ta cũng không chịu xa rời cái thực-tế Việt - nam, bỏ khoai lang để chỉ ăn khoai tây, bỏ nước mắm để dùng sauce, bỏ gia-đình để con đại xa cách mẹ cha. Khi một ý-thức huyết-thống mãnh-liệt đang giữ vai trò quan-trọng trong sinh-lực dân-tộc (1) thì phải rất lâu nữa, nếu không là mãi mãi, đứa trẻ thơ Việt vẫn còn cần được nuôi dưỡng và giáo-dục trong gia-đình. Sẽ phải có một lối mẫu-giáo đặc-thù cho dân-tộc :

Có cách gì giúp phần đông các bà mẹ ta trực-tiếp săn-sóc giáo-dục con

KẾT LUẬN

Dạy đếm, dạy đọc số, viết số, tính-toán là việc của nhà trường từ lớp Một Tiểu-học trở đi. Nhưng chuyện chuẩn-bị cho việc ấy thì phải xảy ra trong thời tiền-học-đường. Dù muốn dù không, trẻ con từ 3 đến 5 tuổi cũng tự giải-quyết chuyện ấy cho nó. Các thầy dạy Toán lớp Một không thể làm gì hơn là lợi-dụng và tiếp-nối từ những ý-niệm cơ bản mà trẻ đã có từ thời-kỳ này rồi. Bạn hãy dở một quyển sách Toán lớp 1 ra mà xem : Họ cho học-trò thấy nhiều hình ảnh rồi hỏi những hình nào chỉ 2 vật ? Những hình nào chỉ 3 vật v.v... Vậy là họ coi như trẻ đã biết 2 là gì, 3 là gì rồi, họ chỉ còn có việc đem ra thử-thách lại. Hoặc họ bắt đầu dạy trẻ đếm 1, 2, 3... đó là một trật tự hợp-lý, nhưng trẻ con đã không bao giờ lần-lượt nhận-thức các số theo quá-trình ấy ; vậy phải coi như

họ trước thời-kỳ tiểu-học mà không tách rời nó ra khỏi thực-tế ấm-cúng của gia-đình mà nó còn cần ở tuổi đó, lại vốn đã là nơi «mẫu-giáo» chính-danh và đích-thực rồi ? Tương-lai của phương-tiện vô-tuyến truyền-hình đến tận gia-đình và một chế-độ làm việc có nghỉ từng thời-kỳ dành cho người phụ-nữ có con dưới 6 tuổi có thể là những điều-kiện cần-thiết trong giải-pháp này. Đó là một vấn-đề đang còn bỏ ngỏ cho các nhà chính-trị và giáo-dục Việt-nam ta.

Ai cảm được nhiệt-tình với dân-tộc thì hãy lo cho nó từ lứa tuổi ấu thơ. Ai muốn xây dựng con người thì hãy bắt đầu từ cái nền móng.

nó đã ý-niệm được tất cả rồi, bây giờ mới có chuyện sắp đặt các số theo trật-tự đó.

Còn lên Trung-học hay Đại-học họ sẽ làm gì ? Nếu các thầy ý-thức được trách-nhiệm đối với học-trò mình thì họ cũng sẽ quá đông để chia nhau chu-toàn cái trách-nhiệm ấy, nghĩa là mỗi người họ gần như không còn có trách-nhiệm gì cả, mà học càng cao thì trẻ lại càng ít được gần-gũi với thầy.

Hỡi các bà mẹ, nhà trường sẽ không làm được gì hơn những việc họ đang làm vì họ không phải là cha, là mẹ của con các bà. Dù họ có lập ra lớp « Mẫu-giáo » thì chính qua cái danh-từ ấy họ cũng đã thú nhận rằng họ đã làm một việc không phải

(1) Ý-thức huyết-thống trong tinh-thần dân-tộc Việt. (Tạp-chí Bách-Khoa số 299 ngày 15-6-69).

của họ rồi. Thói đời thường chỉ dùng danh-từ để nói một cái vốn không có ; nếu có đó rồi, không ai còn cần mượn tiếng nói để thay sự vật làm gì. Chính việc dạy dỗ của các bà mới đích-thực là Mẫu - giáo. " Không ai thay thế được bà mẹ mình ", các bà đã nghĩ như thế thì con các bà cũng có quyền nghĩ như thế. Xin các bà hãy nhận lãnh trách-nhiệm của chính mình. Những cố gắng của chúng tôi

trên đây là để tiếp tay cho các bà trong nghĩa-vụ ấy. (1)

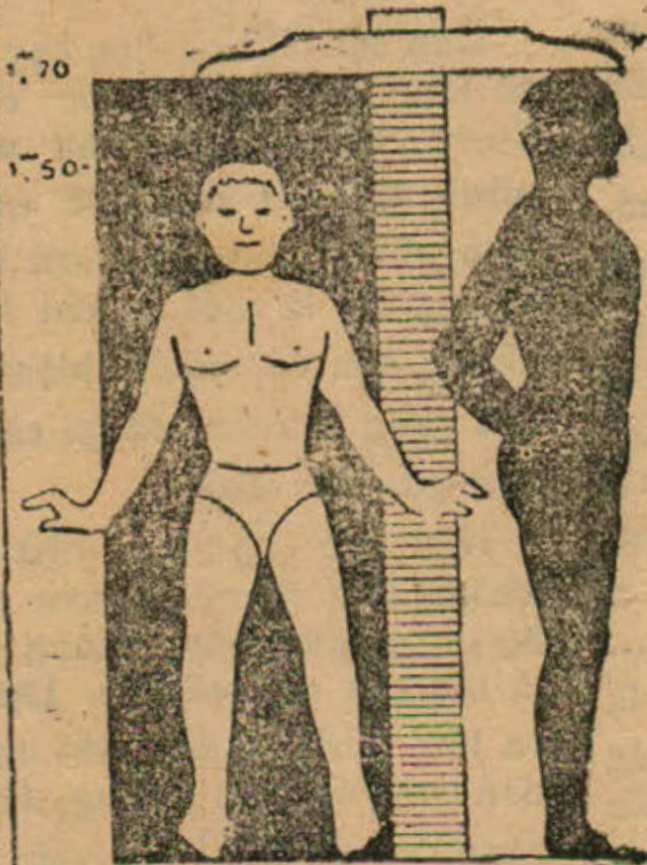
ĐOÀN NHẬT TẤN

4-7.

(1) Bài này cũng như bài « Vấn-đề Tân-toán-học ở nước ta » đăng trong hai số Bách Khoa 373, 374 trước đây đều trích và tóm lược trong phần đầu của quyển sách « Tân-toán-học, một bước tiến Giáo-dục » của tác-giả, sắp xuất-bản. Phần chính của sách này nói về Cách dạy Toán Tiểu-học theo tinh-thần mới.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Nhà giáo họ Khổng

TÌNH THẦY TRÒ

Cách dạy của ông làm cho môn sinh ngưỡng mộ; cách cư xử của ông đối với họ mới làm cho họ yêu quý như cha. Tôi thường tự hỏi khắp thế giới chỉ có những dân tộc chịu ảnh hưởng của Trung Hoa là trọng thầy học hơn cha (quân, sư, phụ) có phải vì Trung-Hoa có Khổng Tử không? Tôi có thể tin chắc rằng môn đệ của Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Dương Tử không có được cái tình thắm thiết đối với thầy như bọn Nhan Hồi, Tử Lộ, Tử Cống, Tăng Sâm... đối với Khổng Tử. Tôi không kể thầy trò họ Mặc vì Mặc Tử gần như một giáo chủ rồi, tình của họ đối với nhau vẫn có cái gì khác tình thầy trò.

Một trong những cái thú nhất của tôi là lâu lâu lật Luận-ngữ ra đọc lại những bài chép các cuộc đàm thoại thân mật, tự nhiên mà sâu sắc, giữa thầy trò họ Khổng. Bài nào cũng cô đọng, có khi chỉ hai hàng chữ, mà cho ta thấy khía cạnh của tính tình mỗi người. Đúng như Lâm Ngữ Đường nói trong cuốn *La sagesse de Confucius* (bản Pháp dịch của nhà Victor Attinger — Paris 1949), Khổng Tử có vẻ sung sướng giữa một nhóm đệ tử thân của ông; mà đệ tử cũng sung sướng được sống ở bên cạnh ông, cả trong những năm họ lao đao trôi giạt khắp nước này tới nước khác.

Như vậy cũng chỉ là lẽ thừa trừ, vì cơ hồ ông không được hưởng nhiều lạc thú trong gia đình; về phương diện đó ông thua Tô Đông Pha. Bà Tô biết chiều chồng, luôn luôn đề dành một hũ rượu ngon để ông cùng bạn bè xách đi chơi ở Xích-bích, câu cá rồi nhắm, hoặc đề rót cho ông một chén mỗi khi ông rầu rĩ về việc quan, việc nhà. Còn bà Khổng thì theo Lâm Ngữ Đường, dở việc bếp núc, có lần không tìm ra được thịt tươi, phải sai con lại tiệm mua rượu và món ăn nấu sẵn. Ông bất bình bảo: «Rượu thịt mua ở tiệm thì không ăn.» (Hương-đăng — 8)*

Họ Lâm đã tưởng tượng ít nhiều nhưng con người «ôn lương» như Khổng Tử mà phải bỏ vợ hồi 23 tuổi, sau bốn năm sống chung thì cũng tội thật. Có sách nói ông không cưới bà sau, và ta có thể chắc chắn rằng từ hồi ông năm chục tuổi, đi lang thang khắp các nước chư hầu thì không có người đàn bà nào săn sóc cho ông cả (con gái ông chắc đã có chồng), các môn sinh hầu hạ ông hết mọi việc.

Ông chỉ có mỗi một người con trai sinh từ hồi ông làm một chức quan nhỏ ở Lỗ, cho nên vua Lỗ mừng ông có mỗi con cá chép, do đó, ông đặt

*Lin Yutang — The importance of living — Ch.IX-

tên cho con là Lí (cá chép) — tự là Bá Ngự. Cậu Lí chắc hiền lương, nhưng chậm chạp, không thông minh, không có tài gì đặc biệt, cho nên không sách nào nhắc tới cậu, và Khổng Tử cũng ít khi hỏi chuyện cậu.

Trong Luận-ngữ, tôi chỉ thấy mỗi một bài *Qui-thị* 13 là nói đến cậu.

Trần Cang tức Tử Cầm, một môn đệ của Khổng Tử, hỏi Bá Ngự (tức cậu Lí).

— Anh được nghe thầy dạy điều gì lạ không?

(Chắc Trần Cang không được nghe lời này của ông: « Các anh ngờ rằng ta có điều gì giấu các anh chăng? Không đâu. Ta chẳng làm gì mà không cho các anh hay. » (Thuật-nhi — 23), cho nên ngờ Khổng Tử giữ những điều cao siêu để dạy riêng cho cậu con.)

Bá Ngự đáp:

— Chưa. Cha tôi lần đó đứng một mình, tôi đi nhanh qua sân. Cha tôi hỏi tôi: Học Thi chưa? Tôi thưa: Chưa. Cha tôi bảo: Không học Thi thì không biết ăn nói. Tôi bèn lui vào, học Thi.

(Cha con họ Khổng thật cũng lạ lùng. Con đi ngang qua chỗ cha đứng mà phải rào bước. Cha dạy học mà không biết con đã học những gì!)

Lần khác, cha tôi lại đứng một mình — vẫn lời của Lí — tôi đi nhanh qua sân (cũng lại đi nhanh nữa). Cha tôi hỏi: Học Lễ chưa? Tôi thưa: Chưa. Cha tôi bảo: Không học Lễ thì không vững chí *

lập thân. Tôi bèn lui vào học Lễ. Tôi chỉ được nghe cha tôi dạy hai lần đó thôi.

Trần Cang mừng quá, cho rằng hỏi một điều mà biết được ba điều: 1— phải học Thi, 2— phải học Lễ, 3— và người quân tử (ở đây là Khổng Tử) « không hay gần con », « coi sơ con », (*quân tử chi viễn kì tử dã*) nghĩa là không sẵn sóc tới con bằng sẵn sóc học trò. Ý nghĩa rõ ràng như vậy mà có người còn bênh vực Khổng Tử bảo vì ông lúc thì bận việc quan, lúc thì chu du thiên hạ, xa nhà, nên không biết con đã học những gì.

Một triết gia đâu có cần ta bênh vực, hướng hồ tâm lí của ông có thể hiểu được. Các cụ đồ xưa, khi con đã hơi lớn thường nhờ bạn bè dạy cho, mặc dầu mình đủ sức dạy, vì lẽ cha đối với con thường hoặc là nghiêm khắc quá mà con sẽ oán mình, hoặc là nhu nhược quá mà con dễ sinh hư.

Nhưng đọc bài trên, so sánh với những bài khác chép các cuộc trò chuyện của Khổng Tử với môn đệ, tôi thấy rõ tình của Khổng Tử với con không đắm thắm lắm, mà cậu Lí quả là kém lanh lợi, vào hạng cha bảo làm gì thì làm nấy. Như vậy, ông không hy vọng gì ở cậu nhiều mà dạy cậu chắc cũng không vui gì lắm. Như hầu hết các vĩ nhân khác, ông phải chịu cảnh cô độc trong gia đình.

(1) *Vô dĩ lập*: Chu Hi giải thích là không được vững.

Các sách thường nói đến số ba ngàn đệ tử của Khổng Tử. Ta chỉ nên hiểu «ba ngàn» đó là khoảng vài ba ngàn, mà con số này không có gì quá đáng. Ta nên nhớ ai đến xin học ông cũng nhận, cả những thanh niên trong những làng không có tiếng tốt, cả những em nhỏ (đồng tử) chưa hiểu đạo lý được, mới đầu ông chỉ sai đi đây đi đó để học tập lễ nghi, cách đi đứng, ăn nói (bài Hiến-vấn — 47), mà ông lại dạy học trước sau trên 50 năm thì số «ba ngàn» đó đáng tin được, nhất là theo quan niệm hồi xưa, dù học một ngày cũng gọi là môn sinh được rồi. Trung bình mỗi năm ông thu nhận năm sáu chục môn sinh mới, không phải là nhiều, đủ để bù số thôi học. Một số ở tại nhà ông, một số về nhà mình hoặc ở trọ trong xóm. Lúc nào đông quá thì các trò lớn có thể giúp ông dạy các trò nhỏ được, như trong trường các cụ đồ hồi xưa.

Trong số ba ngàn môn sinh đó, các sách nhắc tới «*thất thập nhị hiền*». Con số 72 này, cũng như các con số 12, 28, 36... khả nghi lắm. Sự thực Luận-ngữ ghi chuyện của khoảng ba chục môn sinh, và chỉ một nửa số đó được nhận là có tài hoặc có đức.

Đáng gọi là thân nhất thì chỉ có sáu bảy người :

— Nhan Hồi, tên tự là Uyên, tính tình trầm mặc, cân mẫn, được Khổng Tử khen là có nhân, nhưng chết yểu (31 tuổi ta), ông rất thương tiếc ;

— Tử Lộ, tên là Trọng Do, lại có tên là Quí Lộ, mà Lâm Ngữ Đường trong cuốn *La sagesse de Confucius* gọi là thánh Pierre của đạo Khổng, vì hay thắc mắc, nghi ngờ hành động của thầy; có tài, tính quả cảm cương trực, nhưng không biết biến thông, làm quan đại phu nước Vệ, bị tội phải giết ;

— Tử Cống tên là Đuan Mộc Tứ, hay nói, có tài biện thuyết, nhà giàu, thích buôn bán, làm quan nước Lỗ, nước Vệ ;

— Tăng Tử, tức Tăng Sâm, tên tự là Dư (con Tăng Tích, Tích cũng là học trò Khổng Tử) rất có hiếu, nghiêm trang, đôn hậu, học rộng mà vững, sau này truyền bá đạo của thầy trong cuốn Đại-học, (một trong tứ thư), và có lẽ soạn cả cuốn Hiếu-kinh nữa :

— Tử Hạ, tên là Bốc Thương, giỏi về Thi, biết rộng và sâu, thận trọng, đốc tin, nhưng qui mô hẹp hòi.

Nên kể thêm : Nhiễm Cầu khiêm tốn, giản dị; Mẫn Tử Khiên có hiếu; Nhiễm Uang, tự là Trọng Cung, tính tình ung dung, hòa nhã; Tử Trương, tên là Chuyên Tôn Sư ung dung, khiêm tốn; Nguyễn Hiến nghèo mà vui đạo, sau thành ẩn sĩ...

Đối với môn sinh, nếu cần, ông cũng rất khiêm khắc, mắng như tát nước vào mặt.

Chàng hạn Tề Dư, tự là Tề Ngã, hay nói, hay khoe mà lại làm biếng học, có tật ngủ ngày, ông rầy : « Gỗ mà mục thì không chạm khắc gì được, vách bằng đất bùn thì không

tô vẽ gì lên được. Ta còn trách thằng Dur làm gì nữa?» Rồi ông nói thêm: «Trước kia, nghe ai nói, ta tin rằng đức hạnh của họ hợp với lời của họ, ngày nay thì ta đâm ngờ, phải quan sát xem hành động của họ có đúng với lời nói của họ không. Vì thằng Dur mà ta đổi thái độ như vậy đấy.» (Công Dã Trang — 9).

Cả khi môn sinh đã lớn, ra làm quan rồi, ông vẫn theo dõi hành vi của họ, làm bậy thì ông rầy (một số nhà Nho của ta hồi xưa cũng vậy, cho nên có những ông phủ, ông án chính tích xấu xa thì len lét mỗi khi lại nhà thầy học, bị thầy mắng thì đứng yên mà nghe, không dám đáp, mà thầy chẳng có chức tước gì cả).

Luận-ngữ chép, bốn năm trường học, tôi xin trích dẫn hai bài làm thí dụ.

«Họ Quý là một quyền thần của nước Lỗ, sắp đem quân đánh nước Chuyên Du, một nước nhỏ lệ thuộc vào Lỗ. Nhiễm Hữu và Tử Lộ làm gia thần* của họ Quý, vào yết kiến Không Tử, cho hay tin đó.

Ông trách riêng Nhiễm Hữu có lẽ vì ông biết Nhiễm Hữu chịu trách nhiệm trong vụ ấy:

— Này Lâu (tên của Nhiễm Hữu), đó chẳng phải là lỗi của anh sao? Hồi xưa tiên vương đã cho vua Chuyên Du làm chủ tể ở núi Đông-Mông, mà nước ấy lại ở trong khu vực của nước nhà (tức của Lỗ), thế là bề tôi của xã tắc rồi, sao lại đem quân đánh người ta?*

Nhiễm Hữu thưa:

— Đó là thầy Quý muốn vậy, chứ hai chúng con là gia thần không muốn.

Không Tử mắng một hơi:

— Sử thần Chu Nhâm hồi xưa bảo: «Có thể đem tài lực ra giúp dân thì nên giữ chức; bằng không thì nên từ chức đi. Nếu nước nguy biến mà mình không biết bảo vệ, nước nghiêng ngã mà mình không chống đỡ lại được, thì ai dùng mình làm tướng (tức đề giúp việc) làm gì? Và lại anh nói bậy rồi. Con hồ, con trâu rừng sỏ cũ, mai rùa và ngọc quý bề nát ở trong rương, thì lỗi ở ai? (Ý nói ở người quản gia chứ không ở chủ nhà, vậy Nhiễm Hữu không thể đổ lỗi cho chủ được.)

Nhiễm Hữu lại thưa nữa:

— Nước Chuyên Du đó thành quách kiên cố và lại ở gần ấp của họ Quý. Nay họ Quý không chiếm lấy thì sẽ thành mối lo cho con cháu đời sau.

— Này Cầu! Người quân tử rất ghét kẻ viện lẽ này lẽ nọ để biện hộ cho lòng tham của mình. Khâu này nghe nói người có nước có nhà, không lo ít người mà lo không được quân bình, không lo nghèo mà lo

* Gia thần là kẻ hạ sĩ giúp việc cho một đại phu.

* Thời đó nước Lỗ chia làm bốn phần, họ Quý đã chiếm hai phần rồi, hai họ Mạnh và Thúc, cũng là quyền thần, chiếm mỗi nhà một phần, nay họ Quý tham lam muốn chiếm luôn cả nước Chuyên Du về phần mình nữa.

không được yên ổn. Đã quân bình thì không nghèo, hòa thuận với nhau thì người sẽ không ít, yên ổn thì không nghiêng đổ. Như vậy mà người ở xa chưa phục mình thì sửa vả, đức để họ đến với mình, họ đến với mình rồi thì nên làm sao cho họ đặng yên ổn. Nay hai anh (Tử Lộ và Nhiễm Hữu) giúp họ Quý, người ở xa không phục, mà không biết làm cho người ta đến với mình, nước chia rẽ lìa tan mà không biết bảo vệ, lại tính dấy binh ở trong nước, * thì ta e rằng mối lo của con cháu họ Quý không phải ở nước Chuyên Du đâu mà ở ngay sau bức bình phong đây.» (Quý-thị — 1)

Bài đó là một trong những bài dài nhất mà hay nhất trong Luận-ngữ, cho ta thấy một khía cạnh tính tình của Khổng Tử. Ông vốn ít nói, hoặc nói chỉ vắn tắt vài lời (*du dực vô ngôn — Dương Hóa — 18*), nhưng lần này ông thật hùng hồn, giọng gay gắt (chắc ông giận lắm), lí luận minh bạch, khéo dẫn lời cổ nhân, mà ý tưởng lại cao đẹp: câu «*Hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bản nhi hoạn bất an*» là một trong những câu bất hủ của ông, vào hàng sâu sắc nhất trong tư tưởng nhân loại, hiện nay càng đáng làm châm ngôn cho các chính khách khắp thế giới.

Bài thứ nhì (Tiên-tiến — 16) cũng liên quan tới Nhiễm Hữu nữa. Không rõ việc này xảy ra trước hay sau việc mưu đánh nước Chuyên Du, có lẽ là sau.

Họ Quý đã làm chủ được một nửa nước Lỗ rồi, giàu có như vậy rồi mà Nhiễm Hữu làm gia thân, thâu thuế cho chủ, còn bóp chẹt dân, để cho chủ giàu thêm. Khổng Tử nổi giận, bảo môn sinh: «*Nó không phải là môn đồ ta nữa. Các con nên nổi trống mà công kích nó đi.*» (*Tiêu tử minh cổ nhi công chi, khả dã*).

Như vậy, tuy «*ôn lương*», nhưng cũng có lúc ông biết nổi giận một cách chính đáng. Người ta sợ ông ở điểm đó; mà chúng ta thấy ông gần chung ta cũng ở điểm đó: làm người thì phải có những lúc bất bình, phẫn nộ, đâu có thể như ông Phật trên tòa được.

Có lần ông cũng bạo miệng lắm. Một nhóm môn sinh đứng hầu ông: Mẫn Tử Khiên vẻ mặt vui vẻ; Nhiễm Hữu và Tử Cống thì có vẻ cương trực; Tử Lộ có vẻ quá cương cường. Ông răn Tử Lộ phải coi chừng, kẻo mà «*bất đắc kỳ tử*» đấy (*Tiên-tiến — 12*). Quả là một lời tiên tri: Tử Lộ tự phụ về sức khỏe của mình, sau bị giết ở Tức thành, nước Vệ.

Nhưng xét chung thì ông khen môn đồ của ông nhiều hơn là mắng, và khi khen ông cũng không tiếc lời.

Nhan Hồi được ông khen nhiều nhất (non mười lần trong Luận ngữ), khen trước mặt các môn sinh, khen cả với người ngoài là «*hiếu học, giận ai thì không giận lây, rủa có lầm lỗi thì chỉ một lần thôi*» (*Ung dã — 2*), «*có*

* Vì Chuyên Du cũng thuộc về Lỗ.

thề giữ được đức nhân liên tiếp ba tháng, còn những trò khác thì chỉ được một tháng là cùng» (Ung dã — 5), «nghèo mà không buồn, ở trong ngõ hẻm, sống với một giỏ cơm, một bầu nước, thật là người hiền» (Ung dã — 9), «tiến hoài trên đường đạo lý mà không ngừng» (Tứ hãn — 20). Câu này ông nói với Nhan Hồi (Thuật nhi — 10) có lẽ làm cho Nhan Hồi vui lòng nhất: «Người ta dùng mình thì đem đạo lý ra thi hành, chẳng dùng mình thì ở ẩn mà giữ đạo lý; chỉ có thầy trò mình là được như vậy mà thôi.»

Mối tình giữa hai thầy trò đó thật cảm động. Họ hợp ý nhau tới cả; mức thầy nói điều gì là trò hiểu liền, tin liền, làm theo liền, không hề nghi một chút, và có lần thầy trách yêu trò: «Thầy giảng điều gì, anh Hồi cũng vui thích, cho là phải, thành thử không giúp thầy được điều gì cả.» (Tiên-tiến — 3). Ý ông muốn nói, không tỏ ý nghi ngờ, để thầy trò biện luận với nhau mà ông tìm thêm được chân lý.

Nhan Hồi phục ông như một bức thánh: «Đạo của thầy ta, càng ngừng lên nhìn càng thấy cao: càng cúi vào càng thấy kiên cố; mới nhìn thấy ở trước thì bỗng nhiên hiện ở sau lưng. (...) ta có muốn theo cho cùng, mà không làm sao theo được.» (Tứ-hãn — 10).

Hai thầy trò xa nhau thì nhớ, gặp lại được thì mừng rỡ vô cùng, nói đùa với nhau y như cha con, nếu không sợ vô lễ thì tôi sẽ nói như

một cặp tình nhân. Lần đó họ bị một cơn hoảng ở đất Khuông; người Khuông tưởng lầm ông là Dương Hồ mà họ rất ghét, vầy bắt ông; sau họ biết lầm, thả ông ra. Lúc đó Nhan Hồi lạc ở phía sau. Tới khi thầy trò gặp lại nhau, Không Tử bảo:

— *Ngô dĩ nhữ vi tử hĩ*: Thầy tưởng anh [choảng nhau với họ] mà chết rồi chứ!

Nhan Hồi đáp:

— *Tử tại, Hồi hà cảm tử?*: Thầy còn sống, con đâu dám chết. (Tiên-tiến — 22)

Các người chú giải và dịch Luận-ngữ thường cho cuộc đàm thoại đó là nghiêm trang; tôi nghĩ rằng hai thầy trò nói đùa với nhau, như vậy có phần cảm động hơn.

Nhan Hồi bất hạnh mất hồi 31 tuổi, Không Tử đau xót vô cùng, khóc nức nở: «Trời hại ta! Trời hại ta!» (*Thiên táng dư! Thiên táng dư!* — Tiên tiến — 8), tới nỗi môn đồ phải ngạc nhiên, khuyên ông: «Thầy nức nở thái quá»; ông đáp: «Ta nức nở lắm sao? Nhưng ta chẳng vì người ấy mà nức nở, thì vì ai?» (Tiên-tiến — 9).

Không rõ việc xảy ra năm nào, nhưng chắc chắn là sau khi ông bị nguy ở Trần, Thái và trong khi ông cùng môn đồ tiếp tục bôn ba các nước chư hầu. Có thể đoán rằng sớm lắm là vào khoảng 491 — 489*,

* Vì bài Tiên-tiến 2, ông nói Nhan Hồi có theo ông qua Trần, Thái,

ông từ 60 tới 62 tuổi. Lúc đó cậu Lí đã chết (coi bài Tiên-tiến — 7)** ; mà không ngờ rằng đạo của mình khó thi hành trong đời mình được, chỉ trông cậy ở mỗi Nhan Hồi, cho nên mới thốt ra lời đứt ruột đó : *Thiên táng dư !*

Không bao giờ ông quên được môn sinh gương mẫu đó ; khi vua Lỗ Ai Công hỏi ông trong số đệ tử có ai hiểu học, ông đáp : « Có Nhan Hồi nhưng chẳng may đã chết sớm, nay không còn ai nữa. » (Ung-dã — 2), Rồi khi Quý Khang Tử cũng hỏi ông câu đó, ông cũng trả lời y như vậy (Tiên-tiến — 6)

Một lần khác, chắc vào hồi ông gần bảy chục tuổi, chán chu du thiên hạ mà trở về Lỗ, nhớ lại những môn sinh cùng chia xẻ cay đắng hoạn nạn với ông ở nước Trần, nước Thái,

nay kẻ sống người chết, mỗi người một ngã, không còn ai ở bên cạnh nữa, ông rầu rĩ nhắc tên từng người : « Về đức hạnh thì có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung ; có tài ăn nói là : Tề Ngã, Tử Cống ; có tài về chính trị là Nhiễm Hữu, Quý Lộ ; về văn học có Tử Du, Tử Hạ. » Nhan Hồi cũng lại được ông nhắc tới đầu tiên.

Ông khen Mẫn Tử Khiên là có hiểu (Tiên tiến — 4), là ít nói nhưng nói điều gì cũng trúng (Tiên-tiến — 13.)

(còn tiếp)

NGUYỄN HIẾN LÊ

** Có sách nói Không Lí chết hồi 50 tuổi, nếu vậy thì khi Nhan Hồi chết, Không Tử ít nhất cũng 70 tuổi, vì 19 tuổi ông mới có vợ.

Tăng cường sinh lực bằng

C E T O N I C

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Thành tích trên đầu lưỡi

Để ý đến sự khác nhau, thấy có những cái khác ngộ nghĩnh (1); mà để ý đến sự giống nhau thì giữa đồng bào ta ở miền ông Bình Nguyên Lộc và ở miền quê tôi lại có cái giống nhau thật lạ lùng: từ Bình định cho đến tận mũi Cà mau, tiếng nói giống nhau.

Về cách phát âm và việc dùng một số từ ngữ địa phương, nước ta từ Bắc vào Nam có những khu vực phân biệt. Không có khu vực nào rộng lớn như khu vực này: dài hơn nghìn cây số.

Trong một bài đăng ở tạp chí *Khởi Hành* (số 137), ông Bình Nguyên Lộc so sánh giọng nói của người trong Nam và người ngoài Huế, ông lấy làm ngạc nhiên: Tại sao lưu dân vào Nam đa số là từ miền Trung mà giọng nói lại không giống giọng miền Trung?

Lý do sự ngạc nhiên ở chỗ ông đã đồng hóa « Huế » với « miền Trung ». Thường thường đồng bào ta ở trong Nam hay gọi chung người ngoài Trung là « người Huế »; ông Bình Nguyên Lộc có lẽ cũng có cái nhìn giản lược như thế đối với miền Trung.

Thực ra, cùng thuộc miền Trung, giọng Huế khác giọng Bình định nhiều lắm. Và lại không cần đối chiếu hai nơi xa nhau đến thế: ngay sát cạnh Bình định, giọng Quảng Ngãi đã khác biệt, còn khác nhiều hơn là giọng Biên hòa chẳng hạn.

Đã khác giọng nói lại khác chữ dùng: từ Quảng Ngãi trở ra Quảng bình có

răng, ríca, chừ, mô, tẻ, nớ v.v... từ Bình định trở vào Biên hòa, Rịch giá, Hà tiên đều không có những từ ngữ ấy.

Từ Bình định trở vào, đột nhiên cùng loại bỏ một số từ ngữ, lại đột nhiên cùng chấp nhận một số từ ngữ và cách nói mới, giống hệt nhau. Nghe nhân vật Lê Xuyên nói chuyện với nhau, xem văn các ông Vương Hồng Sển, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam v.v..., người dân Bình định lắm lúc sửng sốt: « Cái gì mà lạ vậy? Giọng ngoài mình quá sức ».

Bình Nguyên Lộc dùng các tiếng: mắc mớ, đổ thừa, ngậm cầm, chớn thủy, lại cái (2), cà-tăng, cà-nanh, thét (rồi), (gõ) nhót (3); Sơn Nam trích dẫn các ký giả miền Nam viết trên tờ *Lục tinh Tân Văn* hồi đầu thế kỷ, đưa ra các tiếng: nói giác thể như, chơn chắt, lau lách (nghĩa như tháo vát, nhanh nhẹn), trộng (nghĩa như khá lớn), sắc lēm, (nghe) thấp thổ, cái khu đi (của ngôi nhà), dày bừa, chớp lạch, bậm trợn, trù ẻó v.v... (4). Những tiếng ấy hầu hết không có trong cuốn *Việt nam từ điển* của hội Khai trí tiến

(1) Xin xem lại bài *Rục rục*, Bách Khoa số ra ngày 15 tháng 9-1972.

(2) *Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt nam*, các trang 25, 93, 327, 539, 575.

(3) *Lột trần Việt ngữ*, các trang 282, 283, 284, 286.

(4) *Miền Nam đầu thế kỷ XX*, các trang 173, 174, 182, 190, 215, 216, 221, 238, 278.

đức và *Từ điển tiếng Việt* của nhà xuất bản Khoa học xã hội, hai cuốn từ điển ấn hành ở Bắc Việt cách nhau ngót bốn mươi năm. Một vài tiếng trong số ấy hoặc được *Việt nam tự điển* ghi nhận với chú thích là dẫn từ Paulus Của (như tiếng cà-tăng), hoặc được *Từ điển tiếng Việt* ghi nhận với chú thích là từ ngữ địa phương (như tiếng mắc mớ, bậm trợn): Cả hai lối chú thích xác nhận rằng miền Bắc không dùng những tiếng ấy.

Có những lối biến âm do nói tắt hay nói nhanh, ở trong Nam cũng giống ở Bình định: hồng chịu, chững (chùng ấy) (1), ghé (nhé) (2), bên (bên ấy) v.v...

Nghe chú Tư Cầu với cô Thám chuyện trò, dân Bình định có cảm tưởng nghe hai người đồng hương:

« — Coi, sao cô biết tui vui? Tui mong cô ghé đi!

Con Thám nghiêng đầu mỉm cười:

— Chớ hồng phải mong... cơm hả?

— Thì... mong cả hai thứ, nhưng mong cơm thì ít hơn...

— Xí, sao lại mong cơm ít hơn?

(...) — ... Mà tui có ăn thua gì, có kể số gì để cho anh phải mong ít mong nhiều! Tui hồng bằng cái móng chun của người ta!

Tư Cầu dặt mạnh chén cơm xuống:

— Người ta nào vô trông nữa đó? (3).

(...) tui dìa nghen anh Tư! (4) (...) anh cứ nói dần dần hoài hê!» (5)

Thật y như là Lê Xuyên ghi âm một đoạn đối thoại của người Bình định. Vậy mà Bình Nguyên Lộc nói Trung Nam khác biệt!

* * *

Ông Nguyễn Hồng Phong nhận thấy chỗ giống nhau từ Bình định vào Nam. Trong bộ *Sơ thảo Lịch sử văn học Việt nam*, ông cho tất cả miền đất ấy vào chung một khu vực phát âm, và đưa ra một cách giải thích.

Theo Nguyễn Hồng Phong, mỗi khu vực của giọng nói trùng hợp với một đợt nam tiến của dân tộc. Từ Thanh hóa trở ra là lãnh thổ Việt nam trước thế kỷ thứ I có giọng nói giống nhau; khu vực Nghệ an Hà tĩnh sáp nhập vào lãnh thổ hồi thế kỷ thứ VII và VIII có giọng nói giống nhau; từ Quảng bình đến Quảng nam (thực ra là đến tỉnh Quảng Ngãi ngày nay) sáp nhập vào lãnh thổ ở thế kỷ XI và XV có giọng nói giống nhau; từ đó vào Nam, xét về giọng nói thì « là một ».

Dẫu sao tính cách thuần nhất trong tiếng nói của một miền đất rộng và nhất là dài đến thế vẫn có những chỗ đáng ngạc nhiên. Trong lịch sử Nam tiến, đâu phải ta tiến chiếm cái rụp cả miền

(1) Vương Hồng Sển. *Thú chơi cờ ngoạn*, trang 248.

(2) Sơn Nam — *Miền Nam đầu thế kỷ XX*, trang 291.

(3) Lê Xuyên — *Chú Tư Cầu*, trang 819. Những chữ in xiêng do người trích dẫn nhấn mạnh.

(4) *Chú Tư Cầu*, trang 823.

(5) *Chú Tư Cầu*, trang 825.

đất ấy một lượt? Thành toán xong đất Chiêm thành, rồi ngừng, rồi thanh toán đất Chân Lạp: công việc kéo dài đến ba thế kỷ chứ ít sao? Và lại, vào Nam ta có dịp tiếp xúc với những sắc dân mới: người Mạ, người Miên, người Tàu lưu vong v.v..., tiếng nói sao cho khỏi chịu ảnh hưởng mà biến đổi? Nghệ Tĩnh cách Trị Thiên có xa xôi gì đâu mà những *răng, rúa, mô, tê* v.v... của khu vực sau, trải qua bảy tám trăm năm, không lẫn về khu vực trước được, trong khi đó thì những tiếng (*gỗ*) *nhót*, *cà-nanh* (nghĩa là ganh tị), *thét* (tức mại), *đóng trắng* (tức đóng gông) v.v... mượn của người Mạ (1), những tiếng *phát ách* (đầy bụng), *cà-tăng* v.v... mượn của người Miên (2) mãi tận trong Nam đã ngược đường về đến Bình định để tạo nên sự thuần nhất của ngôn ngữ toàn miền.

Có lẽ cũng lại do câu chuyện di dân nhì nhằng (3). Người Bình định Phú yên vào Nam làm ăn không như người Nghệ Tĩnh vào Quảng, không đi dứt khoát hẳn một lần mà thường đi đi về về trước khi định cư. Vì vậy người Bắc vào Nghệ Tĩnh, người Nghệ Tĩnh vào Thuận Quảng chỉ có tiếng nói mang đi (để rồi bị biến dạng), còn từ Bình Phú vào Nam thì lại có tiếng nói thu về.

Thu đạt về những tiếng nói cách hơn nghìn dặm dài, trong một thời kỳ giao thông bất tiện, là chuyện hiếm. Thành tích khấn hoang mang về trên đầu lưỡi như thế cũng là chuyện hiếm nữa.

VÕ PHIẾN

(1, 2) Bình Nguyên Lộc — *Lột trần Việt ngữ*, trong chương "Tự vựng bỏ túi".

(3) Xin xem lại bài *Anh Bình định*, *Bách Khoa số* ra ngày 1 tháng 8 năm 1972.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTE SÉTUDES ET INSTALLATIONS

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

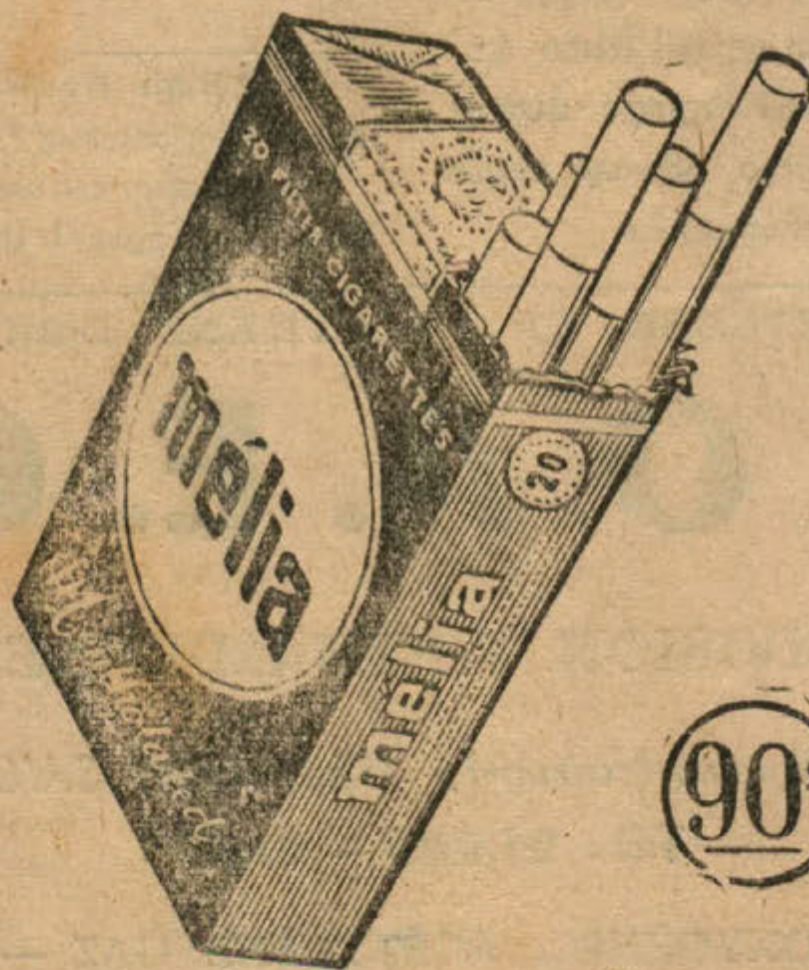
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÃ (Menthol)



BẦU LỘC BIỂU DÃI
Thượng hảo hạng

Thông mũi. mát cổ. thơm dịu

Lịch sử một tội ác

Ngày 16-8-1972 vừa qua một đoàn phản lực cơ F-5 của không lực Hoàng Gia Maroc đã nổ súng vào chiếc Boeing 707 của Quốc vương Hassan II. Một phép lạ đã khiến Quốc vương sống sót và kẻ chủ mưu là Tướng Oufkir, Tổng trưởng Quốc phòng chỉ còn cách là tự sát khi âm mưu giết vua bị bại lộ.

Cái chết của Tướng Oufkir và nhất là sự phản bội của ông ta đã khiến cho Vương quốc Maroc một lần nữa bị rung động đến tận nền móng. Không ai có thể ngờ rằng một vị lão tướng trung thần như Oufkir, người đã từ trên 10 năm qua được coi như rường cột của triều đình Rabat mà lại có thể đi tới chuyện mưu sát vua để cướp chính quyền. Lại một lần nữa cả xứ Maroc nếu không là cả thế giới xôn xao bàn tán về nhân vật bí mật này.

Thật ra thì cuộc đời của Oufkir cũng không có gì là bí mật. Cuộc đời này là một chuỗi thành tích cá nhân đầy danh vọng. Từ một sĩ quan trong quân đội Pháp, với một lòng can đảm và gan dạ, Oufkir đã trở thành một nhân vật số 2 trong Vương quốc Maroc để rồi cuối cùng chết một cách bi thảm tối tăm. Nhưng cái chết này lại là phản ảnh của một quan niệm trung quân ái quốc đặc biệt của riêng Oufkir.

Một sĩ quan liêu lĩnh và gan dạ

Oufkir sinh năm 1920 tại làng Ksar de Taouz thuộc vùng Tafilalet trong rặng núi Anti Atlas, biên giới giữa Maroc và sa mạc Sahara của Algérie. Thuộc giống người Berbère là những người khỏe mạnh, cao lớn và quả cảm, Oufkir đã có đầy đủ đặc tính của một lãnh chúa Berbère mà người ta thường thấy trong các cuốn phim vĩ đại tô màu của Hollywood. Trong lịch sử Maroc, Oufkir đã cùng một lúc đóng vai một con yêu tinh và một vị anh hùng dân tộc.

Năm 20 tuổi Oufkir tốt nghiệp Thiếu-úy tại trường Võ bị Dar-el-Beida tương đương với trường sĩ quan "Tong" ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Tại các trường võ bị này chính phủ Pháp cố gắng đào tạo những sĩ quan cấp nhỏ để sung vào quân đội Pháp. Vì tốt nghiệp thủ khoa nên tương lai của Thiếu úy Oufkir thật đầy hứa hẹn. Người trai dũng cảm lại gặp thời loạn nên Oufkir càng được dịp thi thố tài năng. Thật vậy Oufkir bước vào cuộc đời binh nghiệp đúng lúc cuộc Đệ nhị thế chiến đang ở trong giai đoạn gay cấn nhất. Là một sĩ quan thuộc Đệ nhị sư đoàn bộ binh Maroc, Oufkir đã theo chân Tướng Juin đổ bộ lên Ý-đại-lợi. Tại chân đồi Cassino ông bị súng bắn lửa làm cháy mặt. Vết bỏng

trên mặt vừa lành thì một viên đạn bích kích pháo lại lướt qua người Oufkir làm đứt tấm thẻ bài đeo trước ngực. Mất thẻ bài, Oufkir bị quân đội Pháp ghi là mất tích và chấm dứt lương bổng. Nhưng chỉ ba tháng sau, Oufkir lại xuất hiện trên chiến trường với cấp bậc Trung-úy đề tham dự vào cuộc đổ bộ lên vùng Provence của Pháp.

Và từ vùng Provence, Oufkir tiếp tục chiến đấu trong hàng ngũ Pháp đề tiến về phía Đức. Năm 1945 khi Đức quốc-xã bị sụp đổ, hòa bình trở lại, Oufkir được ân thưởng Đệ ngũ đẳng Bắc đầu bội tinh. Và được tuyên dương công trạng 12 lần nên trên chiến công bội tinh của Oufkir người ta thấy có tới 12 nhánh dương liễu. Hơn nữa được thăng đại úy lúc mới 29 tuổi, Oufkir đã là một trong những viên đại úy trẻ tuổi nhất của quân đội Pháp.

Hòa bình đối với một con người hiếu động như Oufkir chỉ là những ngày buồn tẻ nhất trong cuộc đời ông. Vì vậy mà Oufkir đã rất vui vẻ khi nhận được lệnh sang chiến đấu ở Đông-dương lúc cuộc chiến tranh kháng Pháp bùng nổ vào cuối năm 1946.

Tại Việt Nam các thượng cấp của Oufkir không biết rằng ông thuộc giống người Berbère là những người kỵ mã nổi danh nên đã cử Oufkir chỉ huy một đại đội Thủy quân lục chiến vì lầm tưởng rằng núi Tafilalet nơi Oufkir sinh trưởng là tên một

con sông. Là một người của đời núi, nay lại phải hoạt động trên mặt nước Oufkir tuy lúng túng nhưng cũng cố gắng bày tỏ khả năng của mình bằng cách một mình bơi qua hải cảng Hải Phòng. Và từ đó binh chủng thủy quân lục chiến chấp nhận Oufkir như là đứa con cưng của binh chủng.

Tại Đông Dương Oufkir cũng tỏ ra liều lĩnh và quả quyết không kém khi ông còn chiến đấu ở Ý và ở Đức. Có lần bị quân Việt minh bao vây quá ngặt nghèo, ông đã ra lệnh cho lính kéo cờ trắng đầu hàng. Khi quân Việt Minh tới tức thì Oufkir ra lệnh nổ súng và vượt thoát khỏi vòng vây. Từ đó người ta cho Oufkir cái tên là « Con mèo đi hia ».

Với lối đi nhanh nhẹn, với cặp mắt trong suốt, Oufkir luôn luôn có dáng điệu của một con mèo rình mồi. Cái mũi quắm của ông làm cho người ta liên tưởng tới một con cú vọ.

Sau khi chiến tranh Đông Dương chấm dứt, con cú vọ Oufkir lại một lần nữa thiếu đất dụng võ. Nhưng may thay cho Oufkir, tình hình xứ Maroc bỗng dưng trở nên sôi động sau khi Quốc vương Mohamed Ben Youssef bị chính phủ Pháp lật đổ vì tội « đòi độc lập » cho Maroc. Nhưng vị Quốc vương mới là Moulay Ben Arafa được Pháp đưa lên ngôi lại không được dân chúng chấp nhận. Dân chúng nổi dậy biểu tình chống Pháp, đòi độc lập. Đề tài lập trật tự chính phủ Paris chỉ còn cách là đưa Mohamed Ben Youssef trở lại



Tướng Oufkir

ngai vàng mà thôi. Nhưng Ben Arafa lại được các quần thần bảo thủ ủng hộ hết mình nên không chịu thoái vị. Một trong những người ủng hộ Ben Arafa mạnh nhất là El Glaouis, Thống đốc Marakech, người có đủ binh lực và tiền bạc để chống lại sự trở về của Ben Youssef. Trước tình hình khó xử này, Đại tướng Boyer de La Tour, Khâm sứ Pháp đã nghĩ tới Oufkir, người chiến hữu ở « Indo » ngày trước. Oufkir nửa đêm lên vào Hoàng cung, cướp súng của Ngự lâm quân, cầm kiếm đột nhập vào phòng ngủ của Quốc vương Ben Arafa. Khi ông ra khỏi phòng ngủ của Quốc vương người ta thấy ông cầm trong tay tờ chiếu thoái vị do chính Ben Arafa ký.

Vì có công trong việc khôi phục Mohamed Ben Youssef nên từ địa vị một tay chân của viên Khâm sứ Pháp quốc bảo hộ, Oufkir đã trở thành cận thần tâm phúc của một Quốc vương Maroc độc lập. Thật vậy, khi Mohamed Ben Youssef trở lại ngôi Quốc vương, Oufkir được phong làm Đại tá Tùy viên của Quốc vương.

Ngày 16-11-1955 khi Mohamed Ben Youssef hồi loan, mỗi khi nhà Vua xuất hiện trên lưng một con ngựa trắng giữa một rừng tàn quật lọng, thì người ta đều thấy sự hiện diện của Oufkir trong bộ quân phục đại lễ màu trắng ngực đầy huy chương Pháp.

Giữa Mohamed Ben Youssef, sau này đổi vương hiệu là Mohamed V và Oufkir một mối tình quân-thần thăm thiết luôn luôn xiết chặt. Thật vậy Quốc vương Mohamed là một ông vua có quan niệm cổ điển về chính quyền. Vì Quốc vương Maroc cùng một lúc làm Tổng lãnh Giáo dân (Commandeur des croyants) trong nước nên ông cho rằng liên lạc giữa ông và thần dân luôn luôn có tính cách cá nhân. Ngoài ra vì Mohamed là một con người đức độ, và khôn ngoan nên ông luôn được thần dân mến phục. Oufkir cũng có cùng một quan niệm phong kiến về nền quân chủ nên Oufkir đã cố hết sức thi thố tài năng để duy trì cuộc « hôn nhân giữa ngai vàng và dân chúng ».

Tranh chấp giữa trung quân và ái quốc

Cho đến năm 1962 xứ Maroc độc lập đã sống trong một giai đoạn thanh bình nhất. Dưới quyền lãnh đạo sáng suốt của Mohamed V và với sự trợ giúp đặc lực của Oufkir, nước Maroc tuy không Quốc hội, không Hiến pháp, mà vẫn có sự hòa đồng giữa chính quyền và dân chúng. Oufkir rất chịu lỗi làm việc của Mohamed V. Các đảng đối lập tuy chống

đối chính quyền nhưng luôn luôn sẵn sàng chấp nhận tham gia chính quyền khi cần thiết. Đời sống của triều đình Rabat vẫn tiếp tục hoạt động như trong chuyện Ngàn lẻ một đêm. Người ta thấy một vị Quốc vương khả kính mặc quốc phục Djellabah, ngồi trên một tấm thảm quý trải ngay trên sàn nhà. Các cận thần, các Tổng trưởng thì thảo trình việc, Quốc vương định đoạt tại chỗ bằng khẩu lệnh, không giấy tờ không thư lại. Nền văn minh vật chất Âu Mỹ của thế kỷ thứ 20 chỉ được chấp nhận trong Hoàng cung dưới hình thức một chiếc máy điện thoại đặt cạnh những chiếc gối thêu của nhà Vua mà thôi. Tuy vậy lẽ lối làm việc này đều được các giới trong nước, kể cả các thành phần Tây học tân tiến nhất, chấp nhận vì nó thể hiện cho giá trị cổ truyền của xã hội Maroc.

Nếu có những người nào biểu tình chống đối chính quyền, thì đã có Oufkir thẳng tay trừng trị. Năm 1958 khi nông dân nổi loạn chống chính phủ, Oufkir, giờ đã được phong làm Thiếu tướng, đã tự tay thả bom Napalan để đàn áp.

Nhưng năm 1962 khi Quốc vương Mohamed V băng hà, Thái tử Moulay Hassan lên nối ngôi lấy hiệu là Hassan II, sự hòa đồng quốc gia bắt đầu tan vỡ. Hassan II còn trẻ tuổi nên không có uy tín như vua cha. Nếu dân chúng tưởng nhớ tới hình ảnh vị phế đế Mohamed Ben Youssef trong bộ đồ Djellabah rét run ở phi trường Nice khi bị cảnh sát Pháp áp

giải sang đảo Corse năm 1953 (1) thì trước mắt họ, Hassan chỉ là một trang phong lưu nam tử thích cuộc sống xa xỉ, thích xe đua, thích gái đẹp. Thật vậy, tuy đậu bằng Cao học luật tại Luật khoa Đại học đường Bordeaux, nhưng Hassan trong đời tư vẫn giữ nếp sống bay bướm của một ông hoàng Ả-rập cổ truyền. Tuy phát động phong trào chống việc che mặt phụ nữ, tuy đòi giải phóng đàn bà, nhưng Hassan II vẫn lấy nhiều vợ, vẫn giữ tam cung lục viện để giải khuây khi chính sự phiền hà. Người ta đồn rằng trong số các cung nữ được sủng ái nhất có một cô gái Việt Nam rất được Quốc vương yêu chiều. Hơn nữa Hassan còn du nhập vào Maroc cuộc sống phong lưu sang trọng Tây phương. Sau các phiên châu, Hassan thường lui vào hậu cung coi bỏ bộ quốc phục, phóng xe đua ra lâu đài nghỉ mát Skhirat cách Rabat 30 cây số để đánh quần vợt hay đánh golf. Trên sân cỏ đám nịnh thần xúm xít, kẻ đi giầy, người sửa áo cho Quốc vương.

Các giới chức cao cấp trong chính quyền cũng đua nhau sống như Quốc vương và để có phương tiện sống cuộc đời xa xỉ này họ đã phải đi tới chỗ hối lộ tham nhũng. Phe đối lập càng ngày càng rời xa chính quyền. Mặc dù Hassan có cố gắng dân-chủ-hóa chế độ bằng cách triệu tập Quốc hội, ban hành Hiến pháp

(1) Xin xem bài "Maroc, một thí nghiệm của Đệ tam thế giới", Bách Khoa số 350 ngày 1-8-1971.

các đảng đối lập vẫn từ chối không tham gia chính quyền.

Trước tình trạng này Oufkir đã ra sức giúp nhà vua củng cố chế độ. Từ năm 1958 Oufkir khi còn là Đại tá đã mở tại số 3 đường Moulay Idriss ở Rabat một văn phòng mệnh danh là Văn phòng I (Cab. I) để dùng những tay dao búa thủ tiêu, loại bỏ các chính khách đối lập. Năm 1963 Oufkir đã đàn áp một cuộc nổi loạn của tả phái. Năm 1965 khi sinh viên nổi loạn, ông đã dùng trực thăng bay lượn trên đoàn biểu tình và tự tay cầm súng liên thanh rót đạn vào hàng ngũ sinh viên. Một hôm trong một buổi lễ chính thức, một kẻ lạ mặt đã bắn hụt vào Quốc vương Hassan. Quân đội và cảnh sát bắt thích khách định tống giam, Oufkir xin vua cho phép ông được xử kẻ nghịch thần và ông đã tự tay bóp cò chết tên thích khách này ngay tại chỗ.

Cũng năm 1965, được biết lãnh tụ đảng đối lập Mehdi Ben Barka đang trốn ở Paris, Oufkir đã đích thân sang bắt cóc và thủ tiêu Ben Barka. Vụ Ben Barka đã làm chấn động dư luận Pháp. Tòa án Pháp xử tử Oufkir khiếm diện. Sau khi bị tuyên án Oufkir đã khóc vì ông không còn được quay về Pháp nữa. Ông còn thề trước « danh dự của một sĩ quan Pháp » là ông bị oan trong vụ này.

Sở dĩ Oufkir hành động tàn bạo như vậy chỉ vì ông muốn bảo vệ một khái niệm phong kiến về vương quốc và chính quyền Maroc. Hơn

nữa sau khi Mohamed V qua đời Oufkir đã dồn mọi tình quý mến cho Hassan II. Ông muốn ủng hộ Hassan để trung thành với tiên vương và để bảo vệ một nền quân chủ đang bị một số người đá kích. Ngoài ra con người hiếu động trong Oufkir trong thời bình chỉ tìm được đất dụng võ trên chính trường.

Suốt trong 10 năm trời trong chức vụ Tổng trưởng Nội vụ, Oufkir đã trở thành một nhân vật bí hiểm giữ địa vị số 2 trong vương quốc Maroc. Càng bí hiểm hơn nữa khi mà cặp mắt ông, nạn nhân của bệnh đau mắt hột, luôn luôn được che dấu sau một cặp kính đen sì. Các lãnh tụ đối lập luôn luôn tự hỏi không biết Oufkir nghĩ gì và đang âm mưu gì để loại họ. « Con mèo đi hia » Oufkir dường như lúc nào cũng mai phục nằm trong thế chờ đợi có dịp là nhảy sỏ tới vỗ con mèo.

Ngày 11-7-1971 tại Cung Mùa Hạ Skhirat trong khi các nhân vật cao cấp của vương quốc, các nhân viên ngoại giao đoàn và các vị quốc khách đang tung bừng yến tiệc thì một lực lượng các khóa sinh hạ sĩ quan dưới quyền điều khiển của các tướng lãnh từ trước được chế độ ưu đãi nhất đã nổ súng vào quan khách và tìm cách hạ sát Hassan II. Âm mưu đảo chính thất bại nhưng lối chực quan khách đã gục ngã giữa các bàn tiệc chạt ních thức ăn. Oufkir đã được chỉ định làm Tổng trưởng Quốc Phòng để thanh trừng những mầm nổi loạn trong quân đội. Ông

đã ra lệnh bắt các tướng lãnh phản loạn, đích thân thăm vấn họ và ra lệnh hành quyết.

Nhưng vụ Skhirat đã làm cho lương tâm Oufkir bị cắn rứt. Ông trong bụng cũng đồng ý với thỉnh nguyện của quân đội mong mỗi Quốc vương nghiêm trị những thành phần tham nhũng trong chính quyền. Tuy bề ngoài tỏ ra cứng rắn đối với các chiến hữu phản loạn, nhưng tại phiên họp Hội đồng Tổng trưởng ngày 13-7 ông đã rút súng đòi tự sát nếu Quốc vương không chịu sửa đổi đường lối cai trị. Trước hành động quyết liệt này Hassan đã phải cải tổ nội các, bắt giam 4 Tổng trưởng. Nhưng các phần tử tham nhũng vẫn được nhà vua tin dùng nên giữa Oufkir và Quốc vương nhiều cuộc đấu khẩu kịch liệt đã xảy ra. Nhiều lần Oufkir dùng những lời lẽ quá nặng nề khiến Hassan nổi giận thét lên: « Ông quên rằng tôi là ai hay sao mà dùng những lời lẽ như vậy? » Và Oufkir trả lời: « Tôi nói chuyện với Hoàng thượng như một người Maroc nói với một người Maroc chứ không phải với tư cách một Tổng trưởng nói chuyện với một Quốc vương. »

Nói mãi mà Hassan không nghe, Oufkir đã quyết định « trở cò » lập mưu ám sát Hassan để đưa Thái tử Mohamed, 9 tuổi, con của Hassan lên ngôi. Oufkir hy vọng rằng với tự quân Mohamed ông sẽ được nắm quyền phụ chính để áp dụng một chính

sách phù hợp với quan niệm của mình.

Hơn nữa vợ của Oufkir là Fatima cũng thúc đẩy chồng cướp chính quyền để có thêm địa vị và tiền của. Fatima, con gái của Đại tá hồi hưu Chennaa, từ trước tới nay được nổi tiếng vì sắc đẹp cũng như vì tham vọng. Suốt trong 15 năm hôn nhân Oufkir lúc nào cũng say đắm bà vợ ghê gớm này. Những người thân cận của Oufkir đã nói rằng: « Vợ chồng Oufkir như một đôi hai con vật tốt giống ». Oufkir có địa vị lại đẹp trai nên có nhiều cuộc phiêu lưu tình ái Fatima cũng không phải tay vira. Nếu chồng « ăn chả » thì Fatima cũng không ngần ngại « ăn nem ». Trong khu rừng ở Rabat gần tư dinh của Oufkir mỗi đêm người ta thường thấy những sĩ quan trẻ đẹp ngất ngư gần chết hoặc vì sau cuộc truy hoan với Fatima hoặc vì bị Oufkir nổi cơn ghen cho bộ hạ đánh đập. Tình trạng khủng hoảng giữa vợ chồng Oufkir trầm trọng đến độ Oufkir đuổi Fatima và cưới một cô vợ trẻ người Berbère. Nhưng chỉ 6 tháng sau không chịu nổi ông lại phải đuổi cô Berbère trẻ trung để trở về với bà vợ cũ.

Vì muốn Maroc trở lại với đời sống phong kiến cổ truyền vì bị vợ thúc đẩy Oufkir đã quyết định phạm một tội ác cuối cùng là thủ tiêu Hassan. Sáng ngày 16-8-1972 Hassan II sau 3 tuần nghỉ ngơi ở Pháp đáp chuyến máy bay riêng Boeing 707 trở về Rabat. Giữa đường một đoàn phản lực cơ F-5 của Không lực

Hoàng gia Maroc có nhiệm vụ hộ tống Quốc vương đã bắn hỏa tiễn vào chiếc Boeing chở Hassan và Hoàng gia. Tuy bị thiệt hại nặng nhưng chiếc phi cơ của Quốc vương đã đáp xuống căn cứ không quân Mỹ ở Kenitra. Biết là Quốc vương thoát nạn, các phần lực cơ trở lại bắn phá phi trường Kenitra và Hoàng cung Rabat. Nhưng Quốc vương Hassan II lại một lần nữa thoát hiểm và nắm được tình thế trong tay. Âm mưu bị bại lộ Oufkir nhận được lệnh vua triệu vào cung để giải thích. Biết không còn cách nào để trốn thoát luật pháp Oufkir đã rút súng tự sát ngay tại khu cư ngụ của các hoàng tử và công chúa Maroc. Xác Oufkir được lính khiêng về vớt giữa phòng khách tư dinh của ông. Lâu đài của Oufkir bị đóng cửa, Hassan ra lệnh tước hết cả gia nhân của Fatima. Đại tá Chennaa giờ là người duy nhất có thể lui tới lâu đài này để đi chợ giúp con gái và cháu ngoại. Thi hài của Oufkir được đưa về chôn tại nguyên quán ở vùng núi Tafilalet trong một đền thờ bằng đá ong, mái ngói xanh, mặt tiền quay về phía La

Mecque là thánh địa của Hồi giáo.

* * *

Cuộc đời của Tướng Oufkir đầy liều lĩnh và gan dạ. Những cử chỉ liều lĩnh này trước hết là để đáp ứng với nhu cầu hoạt động của một người quân nhân, sau là để phục vụ một tù trưởng. Tuy nhiên người ta khó có thể nói rằng Oufkir đã phạm tội giết vua vì yêu nước. Nước Maroc mà Oufkir yêu quý là một Maroc của quá khứ, là một Maroc phong kiến với những dân du mục cưỡi ngựa chạy như bay trên các sa mạc, với những ông Hoàng cò điền trị nước qua thánh kinh Coran, và với các vũ nữ múa bụng trong tiếng nhạc Ả rập náo nùng. Vì vậy mà Oufkir đã từ chối không chấp nhận một nước Maroc tân tiến với một vị Quốc vương trị vì theo kiểu Tây phương với những lãnh tụ đổi lập Tây học tân tiến ồn ào. Diệt trừ đổi lập, toan tính thủ tiêu Vua, Oufkir không nhằm mục đích nào khác hơn là tìm cách khôi phục lại một xã hội lỗi thời, một chế độ cổ xưa.

TỪ MINH

CHÚC MỪNG

Được hồng thiệp của Ông Bà Tỉnh-trưởng Lâm-Đồng báo tin sẽ làm lễ thành hôn cho trưởng nam LƯU-THÀNH-SƠN kết duyên với cô LÊ-THỊ-NGỌC-ÁNH. Hôn lễ sẽ cử hành từ Cần-Thơ về Bảo-Lộc trong ngày 11-09-1972.

Tôi hết sức vui mừng chúc hai cháu SƠN-ÁNH bền duyên tơ tóc. Và chúc anh chị Lưu-Thanh-Hữu mau có cháu nội.

LÊ - THANH - THÁI

ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÁNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.460

Trương Mục

TIẾT KIÊM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

Kể từ ngày 01-08-1972, ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG sẽ dành **LÃI XUẤT ĐẶC-BIỆT** cho loại Kỳ Thác Tiết-Kiệm Định-Kỳ, tương-ứng với thời gian ký-thác như sau :

— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gởi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiệm Định-Kỳ « CON PHƯỢNG VÀNG » Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỞI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

* * *

KÝ THÁC TIẾT KIÊM THƯỜNG : LÃI XUẤT 19% MỘT NĂM (THAY VÌ 17% MỘT NĂM).

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cholon, 47 Tổng Đốc Phương ĐT : 51.047	— Chi - Nhánh Banmêthuôt, 80-82 Quang Trung ĐT : 148.083
— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh, 21 Yersin ĐT : 99.386	— Chi-Nhánh Sađéc, 139-141 Tổng Phước Hòa ĐT : 24
— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123 Gia-Long ĐT : 96.827	— Chi-Nhánh Vĩnh Bình, Gia Long ĐT : 92
— Chi-Nhánh Thị-Nghè, 22 Hùng Vương ĐT : 96.251	— Chi-Nhánh Long An, 36 Thống Nhất ĐT : 20
— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10 Nguyễn Hữu Cảnh ĐT : 36	— Chi-Nhánh Vĩnh Long, 49, Phan Thanh Giản ĐT : 93
	— Chi-Nhánh Đà Nẵng, 197 Độc Lập ĐT : 21 077

Giọt lệ cho người

... Từ những ngày trí óc còn non nớt chưa biết gì tôi đã mơ hồ hiểu tất cả mọi người trong nhà đều không ưa tôi, mẹ xem tôi như đứa con trót sinh ra phải thương phải dưỡng, các chị thường điềm mặt mắng tôi đồ cho tôi những tội lỗi những mối oan khiên không làm sao bày giải được. Dù sau này lớn lên tôi có hiểu biết thêm hơn, nghĩ suy nhiều hơn cho trường hợp mình. Mà nghĩ cho cùng tôi có phân trần gì đi nữa thì nỗi oán ghét kia cũng đã thành thói quen và những ấn ức trong lòng cũng đã kết lại thành đá thành sỏi, khi mà mọi chuyện đã được sắp xếp vào quá khứ. Tất cả bắt đầu từ ngày mẹ sinh tôi ra. Đáng lẽ tôi ra đời vào một ngày mùa xuân, một ngày tung bưng đầu năm Nhâm-Ngọ nhưng chưa đủ ngày đủ tháng tôi đã ngộ ngoạ đập bụng mẹ đòi chui ra cho bằng được. Khoa học giúp mẹ tôi sống, thêm sức thêm hơi cho tôi ở lại cuộc đời, ông nội không cần xem tử vi cũng chê tôi là đứa con bất hiếu bất mục đòi chui ra bụng mẹ quá sớm đòi mang tuổi Tân Tỵ trên đầu để kỷ cả tuổi cha lẫn tuổi ông nội. Tuổi Dần của ông nội không quá sung với cháu nhưng tuổi Thân của ba không cho hai cha con tôi gần nhau, phải làm cách sao tách rời hai cái tuổi ấy hai con người ấy. Mẹ đứng giữa không xa được con, không cách biệt được chồng,

không biết xử sao cho hợp tình; cuối cùng mẹ nghe lời ông nội không đi lính theo chồng để cha một mình đi lính lạ lâu lâu về thăm gia đình thăm vợ thăm con một lần. Mẹ sinh thêm em Hiếu, em Tuyết rồi bé Oanh bé Út, theo thời gian xa cách với những lần gặp nhau thường tính từng giây từng giờ. Mẹ không hay tình chồng đã nhạt, đến ngày sinh bé Út mẹ mới hiểu cha không phải chỉ có riêng một sợi dây tình ái ràng buộc với mẹ. Những ngày về sau bao nhiêu chuyện ghê gớm xảy ra liên tiếp, chuyện mẹ cương quyết bồng bế con về ở với ngoại, cương quyết không cho cha con chúng tôi trông thấy mặt nhau, chuyện ba có nhiều người tình không riêng gì vợ lẽ, chuyện ba mẹ li dị nhau, rồi mẹ chúng tôi chết... Tất cả mọi điều ghê gớm ấy lại có thể đúc kết lại chung một hậu quả của một cái nhân, là tôi, là chuyện tôi quyết đập bụng mẹ đòi ra cho sớm. Tại sao lại có thể là do tôi, là tại tôi, tại sao mọi người tàn nhẫn với tôi như vậy, tại sao mọi người gán cho tôi những tội lỗi quá lớn quá thâm quá phi lý như vậy.

Sống giữa những người dù không oán ghét tôi cũng xem tôi như một thứ ung nhọt tôi nhiều lúc thấy mình thật bơ vơ thật đơn độc, mang mặc cảm thật buồn, mình không còn ai là người thân ở chung quanh. Từ

những ngày thật xa tôi bắt đầu tìm cho riêng mình một đời sống xa cách anh chị xa cách luôn cả cái xã-hội rộn ràng ngoài cửa ngõ. Tôi cắm cúi đọc sách, mới đầu những chuyện nhằm nhĩ tìm thấy ở các học bàn nóc tủ, tôi đọc hết những thứ đó mang trong đầu óc những nhân vật kỳ quái, bệnh hoạn, những người ngợm khó thấy được ngoài đời. Tiền anh Chu phát, tôi chỉ đề dành mua truyện giả-tưởng, nguyên có thật dễ hiểu cho tôi tự trông mặt mình, tự mơ ước riêng tư, những mơ ước không có thật. Đến khi xa quên được ước ao cuồng dại tôi bắt đầu say mê văn Nhất-Linh, Thế-Lữ, những bộ mặt thân ái của tôi là Dũng là Phong là những người đàn ông có bản lãnh, những nhân vật tiêu thuyết thay đời tôi theo ngày tháng cùng tuổi lớn. Tâm tính tôi không giống bất cứ người nào trong nhà, ước mơ tôi hay lơ lửng giữa trời và đất giữa mộng và thực, mộng mị quá lớn quá nặng bao giờ cũng nằm trong tâm hồn tôi trong đầu óc tôi đến nỗi tôi quên mình là đứa con gái yếu ớt ngày ra khỏi bụng mẹ phải nuôi trong lồng kính dưỡng khí lớn lên với mối sợ hãi dị kỳ. Đàn bà thường có vài sinh vật nhỏ nhoi dễ khiếp sợ. Riêng tôi tôi hãi tất cả, chuột dơi sâu bọ trùng dễ thằn lằn rắn mỗi thứ gì cũng khiến tôi chết giấc được hết, nghe tiếng động quá mạnh tiếng nói quá to đến cả tiếng thở dài chắt lưỡi giữa khuya tôi cũng thấy bàng hoàng khó chịu trong đầu óc.

Năm 16 tuổi tôi quen Tánh bằng lá thư đầu đời và yêu chàng bằng mối tình thứ nhất. Tánh là nhà văn trẻ nổi tiếng, năm 18 tuổi anh đã viết cho những tờ báo lớn tin cậy trong nước và có chân trong ban biên tập một vài tập san trí thức ở thành phố. Đọc văn anh tôi tưởng tượng anh một ông già khoảng trên tứ tuần có vợ và một bầy con khó dạy giống chị em tôi trong một ngôi nhà rộn ràng tiếng cười tiếng hét đến lúc đọc thư anh lá thư đầu tiên anh xếp ngang tờ pelure mỏng viết theo chiều dọc tôi ngỡ ngàng, anh có vẻ lập dị, cố tình làm khác thường mọi chuyện ngay cả trò con nít; điều này chứng tỏ anh chưa quá tuổi ba mươi, chưa quá tuổi nhi lập chưa rắn được vợ, chưa dạy được con. Tưởng tượng ấy lại thêm một lần thay đổi khi chúng tôi gặp nhau. Chàng trẻ ở con người trẻ ở đầu óc; tôi không hiểu sao con người ấy, đầu óc ấy lại có thể tạo được những nhân vật gần gũi con người đáng thương là tôi, chàng quá lạ lùng xa cách, các chị tôi gặp chàng lần thứ nhất đều lắc đầu, mỗi người phê bình một miếng.

— Con Linh kỳ quái nhất nhà mà tao thấy còn thua anh chàng nhà văn này. Ăn mặc tươm tất đấy chứ mà nói chuyện nghe rùng rợn quá.

— Hẳn cười lớn quá chị e có ngày sập trần nhà mất. Sao Linh không chịu ngăn bớt.

Tuyết cũng nói chen một câu.

— Anh Tánh nói chuyện không ý

từ gì hết. Anh bảo chị Hiếu : khi xưa anh yêu người tình đầu tiên lúc cô ta bằng tuổi em. Gớm ! Nhà văn có khác.

Tôi nóng má lịm người vì những lời phê bình không nể nang. Tôi thường thương nhớ Dũng, Phong, đầu óc tôi thường nghĩ tới một nhà văn cỡ lớn khi còn nằm trong mộng ước. Tánh khác tất cả những gì tôi nghĩ về chàng lúc đọc văn chàng lúc học thuộc lòng những lá thư chàng viết cho tôi khi chưa gặp mặt. Không hiểu sao tôi vẫn tiếp tục đọc văn chàng tiếp tục viết thư chàng tiếp tục gìn giữ mỗi giây thân ái cho đến ngày, chàng ngỏ ý cho đến ngày hai đứa yêu nhau. Nụ hôn đầu không ngọt, lời nói đầu không làm mình ngây ngất, nhưng tôi chỉ thấy chung quanh tôi mỗi một mình chàng. Sau lưng tôi trống vắng, trước mặt tôi im lìm, các chị các em tôi nhìn tôi bằng con mắt lạnh mỗi lần nhớ đến cha mẹ, anh Chu không ghét tôi nhưng anh không khỏi không nhìn nhận nguyên nhân cha mẹ ly cách ngoài định mệnh khắt khe còn có cuốn tử-vi của ông nội và tôi, tôi không còn gì bầu víu ngoài những nhân vật mộng tưởng và chàng. Chàng không là người mộng tưởng nhưng chàng có thật, tôi yêu con người tôi nhìn thấy mặt và được nghe tiếng nói êm đềm dù con người ấy không giống không phản ảnh bất cứ nhân vật lý tưởng nào chàng gầy dựng trong văn chương. Tôi bám lấy chàng như lúc sắp chết đuối người ta bám

lấy bất cứ vật gì chung quanh không cần biết có phải là cái phao hay không. Tôi yêu chàng, cần chàng, nhiều lúc có cảm tưởng thiếu chàng tôi có thể chết ngay được bằng một ống thuốc ngủ hay một sợi dây thừng, và đồng thời tôi cũng phải chịu đựng chàng, tôi lặng thinh nghe chàng trình bày quan niệm sống của một nhà văn khi ông ta muốn xây dựng những nhân vật không giống mình một mảy may, tôi cẩn rắng nhìn chàng sống như chàng nghĩ, bằng lòng ký với chàng tờ khế ước bất thành văn cho chàng tự do trên mọi phương-diện để nhận ở chàng một tình yêu không được kể là riêng lẻ.

Tôi ngưng lại ý nghĩ bằng một giấc ngủ ngày khi đêm chấm dứt. Từ bao lâu rồi tôi biến đổi đêm làm ngày ngày thành ra đêm để có những buổi sáng nằm vui trong chăn thật lý tưởng. Mở choàng mắt đã thấy bóng nắng đổ sát chân tường ngoài cửa sổ tôi chỉ đủ thì giờ ăn trưa rồi xách cặp đến trường. Tránh được những cuộc bàn cãi quanh co, thoát khỏi tia mắt của bà vú nhìn mình nghi ngại tuy sự thể bỗng dưng biến đổi tôi dưới những lời phê bình kẻ cả. Tôi đã nhiều lần sốt ruột nghe tiếng Tuyết thì thầm khi còn đắp chăn nằm ngủ trên sàn gác.

— Bà ấy làm sao ấy các chị ạ. Mong rằng chị tôi không phải ốm ghen.

Chuyện gì mà những đứa con gái trong nhà này lại không tưởng tượng nổi nhưng tôi cho Tuyết nghĩ như

thế vẫn còn là may mắn. Có lẽ vì nó chưa bắt gặp những lần tôi lén lút ăn những trái đu đủ xanh đắng nghét. Nó chưa biết gì hết, Chưa ai biết gì hết. Tôi vẫn là đứa con gái lạ sống giữa anh chị em mà tứ cố vô thân, mọi người cùng quay lưng không hay không biết mặc tôi xoay trở trong cơn đại nạn. Học tử bàn học tôi đây những mảnh vỏ đu đủ héo hon tôi còn tiếp tục nhận những liều độc được Tánh ban phát cho tôi mỗi buổi chiều ở công trường dưới hình thức những trái đu đủ xanh ngắt. Bao tử tôi hầu như chỉ để chứa thứ trái cây mang đầy nhựa độc, tôi hầu như chỉ tha thiết với những giọt nhựa dẻo ứa ra từ vết cắn và thường xuyên dò dẫm từng li từng tí những biến động hết sức nhỏ của cơ thể mà chừng như biện pháp Tánh giúp tôi không công hiệu chừng như những trái đu đủ xanh của Tánh không đủ lượng nhựa độc và chừng như mỗi ngày cảm giác thay đổi trong người tôi càng thêm rõ rệt. Trong đêm tối tôi lén lút đặt tay lên bụng nghe cơn động tịnh không thấy gì khác lạ nhưng lúc thanh thiên bạch nhật ở buồng tắm nhà cầu tôi thường hoảng hốt ngó vòng eo bụng mình mỗi ngày mỗi thêm mất dấu. Tôi mất tin tưởng từ những trái đu đủ tôi vô hi vọng từ những giọt nhựa độc Tánh cho là linh dược tuy tôi chưa dám từ bỏ chúng. Tôi vẫn nhai ngấu nghiền từng khoanh trái cây tươm nhựa độc, tôi vẫn liếm từng giọt nhựa dẻo ứa ra từ vết cắn, tôi vẫn chờ đợi những bất ngờ đến với tôi

tuy tôi đã hiểu mọi thứ đều vô ích, những trái đu đủ vô ích, những giọt nhựa vô ích, những đợi chờ vô ích. Mà tôi còn đợi chờ gì, những bất ngờ tôi nói tới đó đâu có thể là một sự bôi xóa như tôi mong mỏi mà chỉ có thể là hiện hữu là tồn tại và cuối cùng là một thực thể không sao chối bỏ nếu tôi chưa tự chối bỏ mình. Ý nghĩ khiến tôi tối tăm mặt mày, ý nghĩ khiến tôi muốn tìm tới một cái chết thật bất ngờ, ý nghĩ khiến tôi muốn lăn quay xuống cầu thang.

Tôi lăn một vòng, tôi lăn hai vòng, tôi lăn ba vòng, tôi lăn... tôi lăn... tôi tưởng tượng mình sẽ lăn hoài lăn hoài! cho tới lúc mọi người kêu thét lên thấy tôi nằm xuôi tay dưới chân cầu thang, tôi tưởng tượng tôi hủy hoại được mình nhưng khi cánh tay tôi chạm phải thanh gỗ đầu cầu thang tôi đột ngột im lặng nghe trái tim mình đập rộn rập trong khi thân thể tôi bất động nửa vời. Tôi không thể lộn đầu xuống cầu thang, cũng không phải không thể mà là không muốn, tôi không muốn mình nằm xuôi chân tay trước mặt tôi là chị Liễu, chị Mai, là con Oanh con Tuyết, tôi không muốn những người có cùng tôi một quá khứ lại thêm một lần dự phần vào việc phán đoán đời tôi, tôi không muốn mọi người chứng kiến cơ sự như một hồi đền. Tôi chống đối tới cùng những định kiến họ nhất quyết gán cho tôi. Tôi chống đối tới cùng cái mệnh số họ thừa nhận suốt 20 năm

nay. Tôi chống đối tới cùng sự tàn ác của họ, của những chị, những anh, những em tôi trong nhà này. Và tất nhiên tôi không thể yếu đuối, tôi không thể là một đứa con gái thất thế, tôi không thể nằm xuôi chân tay cho bất cứ ai thương xót cứu giúp, tôi không thể chết...

Linh ơi, mày hiểu rõ không. Tánh ơi, anh nghe rõ không. Dù không có anh, dù anh không còn là người suốt đời hiểu em suốt đời nghe em suốt đời đi cạnh em như anh luôn nhắc nhở thì thậm bên tai em em cũng không thể yếu đuối em cũng không thể buông xuôi. Em không muốn mọi người phán đoán cái chết của em, em không muốn họ xem nạn tai em gánh ngày nay là hình phạt của tội lỗi em ngày xưa. Em không có tội gì hết, em không có lỗi gì hết, em chịu hình phạt oan uổng ngay khi em mở mắt khóc tiếng khóc đầu đời và nhận thêm sự hắt hủi của anh của chị của em ngày em lớn lên. Âm ảnh đơn độc buồn phiền theo em ra khỏi ngôi nhà nơi em sinh ra khiến em nhìn đời sống bằng tất cả sự hãi hùng. Ở trường học em không tìm được một tia mắt thân thiện nào em không tìm được một lời nói ngọt ngào nào, em hàng ngày ngồi cạnh những đứa bạn tâm hồn khô đắng như em hàng ngày ngồi trước mặt các chị các em, không có gì xảy ra hết nhưng em mơ hồ hiểu đương nhiên em bị tách ra khỏi tất cả. Ngày nhỏ em không biết cái tội lỗi ông nội nhất quyết gán cho em,

em không biết những ấn tượng xấu mọi người thân yêu — em còn gọi thế nào những người ruột thịt cùng chung em một giòng máu — đóng đinh lên người em, em cũng không tưởng tượng ra em như thế nào nữa, một thứ người ngợm hay quý quái gì mà mọi người xa lánh em, ghét bỏ em, thù hằn oán ghét em.

Em không thể chết. Em không thể là một người chịu thua định mệnh. Em cũng không tin có sự sắp đặt của Thượng-đế. Thượng-đế không sắp đặt hình phạt nào dành cho em, Thượng-đế không tạo ra hình phạt khi chưa xác định từ em một lỗi lầm. Đời em Thượng-đế không dự phần mà chỉ có anh. Anh gieo tai họa cho em. Anh gây đại nạn cho em. Em chịu gục ngã dưới chân anh chỉ vì nhầm lẫn giữa nạn tai và hạnh phúc. Em chịu thất thế trong vòng tay anh chỉ vì nhầm lẫn giữa hạnh phúc và lọc lừa. Em chịu khuất phục nhận những trái đu đủ xanh ngắt anh mang tới công trường mỗi buổi chiều cho em cũng chỉ vì ngu muội lầm lẫn. Em không xác nhận được đó là những giọt nhựa độc hay một liều linh dược. Em không quả quyết được anh đang giải nạn hay anh đang gieo họa cho em, anh đang cứu em hay anh đang giết em.

Tôi rùng mình trước cái chết đột ngột ám ảnh. Mặc cho tôi từ khước, mặc cho tôi lần trốn, mặc cho tôi chống trả cái chết quyết chạy theo tôi quyết đeo đuổi tôi quyết nuốt chửng tôi cho bằng được. Bất giác

tôi nflu chặt thanh gỗ đầu cầu thang. Con đau bụng tung người tôi lên. Con đau bụng quật ngã tôi xuống. Con đau bụng xô đẩy tôi vấp vã Con đau bụng níu kéo tôi vấp vung. Tôi cắn răng giữ chặt thanh gỗ, tôi cắn răng cắn chặt răng tự dìm mình xuống, tôi giữ chặt lưỡi không thốt kêu không thốt rên, người tôi cong chân tôi co quắp tay tôi run rẩy tôi vẫn cắn răng tôi vẫn ấn lưỡi tôi quyết cam chịu quyết không kêu không rên. Tiếng nói Tánh nhỏ, dịu nhẹ, thì thầm « khi em bắt đầu cơn đau bụng là em bắt đầu thoát. Đừng sợ. Đừng lo. Đừng run rẩy. Em sẽ qua khỏi. Chúng ta sẽ qua khỏi ». Tiếng nói Tánh như bàn tay Tánh như cánh tay Tánh, dịu nhẹ, êm ái. Đừng lo. Đừng sợ. Đừng run rẩy. Tôi tránh sao được nỗi kinh hoàng khi phải chịu đau sớm quá, nhanh quá. Tôi từ chối làm một người đàn bà bình thường. Tánh từ

chối một cơn đau bình thường. Chúng tôi cùng đồng ý không chờ đợi đúng ngày đúng tháng cho cơn đau. Chúng tôi đồng ý tạo nên cơn đau quá nhanh quá sớm. Nhưng sao chỉ mình tôi khứng chịu mà không có Tánh. Những trái đu đủ xanh ngắt. Những lời nói dịu nhẹ như cánh tay ôm như bàn tay ve vuốt. Tất cả còn đủ chỉ thiếu có Tánh. Anh biến đi đâu Tánh ơi. Anh chạy trốn nơi nào Tánh ơi.

... Cuối cùng rồi người thiếu nữ ấy cũng chết cùng lúc với chiếc bào thai trong bụng nàng. Nàng tắt thở 10 giờ sáng mãi đến quá trưa bà vú mới khám phá thấy những giọt máu rỉ qua kẽ sàn gác. Những đường máu chạy ngoằn ngoèo theo những sớ gỗ tím ngắt rồi đen xì về sau bụi bám xóa mất dấu vết. Thật không ai để ý gì hết.

HỒ THỊ DƯ TÂM

Công thức mới
Hầu hết mới

hemocalcium B12

trị SUY YẾU - CHẬM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

SIFAPP SAIGON

bán tại các nhà thuốc tây

KH. 22A/877/4-48 P. 6. T. 1. 1. 1.

Công thức môn
thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
nhuần sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

VÀO ĐỜI

Chương 12

Hiền hứng chí tưởng thuật tỉ mỉ cái trò ma giáo của mình khi làm bài dịch Anh văn, quả quyết với Quang rằng ít ra bài đó phải được 18:

— Mình tra không sót một chữ. Trong phòng tụi nó bí hết ráo. Thi công-cua, hơn tụi nó được chút nào hay chút nấy. Lẽ chết của người khác là sinh lộ của mình.

Rồi chợt nhớ trong những kẻ xuôi về cõi chết, nhường lại sinh lộ cho tên ma đầu, có cả người bạn ngồi sau yên Lambretta, Hiền ngượng ngừng nói thêm:

— Nhưng chắc chắn không thể nào qua mặt được Quang. Giá hai đứa mình cùng đậu, thì vui biết mấy.

Nhưng càng đến gần trường thi, nhuệ khí của Hiền càng giảm. Trước mặt Hiền, sinh lộ chập chờn đầy ò gà, uốn khúc lượn lờ như cái bẫy nguy hiểm chết người. Xe đã dừng, máy đã tắt, cò đã khóa, vậy mà Hiền vẫn nấn ná đứng yên tại chỗ. Phía bảng thông cáo, đám đông thí sinh chen nhau vào xem kết quả. Quang hơi nóng ruột, hồi hộp, giục Hiền:

— Mình vào xem thử sao.

Hiền có vẻ hết hoảng, giọng run run.

— Tôi bị hai lần rồi. Lần này lần chót, đâm ra sợ hãi. Chắc tôi không mang vận hên. Lần này tới lượt Quang. Đòi vận xem sao.

Hiền nói hết những điều chính Quang cũng lo ngại, nên cả Quang cũng không dám tiến vào phía trong. Hai người đứng như vậy, im lặng, không biết trong bao lâu. Hiền xác định rõ thái độ, bằng cách từ từ chậm chạp cúi xuống mở cái khóa cò đề bóp thêm một khóa nữa dưới chân chôn. Khóa xong, Hiền lại từ từ khóa xăng bên hông xe. Quang theo dõi hành động của bạn, biết không còn cách nào tháo lui nữa, nên nói nhanh:

— Thôi. Hiền đứng đây giữ xe. Ký danh mấy?

— 686. Số bù.

Quang bỏ bạn đứng ngoài, cương quyết, mạnh dạn tiến về phía bảng kết quả. Đám đông vẫn còn dày đặc, bao quanh hai ba lớp. Mỗi khi có một người từ trong chui ra, quần áo nhàu nát và mồ hôi nhễ nhại, thì vòng vây lại xáo động, và một cuộc chen lấn mới bắt đầu. Phải lẩn đến mười lăm phút, Quang mới chen vào được đến bên trong. Quang tìm số ký danh của Hiền trước, 670, 684, 702. Xong phẫn Hiền. Mắt Quang bắt đầu hoa. Một người từ bên ngoài mới cố chen được vào,

đầy Quang giạt hẳn sang một bên góc, chỗ cách xa ba tờ ronéo nhất. Quang đột nhiên cảm thấy cơn giận bốc lên, dùng hết sức đẩy người lạ mặt thật mạnh. Quang khom người ngay trước tờ kết quá, đảo mắt tìm hàng số ký danh mình. Quang cảm thấy mệt mỏi đến rã rời, mồ hôi toát ra đến lạnh cóng xương sống. Không có số ký danh của Quang. Chỉ có một người tên Quan đậu Phú Thọ, nhưng lại tên là Trần Kỳ Quan. Họ Trần. Không có "g". Lại lớt chữ "kỳ". Không còn gì lăm lăm nữa. Quang quay lại, cảm đầu chúi mạnh vào khối thịt da khét lẹt mùi nắng và mồ hôi. Thành người tự nhiên giãn ra, đầy bản Quang ra phía có ánh sáng chói chang. Hiền không chờ được thêm nữa, bỏ chiếc xe chạy về phía bạn, nhìn trôn mà không dám hỏi. Quang nói, mệt nhọc làm cho lời đứt quãng :

— Rồi...

— Rồi sao ?

— Bay rồi. Cả hai đứa.

Hiền cúi xuống nhìn đôi giày, chậm rãi bước theo bước chân thất thểu của Quang. Không ai nói với ai lời nào. Lần thứ ba, lần cuối cùng, cả hai ném cái chua chát đắng cay của kẻ bị đẩy sang lề, bị loại trừ, sa thải. Hiền ngồi xuống, từ từ mở khóa chân, rồi mở khóa cò. Hiền đạp mạnh lần đầu, tưởng thanh sắt cong bên sườn xe là thủ phạm chính trong vụ âm mưu sa thải này. Xe không nổ. Hiền đạp mạnh lần nữa. Vẫn không nổ. Quang hỏi bạn :

— Mở khóa xăng chưa ?

Hiền biết mình quên mở xăng, nhưng không thém xin lỗi hay biện hộ, cúi xuống mở rồi đạp tiếp. Xe vẫn không nổ. Tiếng máy nghẹn ngào như người ngộp nước thở dốc ăng ọc trước khi chìm sâu dưới lòng nước lủ. Quang không có kinh nghiệm mấy về loại xe này, cố gắng muốn giúp Hiền mà cứ lảng xăng không biết giúp thế nào. Quang nhắc Hiền, căn cứ vào kinh nghiệm thu lượm được từ mấy tuần đầy chiếc xe Puch của ông Thới :

— Coi chừng dây côn lỏng hoặc không trạ, mình có đạp mấy cũng như không. Hiền bẻ qua bẻ lại cái ghi đông cho dây côn hồi lại vị trí cũ, nhấp nhấp chân trên cần hai ba lần, lấy hết sức bình sinh đạp mạnh. Tiếng máy vẫn uất ức như trước. Quang nhắc cái mẹo sơ đẳng :

— Hay cái bu-gi đóng chấu.

Hiền vâng lời Quang như cái máy, lấy túp mỡ bu-gi ra xem. Không có chấu ở đầu bu gi nhưng xăng ở đó ướt đầm. Hiền giải thích :

— Bị ngộp xăng. Mình đã cẩn thận khóa xăng lúc dừng lại mà còn thế này. Chắc bặt mòn, xi-lanh rộng rồi.

Quang i tờ về máy móc, hỏi bạn, cố gắng lấp đầy khoảng im lặng nhọc nhằn :

— Tại sao xi-lanh rộng lại bị ngộp ?

Hiền giải thích :

— Xi-lanh rộng vì cái bặt ở đầu

piston mòn quá nhiều, ống xi-lanh hở, hơi tổng không mạnh nên lửa yếu. Rồi hệ lửa yếu máy yếu thì khối lượng xăng xuống không bị đốt hết, làm ướt bu-gi. Phản ứng dây chuyền. Cái bu-gi ướt thì máy tịch, không chịu nổ. Cái vòng làm cầm mà.

Quang buột miệng nói, nói rồi mới hồi hận :

— Thật giống y tụi mình. Không nổ máy lăn bánh vào đâu được hết, chỉ vì bị ngộp...

Hiền chặm hiểu, tay lo chùi khô cái bu-gi bằng miếng giẻ rách, ngược lên hỏi :

— Ngộp thứ gì ?

— Ngộp thờ vì dư đủ thứ. Ngộp lún ướt nhèm trong lo âu. Lo cơm áo. Lo quân dịch. Lo bắt trặc. Lo sương mù trước mặt, bóng tối sau lưng. Ngày ngày tháng tháng cúi đầu cắm cò vào trang sách, giữa nỗi sợ hãi dày đặc, mài miết đọc mà chữ nghĩa cứ nhảy múa tận đâu đâu.

Hiền cầm cái bu-gi quên cả lau tiếp, nhìn sững vào mặt Quang. Gương mặt đờ đẫn, một chòm tóc phía sau gáy chổng ngược lên, phe phẩy ở đỉnh đầu như túm lông xo của con chó hoang. Một mảng tóc khác rơi xuống trán, che mất một nửa con mắt phải. Quang sợ nhìn vào đôi mắt lạc thần của Hiền như sợ soi vào tấm gương trung thành chưa rạn nước thủy, quay nhìn đi chỗ khác. Phía bảng thông cáo, đám đông vẫn chen lấn nhau tìm một chỗ đứng dưới bóng mát ít oi.

Một chiếc Honda loại đơn bà màu đỏ chói mới tinh chạy vào công. Máy tằm xe còn bóng loáng. Da vỏ cao su đen tuyền. Người cỡi xe đưa chiếc giầy nâu chống xuống đất. Ống quần vải đen... Tiếng ai gọi, hình như gọi Quang thì phải, Quang ngược lên, thấy Vân đang vội vã chống chân xe ngay giữa lối đi, để chạy lại phía mình. Vân mừng rỡ đều nổi giọng nói trở nên láu liếng khó nghe :

— Tao tìm mày cả tuần nay. Tưởng còn ở ngoài đó học sư phạm chứ. Tháng trước nghe tụi nó bảo có gặp mày đang ngồi xe Lam cho đưa nào chở chạy qua phố, nên tao có hỏi con Lan. Về sau gặp Lan một lần nữa, nó bảo đúng là mày vào Sài gòn rồi. Tao có cho biết địa chỉ, sao hôm mới vào không đến ? Đi đâu đây ? Lên đây với ai ?

Vân hỏi liên tiếp không cho bạn có thì giờ trả lời. Quang đưa mắt về phía Hiền, gián tiếp trả lời câu hỏi cuối của Vân. Vân ngờ ngợ, nhớ có quen Hiền, nhưng vì khác lớp nên không biết tên Hiền là gì, không dám tỏ ra vồn vã thái quá. Vân chỉ gật đầu chào Hiền. Quang giới thiệu :

— Hiền học một lớp với tao, mày biết không ?

Vân mau miệng tiếp lời Quang :

— À, anh Hiền. Hèn gì tôi thấy quen quá.

Rồi không cần chờ Hiền trả lời, Vân quay về phía Quang :

— Tao đi coi giùm kết quả cho thằng bà con anh Vinh. Nó thi xong về Nha-trang nhờ tao dò kết quả đánh điện tín. Mà coi tao chiếc Honda, tao vào một chút rồi ra liền.

Vân bỏ mặc chiếc xe đó, chạy vào chỗ yết bảng. Chỉ năm phút sau, Vân trở ra, cười nói tự nhiên :

— « Ao » rồi. Như mọi người.

Rồi chợt nhớ điều quan trọng quên khuấy từ lâu, Vân hỏi lại :

— Hai người đi đâu đây ?

Quang liếc nhìn Hiền. Hiền nhìn Quang, nhường cho bạn trả lời. Quang nói, cố lấy giọng bình tĩnh và bất cần :

— Đi coi kết quả. Cũng « ao » rồi. Như mọi người.

Vân khựng lại, không biết phải xử trí ra sao trước một điều bất ngờ như vậy. Vân cảm thấy bứt rứt áy náy, nhất là muốn nói chuyện riêng với Quang, nói nhiều điều. Vân nhìn Hiền, rồi ngại ngừng đề nghị :

— Hay Quang đề anh Hiền về trước. Trưa nay lại nhà mình ăn cơm. Anh Vinh đã đợi vào đây rồi...

Hiền muốn tránh cho Quang sự khó xử, lấp bu-gi lại rồi đạp mạnh lên cần xe. Xe nổ, khói phun dày đặc ở ống pô. Hiền quay lại bảo Quang :

— Nó chịu chạy rồi đấy. Thôi mình về trước nghe.

Quang trả lời :

— Hiền bảo tụi nó đừng chờ cơm. Chắc chiều mình mới về.

Hiền đi rồi, hai người bạn đột

ngột bị rơi vào một trạng thái ngậm ngùi khó xử. Quang đi với Vân lại chỗ dựng chiếc Honda mới. Quang muốn nói một cái gì.

— Chiếc xe đâu đẹp quá vậy ?

— Mượn đấy. Của mấy ông nhà binh, mới mua từ Nhật về. Xe chạy nhẹ nhàng mà êm không tả xiết. Muốn chạy thử không ?

Quang vội từ chối :

— Thôi. Của quý của người ta. Không nên lạm dụng.

Vân ngồi trên xe, mở chìa khóa máy rồi đưa chân khẽ đạp nhẹ cái cần bên phải, tiếng máy nổ đều đặn êm đềm. Quang ngồi choàng qua phía sau Vân. Xe bắt đầu chạy về phía Trần quốc Toản. Quang nhìn chiếc lưng mập mập của bạn, đôi lúc có cảm tưởng Vân muốn nói gì đó mà còn ngần ngại, vì hai ba lần Vân lấy hơi rồi thôi. Quang đoán bạn muốn hỏi điều gì rồi, nói trước cho Vân khỏi thắc mắc :

— Tao hông chia hết. Thi ba cái, không đạu đượ cái nào cả.

Vân cố nói lớn, sợ gió tạt đi bạn không nghe kịp :

— Phi-lý quá. Tao không tin đượ. Mà mày đâu có thi dự-bị y-khoa ?

— Không. Như tao đã nói với anh Hân tối hôm ấy, con đường đó dài quá. Dài đến ngút hơi. Biết thế, nên không thi làm gì.

Chợt nhớ đến chuyện bạn, Quang đạp lưng Vân hỏi :

— À quên, mày thi vào có đậu không ?

— Đậu. Chắc nhờ anh Hân gửi cho một ông bạn ù bây giờ là giáo sư trường thuốc. Chứ sức tao, tao biết.

Vân chờ Quang trả lời, nhưng không nghe bạn nói gì. Vân cảm thấy phải tìm một đề tài khác, cho bớt gai góc hơn :

— Nhà anh Vinh thuê ở cái hẻm đường Trương minh Giảng. May đi thẳng, rồi ngoẹo lên. Nhà chật chội lắm. Rồi mày sẽ thấy kiếp sống ở đây ra sao.

* * *

Ngõ hẻm quanh co như mình rắn, dù vào sâu bên trong nhưng chiều rộng vẫn giữ y như phía ngoài. Rẽ phải ngoặt trái mãi, Quang tưởng mình đang đi vào một mê lộ. Vân đứng lại trước một căn nhà lợp ngói, xây gạch bề ngang độ bốn thước. Phía trước đường, hai cánh cửa gỗ sơn màu xanh có dây khóa cẩn thận, trên cao lại còn chằng chịt những dây thép gai đan theo hình cánh chấu, Vân cầm dây xích lay mạnh để gọi người mở cổng. Không có ai lên tiếng. Hình như từ bên trong, sâu mãi tận trong xa, có tiếng trẻ con khóc the thé.

Vân nóng ruột gọi lớn :

— Thương ơi, mở cửa.

Quang vờ ngạc nhiên hỏi bạn :

— Em mày có vào đây à ? Hỏi nào ?

— Anh chị Vinh vào đây, con ở không chịu đi theo. Chị Lý lại phải đi dạy tận tận Đa-kao. Mới định xin nghỉ một tuần để dọn dẹp nhà cửa, lão hiệu trưởng đã nhần nhó, dọa trả về nha. Bí quá, anh Vinh đánh điện về cầu cứu con Thương.

Vân đứng lại vì cánh cửa lớn xích mở. Tiếng trẻ con khóc to hơn, Thương không nhìn lên mặt anh, cầm cúi mở khóa xích cho anh vào. Mờ xong, Thương vẫn cúi gằm mặt không ngược lên. Tiếng trẻ con khóc thét lên từng hồi. Vân hỏi em :

— Sao đề cháu khóc vậy ?

Vai Thương chợt rung lên, và Thương khóc òa trước mặt Quang. Vân và Quang chưa khỏi bàng hoàng ngạc nhiên, thì Thương đã bỏ chạy vào nhà. Vân đẩy cho Quang vào trước, quay lại khép cánh cửa cổng.

Căn trước hình tư vuông, mỗi bề độ bốn thước hoàn toàn trống trơn. Ở góc nhà chỉ có mấy thùng giấy chưa khai và một cái ghế bố nhà binh đã xếp lại cẩn thận. Vân chỉ lên một cái thùng giấy đặt gần vách, mời Quang :

— Ngồi tạm đây đã. Đề tao vào trong xem con Thương khóc chuyện gì.

Vân đi khuất vào trong, hình như đang rầm rì hỏi Thương vì sao khóc. Thương tủi thân càng khóc to hơn, đến nỗi con bé nín thình ình lắng nghe tiếng khóc của di. Giọng Vân hình như đổ dành :

Quang nghe tiếng Thương ảm ức, nước nỏ :

— Em không chịu nổi nữa. Mai em về. Nhất định mai em về.

Vân cố gắng nói gì đó để thuyết phục. Thương lại la lớn :

— Không. Anh đi mua vé máy bay cho em. Mua máy bay không có thì mua xe đò cũng được. Thà bị mình chết đi còn hơn là sống trong cái địa ngục kín mít này. Mai em về. Không biết. Chiều nay anh phải đi mua vé cho em về.

Nói xong, Thương khóc to hơn trước nữa. Không còn ngại Quang nghe thấy lời mình nói, Vân nói lớn cho át tiếng Thương khóc, dỗ dành :

— Thương. Đừng con nít, em. Thương, có anh Quang ngồi trước kia kia. Không biết xấu à. Nín khóc nghe anh nói đây. Nín đi. Trái đào ngoan. Nín đi nào. Em phải thương chị Lý một chút. Em phải biết anh Vinh phải khổ cực lắm mới xin đòi được cả hai vợ chồng vào đây. Mỗi người dạy mỗi ngả. Sáng 6 giờ đã lo dậy. Chiều 1 giờ phải ra đón xe. Anh chị khổ khổ như vậy, em còn đòi về nữa, thì con cháu biết bỏ cho ai. Ngoan nào, Thương. Hãy ráng vài ngày nữa, chờ ba tìm được người ở gửi vào cho anh chị rồi hãy về. Anh chị kẹt lắm, mới phải nhờ đến Thương, Thương thấy không ?

Thương bớt khóc, chỉ còn thút thít, trả lời đứt quãng giữa những tiếng nấc :

— Em ở một mình trong nhà, sợ quá, không chịu nổi. Có anh ở nhà thì không sao. Nhưng anh đi, em sợ

quá. Em tưởng tượng ở xó kẹt nào, ở khe cửa nào cũng có người nhìn trộm vào đây. thừa dịp ăn cắp đồ đạc. Nghe ai rù rì ngoài đường hẻm, là xương sống em nổi ốc. Sống cái điệu này vài tuần, em phát điên phát khùng mất.

Vân nói :

— Thôi Tuần này anh sẽ ráng ở nhà với em. Chùi nước mắt đi. Con Titi thấy em khóc qua, ngồi nhìn trần thấy không.

Rồi giọng Vân cố chớt nhả để nói với con nít :

— Titi, lại cậu bông nào. Sao khóc hoài vậy con. Xấu nhé. Cười lên cậu coi nào. Không chịu cười. Được rồi. Để coi Titi có gan lập ngniêm mãi không. Hình như Vân cù lét vào lòng bàn chân Titi, nên đứa bé cười sáng sặc. Có tiếng Thương cười theo. Thương cố hạ giọng hỏi nhỏ, nhưng Quang vẫn nghe được.

— Anh đi với anh Quang hả ? Gặp anh ấy ở đâu đó ?

— T ền Phú Thọ. Thôi. Thương coi Titi anh ra ngoài một chút.

Vân ra ngoài, nhìn ánh mắt Quang biết bạn đã nghe hết chuyện hai anh em, mím cười lắc đầu chậm chậm tỏ ý chán nản :

— Mày thấy không, đời sống ở thủ đô hoa lệ. Ở hòn ngọc Viễn đông.

Mình chìm, mình ngập vào trong cái đám đông vô tri vô danh này, như ngập trong vũng lầy. Biết mình

đang chìm, mà không biết phải bấu víu vào thứ gì. Không hiểu ở lâu ở đây, có làm quen được với đời sống này không.

Quang không dám cho bạn biết ý mình, nhất là vẫn còn xúc động trước hình ảnh Thương khóc. Có lẽ nước

mắt sẽ làm cho đôi mắt Thương long lanh thêm. Sự xúc động làm cho đôi má Thương thêm hồng. Đôi vai run làm lay lắt mấy lọn tóc óng ả. Y như đêm hôm ấy...

NGUYỄN MỘNG GIÁC



Người cầm bút từ năm 1954...

(tiếp theo trang 16)

cạnh các nhà sáng tạo, các nhà biên khảo, các nhà dịch thuật trước tác ra sách, nhà phê bình nêu cao ngọn đuốc ý thức. Nhà phê bình lại có thể ảnh hưởng trong một phần nào đối với các giới xuất bản và phổ biến sách cũng như đối với các giới đương quyền hữu trách và độc giả nói chung.

Kính thưa các nhà xuất bản và các nhà in sách,

Người cầm bút thường phải sống nhờ vào nhà xuất bản, nhất là sống về tinh thần, cho nên thường cũng cảm thông được những nỗi khổ tâm hay khó khăn của các nhà xuất bản...

Nhưng với tinh thần xây dựng, những người cầm bút mong rằng các nhà xuất bản và nhà in nên quan tâm nhiều hơn đề trả tác quyền cho xứng đáng và gọn gàng mau mắn, ấn loát sớm các bản thảo đã nhận in và trông coi sửa bản vở cho thực đúng. Đề cải tiến đời sống của giới cầm bút và đề cải thiện công việc xuất bản, có lẽ một trong những điểm quan trọng nhất là tránh các lối cạnh tranh tai hại chung. Chẳng hạn một số nhà xuất bản đang đua nhau in sách trùng, đề giá sách cao và trừ huê hồng bừa bãi, đề rồi sau đó lại phải tung sách bán đồ bán tháo trên các vỉa hè lề đường.

Cách đây ít năm, Nghiệp đoàn các nhà in và các nhà xuất bản đã hội họp, thảo luận về một vài chương trình cải tiến chung, khiến cho giới cầm bút vô cùng tin tưởng, tiếc rằng sau đó các chương trình ấy lại bị bỏ dỡ. Phải chăng, nhân cuộc triển

lãm và khóa hội thảo về sách năm nay, Nghiệp đoàn các nhà in và các nhà xuất bản lại có đề đề thực hiện các kế hoạch cải tiến?

Kính thưa các nhà phát hành và các nhà bán sách,

Sách có tới tay bạn đọc hay không là do các nhà phát hành và các nhà bán sách. Người cầm bút cũng biết rằng các nhà phát hành có thể gặp nhiều khó khăn trong việc chuyên chở sách đi khắp nơi và việc thu hồi tiền từ các đại lý... Người cầm bút cũng biết rằng các nhà bán sách có những nỗi khó khăn riêng do nghề nghiệp và khách hàng gây ra, lại phải chia sẻ một phần những khó khăn của giới cầm bút, của giới xuất bản, của các nhà phát hành, đặc biệt là những lối cạnh tranh bất chính của bọn đầu cơ các sản phẩm văn hóa và nạn cho thuê sách. Nhiều người nói với tôi rằng hiện nay có mấy ngàn tiệm cho thuê sách ở khắp nơi, ngoài đường phố, trong ngõ hẻm, nơi chợ búa... Dù sao giới cầm bút cũng phải đau lòng mà nhận thấy rằng có nhiều sách đáng lẽ bán được mà không có cơ hội được bày bán bao giờ cả.

Thiết tưởng nay đã đến lúc đề các nhà phát hành và các nhà bán sách nên đoàn kết lại với nhau mà đặt ra một qui chế cho việc bán sách lẻ, tổ chức lại với nhau cho việc bán sỉ và tìm cách mở rộng thị trường sách ra khắp mọi nơi ở trong nước cũng như tại một số các nước ngoài, đặc biệt là Kampuchea, Lào, Thái,

Pháp, Nhật, Hoa kỳ, tức là những nước có khá đông kiều bào hoặc sinh viên ta...

...Những lời nói nhắn gởi cuối cùng của tôi hôm nay liên quan đến vấn đề phát triển sách sẽ hướng về những nhà hữu trách trong Chính-quyền, đặc biệt là quý vị thuộc Bộ Thông-tin, Bộ Giáo-dục và Phủ Văn-hóa...

...Tôi mạn phép xếp thứ tự ưu tiên cho mấy biện pháp thuộc trách nhiệm của Chánh-quyền :

1/— Bãi bỏ chế độ kiểm duyệt sách để gây tinh thần hào hứng cho giới cầm bút, cho giới xuất bản và cho các giới độc giả.

2/— Kế hoạch hóa công việc sản xuất sách, đặc biệt là : trong khi tôn trọng sự tự do sáng tạo, phê bình, biên khảo và dịch thuật của giới cầm bút, dành những lãnh vực tương đối dễ làm ăn cho giới xuất bản tư, các cơ quan công quyền hãy chủ trương những công trình lớn lao hoặc cần thiết cho học sinh, sinh viên, nông dân, ngư dân, thợ thuyền, lao động và các giới độc giả khác mà tư nhân khó có thể thực hiện nổi hay những công trình nhằm nâng cao thanh danh của dân tộc và quốc gia (như việc sản xuất những loại sách dịch ra ngoại ngữ hay viết bằng ngoại ngữ để giới thiệu quốc gia và dân tộc chúng ta với thế giới về các mặt

văn hóa, lịch sử, địa lý, văn chương, nghệ thuật, phong tục, kinh tế, thương mại v...v...)

3/— Kế hoạch hóa công việc phổ biến sách, đặc biệt là : trong khi tạo điều kiện cho các giới phát hành và bán sách có thể đoàn kết với nhau để cải thiện đời sống và cải tiến nghề nghiệp, đồng thời ngăn ngừa nạn thuê sách và cho mượn sách ngày càng tăng, nạn sách nhảm nhí bán giá rẻ mạt, và những nạn cạnh tranh bất chính khác, các cơ quan công quyền nên tìm mọi cách để phát triển ngành thư viện, nhất là khuyến khích và giúp đỡ việc lập những loại thư viện nhỏ cho nông thôn, cho các xóm lao động thành phố, kể cả những thư viện lưu động nữa. Chính quyền cũng cần giúp cho các nhà xuất bản và các nhà phát hành có thể bán sách ra ngoại quốc, nhất là ở những nước có đông kiều bào hay sinh viên ta. Một trong những việc có ảnh hưởng lớn trong công cuộc phát triển sách, đặc biệt là trong hai vấn đề trước tác và phổ biến sách, đó là việc soạn thảo ra các thư-mục tổng quát hay chuyên biệt luôn luôn được cập nhật hóa. Thư Viện Quốc Gia nên phụ trách việc này...

Saigon, ngày 26-8-1972

PHẠM VIỆT TUYỀN

Quán tản cư

Thơ LÊ-NGUYỄN-NGŨ

● Tặng Đoàn-Thị-Hân

1

anh linh Đại-đội một bảy năm
đồn nơi cầu Mương Mãn
chiều rảnh quân ghé lên bờ tả ngạn
làng sát sông vừa rộ buổi chợ chiều
ghé quán em nghèo chái, lá xiêu xiêu...

anh uống chi
mời vào trong ngồi nghỉ
giọng nói em nghe nặng miền Quảng-Trị
chạy tản cư bán nước sống qua ngày
mắt ướt buồn mà em đổ hây hây

2

rượu uống vừa say
tâm-sự dòn như đạn nổ
quê ngoài em chỉ má cơ khô
lụt lội quanh năm chừ lại giặc về
dân trong vùng chết bán loạn rừa thê
ngày chạy giặc thấy người như đất cục
xác thúi, xác tươi sàu dòi lúc nhúc
đường Trị-Thiên đạn lửa đổ ngút trời
ruộng tiếp đồng chân chạy mỏi, mòn hơi
mà chết chóc vẫn còn vây trước mặt
miền đất sống còn đâu xa lãng lác...

3

trên đường chạy giặc
mẹ em trúng bom
chết phanh thây chẳng chiếu chẳng hòm
đầu bết tóc mắt trừng bên bờ ruộng
mẹ em tội tình chi chết oan chết uổng
ôm đầu người khóc giữa đạn bom rơi
trời ác chi ác rừa hử óng Trời
sao mẹ nở bỏ con giữa vùng bom đạn
gom xác mẹ giấu bên bờ Thạch-Hãn
chạy tháo thân bu được dít xe đồ

.
bây chừ Quảng-Trị đã xa
xa luôn giòng Thạch-Hãn
và khúc sông mẹ năm chờ mai táng...

4

anh linh Đại-đội một bảy năm
em xấu số
mồ côi
lưu lạc
tâm-sự nghe buồn như chợ chiều tan-tác
đời của em như quán xác xơ nghèo
đời của anh buồn chẳng kém bao nhiêu
quê tận mãi ở trong miền An-Lộc
từ buổi giặc về đạn bom chết chóc
mẹ già em đại biết ra sao
sống còn không hay giạt tấp phương nào
có trong số xác phơi đường chạy giặc ?
anh ở đây mà gan bào ruột thắt
lo về quê mẹ ở phương xa
chiều hắt hiu mây un kín quê nhà.

5

anh linh Đại-đội một bảy năm
em xấu số
mồ côi
lưu lạc
mình gặp nhau chỉ để buồn man-mác
buồn loạn-ly như chợ mồn về chiều
trong quán em nghèo chái lá xiêu xiêu....

Phan thiết

Lục bát

Thơ TRẦN-VẠN-GIÁ

thơ ở căn cứ Tiên-sa

— Rừng thưa dạt gió Hạ Lào
Đêm nằm phục kích nhìn sao nhớ nhà
Tháng tư thương nụ hoa cà
Hồn quê gửi ngọn mây xa cuối trời

chiều qua sông

— Phất phơ áo lụa trên cầu
Nắng nghiêng cổ-tháp ngả màu thời gian
Gió xao sóng nước mênh mang
Thương em, nhớ mẹ ngập tràn nhánh sông

Tào Khê nước chảy

Thơ TRẦN HUIỀN AN

gửi một dòng-Sông-luáng-Bạc

Mười năm xưa với mình tôi
Chùng cương mỗi ngựa chân đôi hoa rơi
Ngây thơ ngỡ đến chân trời
Rã vòng di điều khép thời du phương
Lối mòn sớm nắng chiều sương
Chút tầng cỏ lá thiên đường vắng xa

Mười năm máu nhuộm sơn hà
Sầu chung ngắt chén hàm ca gương mờ
Ruộng đồng trắng bãi xương phơi
Người điêu đứng giữa kiếp đời ngu dân
Lòng nào tưởng khước giai nhân
Vàng bay ủ kín dậm phần hoang vu

Mười năm khói lửa mịt mù
Những thiêu hủy dấu rừng thu hững hờ
Cạn nguồn đứt mạch dòng thơ
Niềm vui theo dõi ngọn cờ cũng tan
Mộng từ đảo hải di san
Còn không dám đủ đong tràn mắt sao

Mười năm
Chợt phút tương giao
Hồn em — ồ bỗng nhập vào hồn tôi
Em cười cho phượng đỏ môi
Cành xanh nếp áo bồi hồi gót son
Tôi về hóa đá đầu non
Chung thân ngắm dáng em tròn nguyên trinh

Mười năm
soi lại cuộc tình
Lời em trải ấm điệu bình dân ca
Đêm đêm tưởng dải Ngân hà
Chuôi sao tinh đầu đã ba năm tròn
Đá mòn nhưng dạ không mòn
Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Trong những tuần qua 4 vấn-đề quốc-tế quan trọng nhất luôn luôn chiếm trang đầu của các báo chí trên thế-giới là phong-trào khủng bố Palestine sau vụ thảm sát Munich, vấn đề hòa-bình tại Việt-nam, các cuộc thảo luận gay go tại Liên-Hiệp-Quốc và sau hết là các vụ lộn xộn do phe Cộng-sản gây ra tại Phi-luật-tân.

Phong-trào khủng-bố Palestine sau vụ thảm sát Munich

Sau vụ quân khủng-bố Palestine thảm sát các đầu thủ Do-thái tại Munich, Do-thái đã trả đũa bằng cách oanh tạc và dùng bộ binh tấn-công liên-tiếp các trại quân của du-kích Palestine trên lãnh thổ Syrie và Liban. Quân khủng-bố cũng phản-ứng lại mạnh mẽ không kém. Xúc 5 tên khủng-bố bị hạ sát ở Munich đã được chính phủ Tây-Đức trao cho Lybie. Tại nước này tang lễ đã được cử hành hết sức trọng thể và phe Ả-rập đã tuyên bố rằng tại Thế-vận-hội Munich 1972 chính 8 tên khủng-bố Palestine đã đoạt huy chương vàng cho tổ-quốc của họ.

Đồng thời phe khủng-bố cũng mở một chiến-dịch « bom bọm-điện » gửi trên khắp thế-giới cho các giới-chức Do-thái và các nhân-vật Ả-rập cũng như Âu-châu mà họ coi là có thái-độ thân hữu với Do-thái. Các quốc-gia Âu-châu lại một phen bị hoảng sợ và phải vận dụng mọi nỗ lực để ngăn chặn. Tây-Đức lo ngại nhất vì

hiện giờ nước này còn đang giam giữ 3 tên khủng-bố Do-thái. Người ta sợ rằng quân khủng-bố sẽ đi đến chỗ bắt làm con tin một số nhân vật cao cấp Đức để đòi đòi lấy 3 đồng bọn bị bắt này. Các yếu-nhân Đức đều có vệ-sĩ bảo vệ, và phái-đoàn lực-sĩ Đức tranh giải bóng bầu dục tại Istanbul cũng được canh phòng cẩn mật. Nước Ả-rập ở Trung Đông bị đe dọa không kém là Jordanie vì nước này đã nhiều lần đem quân đánh đuổi quân Palestin khỏi lãnh thổ của họ. Quốc vương Jordanie, Hussein đã phải gọi ba con du học ở Luân-đôn trở về để tránh khỏi bị bắt cóc.

Tuy các nước Ả-rập lớn tiếng chỉ-trích Tây-Đức đã không có thái-độ thân-hữu với Ả-rập tại Munich nhưng họ vẫn không dám có thái độ quyết liệt với Đức. Thật vậy, Ai-cập từ khi đuổi các cố-vấn Nga về nước, đang quay sang ve-vãn Âu-châu để khỏi phải liên kết với Mỹ. Vì vậy mà Tổng-thống Sadat vẫn cố gắng tìm cách bắt tay với Đức. Trong khi đó cả Lybie lẫn Syrie đều làm áp lực để ông Sadat phải đoạn giao với Tây Đức. Ông Sadat đang ở trước một sự lựa chọn giữa viện-trợ của Lybie và tình thân-hữu với Âu-châu. Cả hai đều có lợi về mặt chính-trị.

Vấn-đề hòa-bình tại Việt-Nam :

Sau khi ông Kissinger, Cố-vấn An-ninh của Tổng-thống Nixon sang Nga, sang Á châu và sang Pháp vận động.

tượng hòa-bình ở Việt-Nam vẫn chưa có dấu hiệu gì là tiến tới gần hơn. Trên nguyên-tắc, hòa bình cần phải được Hoa-kỳ thực hiện trước tháng 11-1972 để kiểm phiếu cho ông Nixon. Nhưng phiên họp thứ 161 của Hội nghị Paris ngày 21-9 vừa qua, không cho người ta thấy một dấu hiệu gì mới lạ.

Người ta thấy Thủ-tướng Pháp Pierre Messmer và Ngoại trưởng Maurice Schumann đã một lần nữa đề cập tới chính phủ ba phe tại Việt-Nam. Bằng công thức này Pháp hy vọng trở lại đóng một vai trò nào đó trên chính trường Nam-Việt nói riêng và Á-châu nói chung. Tuy nhiên pháp không có đủ thực-lực nên biện pháp một chính phủ ba phe trong đó có người thân Pháp tham dự chỉ là một ảo-tượng của chính phủ Ba-lê. Có lẽ cũng hiểu như vậy nên Tổng-thống Pháp Pompidou đã cải chính việc Pháp muốn đề-nghị về chính-phủ ba phe. Nhưng ông Pompidou lại tỏ vẻ lạc quan trước viễn-tượng hòa bình ở Việt-Nam. Người ta không hiểu trong cuộc hội-đàm vừa qua ông Kissinger đã nói gì với ông Pompidou để ông này tỏ vẻ lạc quan như vậy. Nhưng dù hòa-bình có trở lại hay không thì chỉ với những hoạt-động ngoại giao suông chưa chắc gì Pháp có thể trở lại Đông-Dương như họ đã hy vọng.

Tranh-luận sôi nổi tại Liên-Hiệp-Quốc :

Cách đây không lâu Trung Cộng đã dùng quyền phủ quyết lần đầu tiên để ngăn chặn không cho Bangla Desh

gia nhập Liên-Hiệp-Quốc. Khi Đại Hội-đồng L.H.Q. nhóm họp khóa 27 thì vấn-đề này lại được đưa ra. Một Ủy-ban lãnh đạo gồm đại-diện các đại cường và một số các quốc gia hội-viên khác đã được triệu tập để lập chương-trình nghị-sự. Khi vấn-đề Bangla Desh được đưa ra, Trung Cộng lại một lần nữa chống đối mạnh mẽ, và đòi hoãn xét đến sang năm. Bằng 16 phiếu thuận và 7 phiếu chống, Ủy-ban đã quyết định ghi vấn-đề xin gia nhập L.H.Q. của Bangla Desh vào chương-trình nghị sự của khóa này.

Trung-Cộng và Nga đòi đưa vấn-đề Triều-Tiên ra thảo luận. Nhưng Anh chống đối vì sợ rằng các cuộc thảo luận có thể làm phương hại tới các nỗ lực thống nhất của hai phe Bắc và Nam Hàn hiện tại. Một lần nữa Trung Cộng lại bị thất bại.

Trong vấn đề cứu xét phong-trào khủng bố Palestini đang lan tràn trên thế-giới Trung-Cộng lại một lần nữa bị thất bại. Thật vậy chính phủ Bắc-kinh vào hòa với phe Ả-rập cho rằng đưa vấn đề khủng bố Ả-rập ra trước Đại Hội-đồng sẽ làm cản trở "phong-trào giải phóng Phi-châu". Hoa-kỳ có quan-điểm ngược lại. Vì Tổng-thống Nixon muốn kiểm phiếu của các cử-tri gốc Do-thái nên đã chỉ-thị cho đại-diện Hoa-kỳ đòi ghi cho kỳ được vấn-đề khủng-bố vào chương-trình nghị sự. Với sự ủng-hộ của các quốc-gia Âu-châu và của ông Kurt Waldheim quan-điểm của Hoa-kỳ đã thắng bằng 15 phiếu thuận, 7 phiếu chống và 2 phiếu trắng.

Tình-hình sôi động tại Phi-luật-tân

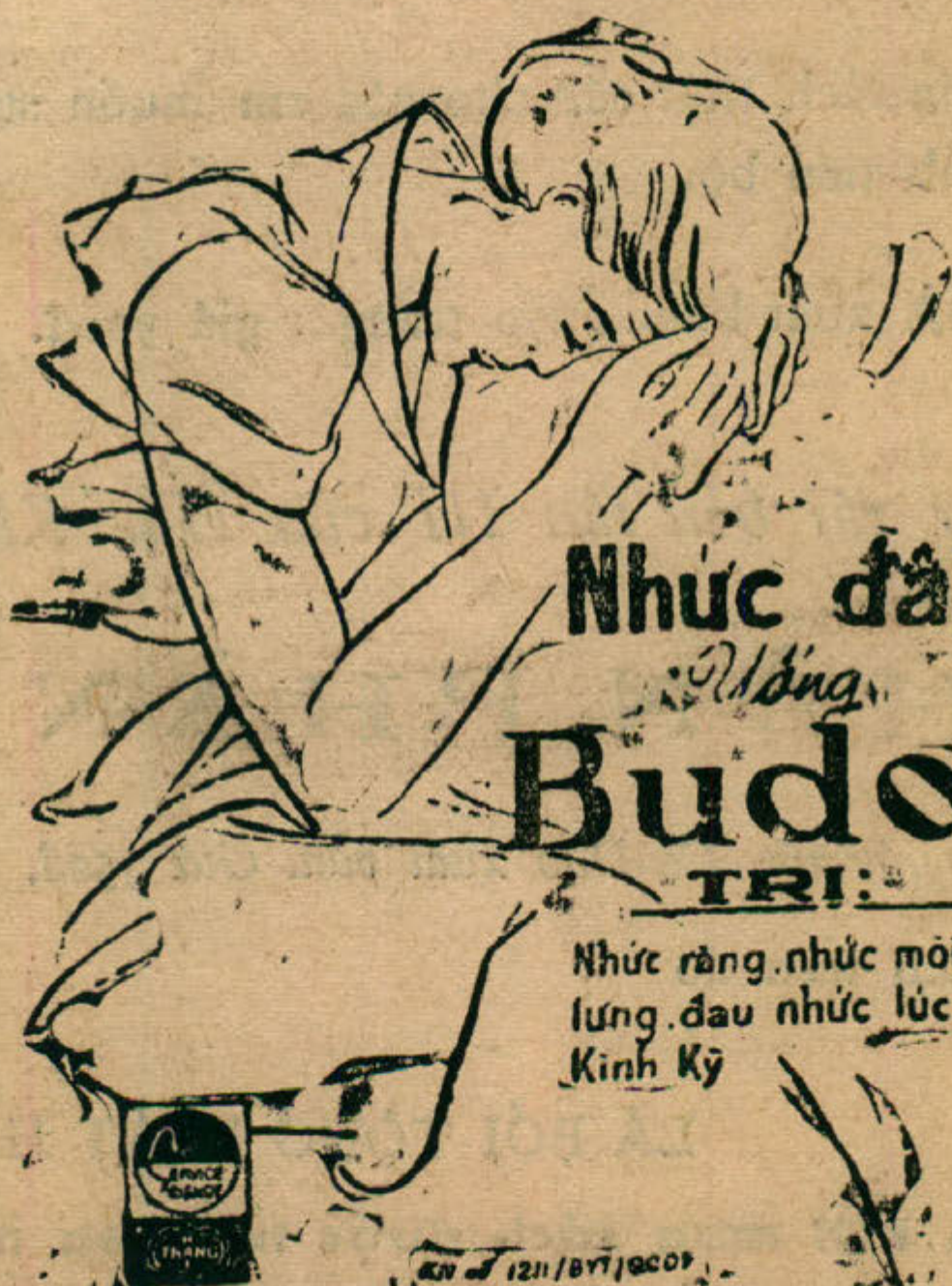
Trong những ngày gần đây tình hình bỗng sôi động tại Phi-luật-tân. Bộ trưởng Quốc-phòng Phi Enrile đã thoát một cuộc mưu sát trên đường từ Bộ về nhà riêng. Tổng-thống Marcos đã lợi dụng vụ ám sát hụt này để ban hành tình-trạng báo động trên toàn lãnh thổ hầu loại bỏ thành phần chống đối.

Quân đội đã được lệnh vây các đài phát thanh. Các đài này đã ngưng hoạt-động trong vòng hơn một giờ. Các báo chí cũng bị kiểm soát chặt chẽ. Tờ Manila Time là tờ báo lớn nhất của Phi-luật-tân và các tờ báo khác bị tạm thời đình bản và các tòa báo bị

quân đội phong tỏa. Các trường Đại-học và Trung-học cũng bị bao vây chặt chẽ. Một số lớn các lãnh-tụ đối lập bị bắt giam, trong đó có Thượng Nghị-sĩ đối lập Aquino. Theo bản phúc-trình mật của Bộ-trưởng Quốc phòng Enrile thì hình như Aquino đã tiếp tay với lãnh-tụ Cộng sản Jose Sison để âm mưu lật đổ ông Marcos chiếm chính quyền.

Cùng một lúc với sự đàn áp của chính quyền quân khủng bố Cộng sản cũng mở rộng tầm hoạt động ra ngoài thủ-đô Manila. Nhiều vụ nổ đã liên tiếp xảy ra tại các đô-thị miền Nam, khiến cho tình-hình Phi-luật-tân bắt đầu trở nên hết sức căng-thẳng.

TỪ MINH



Nhức đầu

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

1211/BVT/1000

CÁC EM HỌC-SINH

mua ngay về đọc :

NHỮNG TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG TRONG LỨA TUỔI HỌC TRÒ

Bác-sĩ ĐÔ-HỒNG-NGỌC viết cho các em về :

*Cận thị — Viễn thị — Loạn thị — Sưng má ông địa
— Nhức đầu — Mụn — Lang ben — Bón — Trĩ — Thủ
dâm — Kinh nguyệt — Mệt mỏi — Nghi ngại — Giấc
ngủ — Bệnh mau quên — Bệnh biếng học — Đi «khám»
bác sĩ v.v...*

Một cuốn sách thật cần cho các em muốn sự học
của mình tiến bộ.

LA NGÀ xuất bản... 270 trang... giá 300đ.

● *Tập thơ tái bản lần III của Hoài-Khanh*

THÂN PHẬN

In toàn giấy tốt. Ca-Dao xuất bản. Giá 350đ.

Hai cuốn sách trên do

LÁ BỐI TÔNG PHÁT HÀNH

đến tại LÁ BỐI mua sách được trừ hoa hồng.

Thơ DÃ-NHÂN

*Uống - rượu - với - duyên
ở Thanh-phú-đông*

*Buổi sáng buồn tình ta uống rượu
Hình như có nắng ở trên cao
Bàn bè ngồi ghế chưa đông đủ
Không lẽ mời em thế chỗ sao ?*

*Làm cạn cốc này đi thẳng bạn
Để lâu rượu nhạt uống không ngon
Ba năm trôi nổi miền quan ải
Không lẽ mày chưa đủ trí khôn ?*

*Ta biết mày buồn em lấy chồng
Thì coi như gió thổi trên sông
Tình đâu có đẹp bằng hiên quán
Rượu xé lòng vui Thanh phú đông.*

*Ta có thẳng em đi đánh giặc
Bốn năm trấn thủ ở đồn xa
Lâu lâu về phép tay nâng rượu
Ngồi nói nhâm nhi với mẹ già.*

*Những lúc ngồi buồn trên chiến đỉnh
Nắng lên ta thấy nhớ trong lòng
Người yêu tóc xõa tình lưu xứ
Biền biệt chiều xưa mưa trắng sông.*

*Ngồi hát hò đi bằng hữu cũ
Thời gian bỗng thấy lướt qua mau
Ngày xưa đi học ta nào biết
Chữ nghĩa đâu dùng để đánh nhau.*

*Chinh chiến tạm quên đi thẳng bạn
Mềm môi dù má cuộc đời chơi...*

Nói với học trò

Thơ DÃ NHÂN

Thầy trở về nhìn các em lần nữa
Những đầu xanh thơm bút vở học trò
Những chiếc áo viên đường bay quá khứ
Những màu môi sáng rực tuổi ngây thơ.

Thầy trở về tay còn mang khi giới
Mặt già nua những ám ảnh hôm qua
Mắt ngáp ngirng trên những cánh hoa gạo
Nghe chim kêu tự thành cổ rêu vàng.

Thầy trở về chiều mưa bay cô tượng
Hát thật buồn như một kẻ điên say
Các em có trong đời trăm thứ mộng
Rất khó khăn để thông cảm cho thầy.

Thầy trở về hình đã đen hơn trước
Râu thì dài, bóng thì lụn ưu tư
Nhưng thật mừng thấy các em đông đủ
Mặc dù tình đã nhạt nhạt hơn xưa.

Thầy trở về ghé thăm đời đôi chút
Xin các em coi như dịp tình cờ
Thầy đứng đây vụng về trong cách nói
Có thật tình xin hãy bỏ qua cho.

TRONG VƯỜN

Chúng tôi bước vào trong vườn. Trời dịu hẳn xuống. Chúng tôi đi luôn theo những gốc cà phê lá thật dày che kín luôn bầu trời. Ánh nắng xuyên qua những khe hở rọi xuống lốm đốm màu chói trên những bản lá đậm. Những trái cà phê chín tím sẫm nằm xen kẽ bên những trái còn ương màu đỏ gạch. Trời thật lạnh gió nhưng bóng mát đủ làm cho chúng tôi thoải mái. Bên trong bức màn lá, tiếng những đứa nhỏ em Hiệp đang đuổi nhau chí chóc, chúng nó đi mở đường. Lần nào chúng tôi xuống thăm ông giáo, chúng nó cũng chạy băng ra vườn lôi kéo chúng tôi theo.

Ông giáo đang nằm ngủ trên nhà, giấc ngủ chập chờn của một người đã sống gần hết đời mình bằng nghề dạy trẻ nhưng chưa một lần nào được nhìn thấy lòng biết ơn của những đứa học trò, ngay cả những đứa em cháu ông, ngay cả những đứa con ông. Học với ông một năm, chúng nó lên lớp và cũng quên luôn thầy, chúng nó quay lại nhìn thầy bằng đôi mắt thường, bình đẳng. Chúng nó tin rằng kiến thức của thầy chỉ được có ngần ấy, nghĩa là thua xa chúng nó bây giờ. Ngày còn trẻ, ông giáo đã đem hết tâm trí để thực hiện lý tưởng mà ông tin là cao quý, lý tưởng khai hóa, lý tưởng gieo vào trong đầu bọn trẻ những lời dạy của thánh hiền cũng như những điều hiểu biết của ông. Thời gian trôi đi đã

làm mòn dần cái hăng say của tuổi trẻ, mòn dần niềm tin, mòn dần lớp lý tưởng nạm vàng bên ngoài để cho ông giáo nhìn thấy rõ ràng dạy học chỉ là một nghề sinh nhai. Nhất là từ ngày đa mang vợ con, ông giáo cảm thấy chán nản và mệt mỏi thực sự. Ngày ngày đi dạy như một thói quen, nhằm chán, học trò thì càng ngày càng xơ xác, phụ huynh cũng càng ngày càng lơ là. Ông giáo chỉ còn tìm thấy niềm vui trong việc phụ giúp bà giáo chăm lo vườn tược. Khu vườn của ông rộng gần ba mẫu tây, trồng đủ thứ, từ chuối xoài cam mít nhãn cho đến cà phê, trà. Nhiều nhất có lẽ là cà phê vì đất rất hợp với loại cây đó. Ông giáo tưới cây bằng máy bơm nước và cả một hệ thống mương lạch chạy ngang dọc trong vườn. Phía trước sân nhà, ông giáo trồng một luống hoa hồng chen lẫn với tường vi. Hai đầu sân có hai gốc đào, những cành suông lá đâm tua tua lên trời. Xa xa bên đầu nhà, một bụi mận đầy cành trông như đã khô hẳn, chúng khô đi để chờ mùa xuân về, mùa xuân về sẽ làm cho chúng hết khô cành cũng như tình yêu về làm cho người ta hết còn cơ mình lại trong lớp da khô chờ đợi. dịp tết vừa rồi, chúng tôi đã xin ông giáo một cành mận, đào thì không dám xin vì ông giáo để bán, hơn nữa, chúng tôi thích mận hơn đào, hoa mận trắng và nở thật dày, mới trông người ta ngỡ là bạch mai, hoa đào

màu đẹp thật nhưng quá thừa thớt, chỉ hợp cho những ông già, mặn hợp với chúng tôi hơn vì mặn phức tạp, giống như tâm hồn chúng tôi. Hôm چرا cành mặn cho chúng tôi, Hiệp đã cười thật là đẹp, thật là tươi, Hiệp nói sao mấy chú không lấy đào? Chúng tôi không dám nói thực ý, tìm cách nói quanh co. Cành mặn Hiệp چرا cho tết kỳ đó nở thật đầy hoa, hoa trắng xôn xao từ gốc lên ngọn cũng như những rạo rục xôn xao trong Hiệp.

Ngay từ hôm xuống thăm ông giáo lần đầu với Tuấn. bạn chúng tôi và là anh bà con của ông giáo, chúng tôi đã thấy ngay là Hiệp, và có lẽ cả gia đình ông giáo nữa, đề ý đến một trong những đứa chúng tôi. Trưa hôm đó lúc ăn cơm, thực ra ông giáo đã làm thịt gà, có rượu nữa, đề đãi Tuấn, chúng tôi thấy thấp thoáng bóng một người con gái đi lên đi xuống nhiều lần qua khoảng sân rộng, nhìn lên mãi vào bàn ăn. Nàng không dọn cơm, không phải đề ý gì đến việc ăn uống hôm ấy vì bà giáo đã lo hết, vậy mà nàng cứ lượn đi lượn lại mãi. Trong bữa ăn, anh em ông giáo hàn huyên về nhiều chuyện, nhưng cuối cùng câu chuyện cũng trở nên tẻ nhạt vì bọn chúng tôi cứ ngồi cầm tăm ăn, không hiểu rõ cho lắm câu chuyện của hai người. Về sau, có lẽ cũng nhận thấy như vậy cho nên ông giáo chuyển đề tài câu chuyện, chúng tôi hưởng ứng nhiệt liệt vì ông giáo mang chuyện cười hỏi ra đề nói. Uống rượu vào, ông giáo hết còn trầm ngâm nữa, cũng như lúc

ở ngoài vườn, ông giáo tỏ ra rất linh hoạt và yêu đời trong bàn ăn. Ông giáo kể cho chúng tôi nghe chủ trương giảm lược các thứ nghi lễ của ông trong đám cưới người con gái lớn ông, chị của Hiệp. Chúng tôi nhận thấy ở ông giáo con người còn nhiều nhiệt tình, nhiều đến độ cực đoan. Câu chuyện của ông giáo đẹp như một lời hứa hẹn, chúng tôi tất cả đều hều như thế. Đứa nào lấy Hiệp sau này chắc chắn sẽ tránh thoát được nhiều phiền phức của nghi lễ.

Chỉ tiếc một điều là con gái ông giáo không được xinh, người chị của Hiệp còn có nhiều nét đàn bà, riêng Hiệp thì có quá nhiều nét vương sắc cạnh, khuôn mặt mắt mũi càng và cái nhìn trở nên nghiêm khắc. Hiệp cũng vẫn còn nhỏ, năm nay mới học đệ tam trên một trường công trong thị xã, cách nhà khoảng tám chín cây số. Hiệp ở trọ nhà người Di trên đó, mỗi chiều thứ bảy mới về nhà và đến chiều chúa nhật thì lại trở lên. Nhiều lần chúng tôi đã chờ Hiệp trên chiếc dodge về thị xã, vì có Tuấn, người mà Hiệp phải gọi là bác. Hiệp không đẹp, nhưng chắc chắn đã trở thành đích của nhiều mơ tưởng ở đây vì Hiệp là con ông giáo và lại tương đối có học nữa; người chị của Hiệp lấy con trai cả của một người có nhiều uy tín trong làng và đã được tiếng là dâu hiền. Nghe đâu đã một thời, vào năm Hiệp học đệ ngũ, một ông thầy giáo có máu « nghệ sĩ » và muốn làm ăn lớn đã theo đuổi Hiệp rất sát, ý là đề biến Hiệp thành nhân vật nữ

chính trong cuốn tiểu thuyết ông ta định viết. Sau ông giáo biết được chuyện đó, ông không muốn để con gái sa ngã nên đã dùng uy tín và tình đồng nghiệp để xin ông thầy giáo kia đừng theo đuổi Hiệp nữa, cháu nó còn nhỏ, thầy để yên cho nó học hành, ông giáo nói như thế. Rồi chuyện đó cũng chìm vào trong quên lãng. Thực ra thì hồi đó Hiệp cũng chưa hiểu gì, chỉ thấy vui vui vì được một ông thầy theo đuổi. Cái vui đó cũng đã tan biến ngay khi ông giáo lớn tiếng khuyên răn và chỉ dạy Hiệp về những cạm bẫy ở đời, những thứ cạm bẫy mà chắc chắn ông giáo đã đọc được trong sách hơn là đã gặp phải.

Sau bữa ăn, chúng tôi xin phép ông giáo ra ngoài vườn nằm nghỉ. Hiệp mang ra cho chúng tôi một chiếc chiếu cói lớn, nhưng tất cả chúng tôi đều từ chối không dùng, chúng tôi nằm dài trên lớp lá mục, nhìn thật kỹ những khoảng trời xanh trong kẽ lá, những khoảng trời xanh bỗng chốc trở thành quý báu.

Trên lớp lá mục này, một ngày chửa nhạt sau đó, tôi khám phá ra là Hiệp không hiền như Tuấn tưởng. Hiệp cũng ngồi trên lớp lá mục nói chuyện với Tuấn, tôi ngồi bên cạnh chăm chú nghe, thỉnh thoảng góp chung tiếng cười. Tôi nhớ rõ ràng có lúc Hiệp nói :

— Sao cháu ghét mấy cái lá cây thế không biết, giá vườn này của cháu thế nào cũng có ngày cháu đốt cháy hết.

Trong khi Tuấn phá lên cười thì tôi đột nhiên thấy choáng váng. Hiệp không ưa cả lá cây? Tại sao vậy? Lá cây nó có làm hại gì nàng đâu? Nó có đời sống riêng của nó, từ lúc còn là một cái búp nhỏ nó đã mang niềm vui đến cho con người rồi đến khi khô vàng rụng xuống, lá cây vẫn còn có ích cho những búp mới mọc, lá cây mục rữa làm phân nuôi tốt cho cây, làm thắm cho Hiệp nằm. Đời sống đó có khác gì đời sống của một cuộc tình, từ lúc chớm nở đến hồi tươi tốt rồi khô đi trong lòng người mà tàn lụi, cuộc tình đó luôn luôn làm phong phú hồn người, phong phú cái khối tình lớn của con người. Hiệp có ý định đốt trụi khu vườn tức là Hiệp thù nghịch sự tươi mát. Hiệp muốn hủy diệt tình cảm, con người nàng độc ác đến độ không lường được. Có lẽ giáo dục quá nghiêm khắc của ông giáo đã khiến Hiệp phải đè nén quá độ những tình cảm trong nàng. Ông giáo, người có đầy nhiệt tình, đã vô tình biến con gái thành khô khan, khô khan đến độ thù ghét cả lá cây tươi.

Tôi đứng đưng hơn mỗi khi nhìn Hiệp. Chúng tôi vốn đã đứng đưng như vậy vì Hiệp không đẹp, cái đẹp bề ngoài phải đủ để lôi cuốn người ta tìm vào cái đẹp ở bên trong tâm hồn. Chúng tôi ít tiếp xúc với Hiệp, bởi chúng tôi theo Tuấn xuống đây không phải vì nàng. Sống ở trên thị xã nhiều ồn ào bụi bặm, mỗi tuần chúng tôi tìm xuống đây để được nằm dài trên đất, nằm dài trên lớp lá khô.

Chúng tôi vô tình nhưng những tiếng bước của Hiệp lạo xạo tìm kiếm trên lá không muốn chúng tôi vô tình mãi, chắc hẳn Hiệp đang đứng ở một chỗ nào đó đằng sau lớp cây để nhìn và nghe chúng tôi. Tuấn lờ mờ đi tìm Hiệp trong vườn, tìm hoài không được Tuấn cất tiếng kêu nàng. Hiệp cười khúc khích trong lùm cây, thò đầu ra chỗ chúng tôi ngồi, cau miệng trên ngón tay. Tuấn tìm mãi không ra Hiệp, trở về thì thấy nàng ngồi với chúng tôi. Tuấn toét miệng ra cười, ngồi xuống bên cạnh Hiệp:

— Làm gì vậy Hiệp?

— Cháu đi câu. Hiệp bứt một lá cà phê trong tâm tay, xé nhỏ? Tuấn ngờ ngác không hiểu, anh chàng thộn mặt ra trông thật là ngô nghê. Hiệp liếc Tuấn, hai con mắt sắc như dao sau làn tóc xõa.

— Cháu nói cháu đi câu mà bác. Cháu là ngư cô thấy cá chồn vờn trong vườn, câu mãi mà chẳng con nào cắn.

Tuấn chột phá lên cười. Chúng tôi ngờ ngác một chút rồi cũng cười theo trong khi Hiệp chín đỏ da mặt, hai con mắt long lanh liếc chúng tôi rồi cúi xuống.

Sự im lặng vô tình của chúng tôi đã có tác dụng của một sự khiêu khích, chúng tôi càng vô tình thì những rạo rức trong Hiệp càng nứt căng, nứt căng đến độ vỡ thành tiếng nói. Nhất định như thế là cuộc tấn công đã bắt đầu, một trong những thắng chúng tôi phải vấp ngã. Đạn bà thường rất dễ vấp ngã trước

sự tấn công ồ ạt của đàn ông nhưng đàn ông thì lại càng dễ vấp ngã hơn nữa trước sự tấn công của đàn bà, đó là điều mà chúng tôi coi là chân lý. Chân lý này đang chứng tỏ là « chân lý » trong trường hợp chúng tôi. Chúng tôi trốn thị xã xuống đây, trốn chạy cái ồn ào bụi bặm trên thị xã để tìm một chút bình an ở dưới này. Chúng tôi lại gặp ở đây một cuộc tấn công chắc hẳn sẽ gây nhiều phiền nhiễu. Nếu tất cả chúng tôi không đưa nào chịu vấp ngã thì chúng tôi làm sao còn có thể bước chân vào khu vườn này? Làm sao còn có thể nằm dài trên lớp lá khô để cho hồn chìm lắng vào trong tiếng thở của thiên nhiên? Một trong chúng tôi phải hy sinh, một sự hy sinh kỳ thú và đầy nhân tính, hy sinh mà không đòi hỏi một chút hy sinh nào.

Kể được chọn lại là tôi. Buổi chiều hôm đó lúc ở vườn về, tôi phải đánh tan cái không khí căng thẳng mất tự nhiên ở ngoài vườn. Tôi khen đầy nhà và khu vườn, tôi bày tỏ lòng ước ao có được một căn nhà nhỏ và một khu vườn nhỏ tương tự như thế này. Tôi muốn làm ông bà giáo vui lòng, mà thực tâm thì đây cũng là một mơ ước của tôi. Bà giáo cười thật tươi, nụ cười làm bà trẻ lại năm bảy tuổi:

— Cậu không muốn đấy chứ!

Bà giáo liếc tôi rồi liếc Hiệp lúc đó đang thập thò ở phía cửa buồng:

— Cậu thích tôi để lại cho một nửa.

Trong khi tôi đáp lý nhí: « dạ cháu đâu dám » thì cả bọn cất tiếng cười

thật giòn, Hiệp cũng biến mất nơi khung cửa.

Tôi không muốn đóng trò, nhất là đóng trò yêu đương nhưng Thuận cứ giục mãi, hẳn nói làm sao người ta biết được mày đóng trò? Không hại gì hết, mày còn đem vui về lại cho cả nhà ông giáo, chúng tao cũng được giây máu ăn phần, mỗi chủ nhật kiếm được bữa thịt gà mà đớp. Vận đứng bên khỏi hải. Khi nào ăn đủ ba trăm sáu mươi lăm con gà thì mày cưới, không cưới thì mày để đó tao.

Từ đó, mỗi tuần chúng tôi đều theo Tuấn xuống thăm ông giáo và dĩ nhiên là được tiếp đãi rất ân cần. Qua những lời đưa đây, tôi đã được coi như rề con trong nhà, bà giáo đã có lần buột miệng gọi tôi là anh. Hiệp thì dĩ nhiên là càng quăn quít với bọn chúng tôi. Riêng tôi, tôi vẫn cứ đề mặc anh em đây đưa, tôi chỉ cười, không nói gì nhiều với Hiệp cũng như với ông bà giáo.

Đôi lúc tôi cũng tự hỏi là tại sao lại không lấy Hiệp? Ngoài lòng quý mến và một nửa khu vườn, Hiệp cũng có thể làm vợ được. Tôi cứ băn khoăn mãi vì sợ phải phụ lòng tin tưởng của gia đình ông giáo. Nhưng chân tuy bước trên phiến đá chênh vênh của sự quyết định, tôi vẫn không làm sao mê được Hiệp.

Cho đến hôm bà giáo gọi tôi bằng anh, tiếng anh thân mật và đầy tin tưởng phó thác, tôi thấy rằng không thể đóng trò được nữa. Hôm đó bà giáo mời chúng tôi ngày mồng hai tết

xuống chơi, hôm đó có các cô các chú nó đông đủ, anh xuống chơi cho vui. Nghĩa là tôi sẽ được đem trình bày vào dịp này. Tôi nhìn rõ «nguy cơ» và không còn can đảm tiếp tục đùa cợt trên niềm tin của ông bà giáo cũng như của Hiệp.

Mồng hai tết đó chúng tôi không xuống. Tuấn về sau nói với chúng tôi là ông bà giáo trách chúng tôi dữ lắm. Chúng tôi biết trước điều đó, chúng tôi cũng biết luôn là mình có lỗi nặng nên không dám vác mặt xuống nhà ông giáo nữa, từ hơn ba tháng nay.

Ngày cuối cùng tôi ở thành phố này, Tuấn muốn tôi xuống nhà ông giáo đề từ già lần chót. Tôi định không xuống nhưng niềm ân hận cứ ray rứt mãi nên tôi cũng định thanh toán một lần cho xong.

Chúng tôi vào nhà, ông giáo vẫn nghỉ trưa như thường lệ ở nhà trên. Hiệp và bà giáo có lẽ ở ngoài vườn. Mấy đứa em Hiệp lại lôi kéo chúng tôi ra ngoài đó. Chúng tôi im lặng đi từ bước. Không khí khu vườn đã đổi khác, một sự im lặng khó chịu đè trĩu trên cành cây, trên lồng ngực và trong não bộ chúng tôi. Khu vườn thương ngày rất rộng nhưng bây giờ sao nó có vẻ nhỏ bé như thế, tôi chỉ sợ phải gặp Hiệp và nhất là bà giáo. Có một cái gì đã đứt, đã loãng, đã kỳ cục chồn vờn trước mặt. Trái cà phê chi chít trên cành, xanh, đỏ gạch và tím sẫm, từng bước đường đi dần đến chỗ tuyết hảo khi trái cà phê biến thành bột cà phê đen mịn. Tôi
(xem tiếp trang 82)

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Nghệ sĩ da đen tưởng, và đòi... đốt nhà, đuổi cô ta đi!

Đàn ông da đen...

Nhà văn da đen James Baldwin oán trách thậm tệ người Mỹ da trắng và óc kỳ thị chủng tộc của họ. Nữ ký giả Sophie Lannes hỏi: Người Mỹ trắng họ ghét da đen mà vẫn hoan nghênh các văn nghệ sĩ da đen, tại sao có chuyện lạ vậy?

Nữ ký giả Sophie Lannes là một người tò mò, và đã được James Baldwin cho biết chuyện lý thú.

Hỏi về nguyên nhân sâu xa của sự kỳ thị trắng đen, người nữ ký giả được đáp rằng:

Quả nhiên, đó là một chuyện lạ. Gần đây ai cũng biết có quá nhiều văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ nam nữ v.v... da đen thành công rực rỡ ở Mỹ, được quần chúng da trắng say mê nhiệt liệt. Tại sao trên phạm vi nghệ thuật, sự kỳ thị bỗng biến mất?

— Có chuyện tình dục trong ấy. Thật nhảm nhí. Người Mỹ trắng tin rằng đàn ông Mỹ đen làm tình khỏe lắm, đề cho họ lân la đến gần thì rất nguy cho đàn bà da trắng. Họ tin thế, và họ sợ. Thật là nhảm. Đó chỉ là một huyền thoại lỗ bịch. Do chính người da trắng bịa ra đề dọa mình.

James Baldwin cắt nghĩa:

— Đâu có gì lạ? Xưa nay vẫn thế, chuyện ấy cũ rích. Người ta nuôi nô lệ, bắt chúng lên sân khấu múa nhảy, hát xướng, làm trò hề cho xem..., như vậy là thường. Người nghệ sĩ da đen chúng tôi làm công việc của hạng nô lệ ấy. Nhưng chúng tôi chỉ được vỗ tay tán thưởng khi múa men trên sân khấu thôi đấy nhá! Nghĩa là phải ở cách biệt. Chúng tôi không được phép trà trộn lẫn lộn với người da trắng.

Trong khi ấy không hề có huyền thoại nào về sức mạnh tình dục của đàn ông da trắng, thế mà phụ nữ da đen chúng tôi vẫn bị đàn ông da trắng chiếm đoạt đều đều!

Sách giáo khoa

Xin dẫn trường hợp nữ danh ca Mahalia Jackson làm bằng chứng. Tại Chicago, giọng hát của cô làm cho hàng vạn thính giả rơi nước mắt. Khi nói họ ái mộ cô tới bậc nào. Thế mà khi cô ta rời sân khấu, bước xuống, mua một ngôi nhà ở trong khu vực da trắng, tức thì cũng chính những thính giả nọ kéo đến đập vỡ cửa kính, bôi nhọ vách

Môn sinh-lý đã được đưa vào nhà trường dạy cho trẻ. Những nhà giáo tận tâm nên mau mau gửi mua cuốn sách của bác sĩ Zwang do nhà Laffont vừa mới xuất bản. Được sách ấy đem ra mà giảng thì học sinh phải mê tơi.

Sách tên là *La fonction érotique*. Nhan đề đã nêu cao lỗ lộ sự mệnh giáo dục. Sách dày hơn một nghìn trang, chia làm hai tập. Tập I gọi là *Les chemins de l'épanouissement sexuel*, Tập II gọi là *Les entraves à l'épanouissement*.

Đại khái tập trước chỉ dạy « bầy nghề », tập sau nói về các sự trực trặc... nghề nghiệp.

Sách tự điển

Ông Bình Nguyễn Lộc bảo tên « Báo Đại » có ghi trong tự điển Larousse, còn tên « Brigitte Bardot » thì không. Ông Bình lại còn... thay mặt nhóm biên tập Larousse để giải thích vì sao chọn BÐ mà bỏ BB. (Bách Khoa số ra ngày 14-9-1972).

Trong bộ *La Grande Encyclopédie* của nhà Larousse đang tiếp tục cho ra mỗi tháng một tập, người ta bắt gặp một tên tuổi ngộ nghĩnh : Aristote Onassis.

Đúng là ông già đã quỵển rũ được Jackie đấy. Muốn tìm ông ta (trong tự điển bách khoa Larousse) hãy tra chữ « Armateur » : ở đó có cả một cái tiêu sử rõ ràng của ông ta.

Lần này, không có ông Bình Nguyễn Lộc, biết nhờ ai giải thích sự chọn lựa của bộ biên tập đây !

Á châu ngày nay

Ông Pierre Mendès France vừa đi thăm Á châu một chuyến 40 ngày ; ông viết được cuốn sách 288 trang : *Dialogues avec l'Asie d'aujourd'hui*.

Từ ngày 10-12 1971 cho đến 20-1-1972, ông Mendès France đã đi qua 5 xứ : Nhật, Trung-Cộng, Miến-điện, Ấn-độ, Hương-cảng. Trong sách, người ta nhận thấy ông ta đặc biệt chú ý tới Tàu và Nhật. Và người ta cũng nhận thấy hai nước này đặc biệt chú ý theo dõi lẫn nhau : Khi

Mendès France tới Nhật thì các chính khách gặp ông ai cũng nhắc đến Tàu ; lúc ông sang Tàu, các chính khách gặp ông ai cũng nhắc đến Nhật.

Điều ngộ nghĩnh hơn nữa là hai nước đối thủ ấy khác nhau về đủ mọi chuyện : Ở Nhật, đô thị qui tụ dân số đông đảo nhất thế giới ; ở Tàu, người ta cố ý chống lại sự qui tụ dân chúng về đô thị. Ở Nhật, kỹ nghệ phát triển cực độ ; ở Tàu, người ta chú ý phát triển nông nghiệp v.v...

TRANG THIÊN

Vụ án « Đạo văn » tạm kết thúc

Vụ L.M. Thanh Lãng kiện 2 ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh, lấy của ông trên 400 trang sách, sau cùng đã được Tòa xử như sau : Các ông tác giả « *Khuynh hướng Thi ca tiền chiến* » phải đền ông Thanh Lãng 1 đồng bạc danh dự và mỗi người phải chịu phạt 1.000 đồng...

Mặc dù các ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh còn chống án lên tòa trên, nhưng như vậy là Tòa dưới đã xử L.M. Thanh Lãng được kiện và vụ « đạo văn » là có thực... Chúng ta lại còn được dịp xem Tòa trên xử vụ này ra sao để biết ô. Thanh Lãng có đủ tiền trả luật sư hay không.

Bút ký của Lê Huy Linh Vũ.

Sáng Chủ nhật 17-9 nhà văn Lê Huy Linh Vũ có tổ chức tại nhà riêng một buổi họp mặt thân mật nhân dịp phát hành cuốn bút ký của anh : « *Ba ngày cuối cùng tại Bộ Tư-lệnh Trướng Vũ văn Giai* ». Cuốn sách

khô lớn như một tờ tuần báo có 2 tâm hình màu rất đẹp, kẻ lại từng chi tiết rất sống động và trung thực cuộc di tản khỏi Quảng Trị ngày 1-5-72, mà tác giả là một nhân chứng cũng kẻ cận với cái chết như tất cả mọi người trong cuộc rút lui này.

Các văn-hữu được mời tới sáng hôm đó đã trò chuyện rất thoải mái

dưới bóng cây, ngắm đàn chim câu của chủ nhân bay đi, bay lại, và nhà thơ Cao Tiêu, có mặt buổi ấy, có làm mấy câu thơ như sau :

*Một mảnh trời xanh mấy khóm mây
Bàn bè dăm kẻ dưới lùm cây
Cười buồn tâm sự nhòe môi nắng
Bia cạn từng ly, khói thuốc bay...*

THU THỦY

TIN MỪNG

Rất vui khi thấy

HOÀNG THƯ và ĐẶNG THỊ HỒNG

thề trọn đời yêu nhau.

LÂM ANH—TRẦN THUẬT NGŨ—TRẦN THOẠI NGUYỄN—PHAN YÊN TỊCH—LÊ VĂN THÀNH—NGUYỄN NHƯ KÍNH—LÊ VĂN TRUNG và NGUYỄN THỊ HIỆP — HOÀNG BẢO và HUỆ THẢO

CHIA VUI

Được thiệp báo tin Chị NGUYỄN THỊ THÁI (nhà văn TRÙNG DƯƠNG) làm lễ thành-hôn cùng Anh NGUYỄN VŨ THIÊN vào ngày 17-9-1972 tại Saigon,

Xin chân thành chúc hai Anh Chị trăm năm hạnh phúc.

Võ Phiến, Vũ Hạnh, Võ Hồng, Lê Tất Điều, Lê Phương Chi, Nguyễn Ngu Í, Lê Ngô Châu, Minh Quân.

Đón đọc :

HỘT HUYẾT

Kịch KHẾ IÊM

Rìa và phụ bản của Duy Thanh

«Thì cứ thử hỏi... xem lúc nào mới là quá khứ. Mà ta đã suy, đã ngộ, đã chìm... đã chông chênh, đã hắt hiu, đã cốt lự.»

TUẾ NGUYỆT Xuất Bản

THỜI SỰ KHOA HỌC

Mở khóa theo ý muốn

Từ trước đến nay người ta đã tìm ra nhiều phương pháp ngừa thai nhưng cho đàn bà thôi. Đàn ông thì chỉ có một là cắt đứt ống dẫn tinh trùng. Như vậy mà năm vừa qua cũng có tới 650.000 đàn ông người Anh và 750.000 đàn ông người Mỹ đã dùng phương pháp này. Tuy nhiên cắt thì dễ — chỉ 15 phút thôi — nhưng lúc lại muốn làm thụ thai, nghĩa là muốn nối lại ống dẫn tinh này thì khó quá. Ba nhà chuyên môn ở Nữ-ước, một dược-sư, một Bác-sĩ niệu-khoa, và một kỹ-sư đã sáng chế ra một cái khóa — cái rô-bi-nê — để lắp vào nơi cắt của ống dẫn tinh. Rô-bi-nê bằng vàng hay bằng kim loại không sét rỉ, chỉ to bằng đầu kim. Mở rô-bi-nê, tinh trùng lưu thông trong ống dẫn tinh như thường, khóa rô-bi-nê, tinh trùng không thoát ra được nữa. Các nhà sáng chế định sẽ làm cái khóa mở rô-bi-nê bằng nam châm để lúc cần, đưa thanh nam-châm lại gần là khóa được rồi !

Tuy nhiên có bác-sĩ lắc đầu cho rằng đã khóa rồi thì có mở ra cũng vô ích vì những tinh trùng của người này cũng sẽ bị các kháng chất làm chết mà thôi.

Dân tộc cổ nhất

Đó là một bộ lạc mới tìm ra trong vài năm nay hãy còn sống như trong thời đại đồ đá đẽo tại miền Mindanao ở Phi-luật-Tân, bộ lạc Ta-sa-đê. Bộ lạc này ở trong rừng sâu thật rậm rạp, đúng là nơi loài người chưa ai biết tới,

ở cao độ 1.500m. trong những hang động bên sườn núi.

Năm 1967, một thợ săn thuộc giống người B'lit tên là Dafal, trong lúc đuổi thú, lạc sâu mãi vào rừng thẳm. Anh thợ săn chợt gặp một giống người nhỏ nhắn, da màu cà-fê sẫm, gò má cao... Hai bên cùng sợ nhau, chạy trốn, kêu la ầm ĩ. Nhưng nhờ kêu la như vậy họ mới hiểu nhau được chút ít vì chính họ cũng nói một ngôn ngữ bà con với nhau. Anh thợ săn làm quen được với các người bạn mới, nhờ họ cung cấp cho lá trầu, và tặng lại họ một con dao dài để phát rừng và cây cung. Anh định dạy họ săn bắn nhưng họ không muốn giết thú vật; họ chỉ bắt cá, ếch, nhái mà không đi săn thú... Họ sống rất thoải mái và không hung bạo.

Các nhà nhân chủng học đầu tiên tới bằng trực thăng — 7-6-71 — phải đỗ ở một cái cây, vì rừng quá rậm. Rồi từ đó tới tháng 5-72, ba nhà nhân chủng khác đã tới nơi có bộ lạc Ta-sa-đê ở, đến 8 lần nữa để quan sát. Bộ lạc hiện tìm thấy ở trong một hang cao độ 7m, rộng 10m và sâu 10m trong hang bao giờ cũng có 2 đám lửa cháy ngày đêm không tắt. Bộ lạc này gồm 25 người, 7 đàn ông, 5 đàn bà và 13 đứa nhỏ, sống không có kẻ chỉ huy, cũng không có thầy mo, thầy cúng. Lúc kiếm thức ăn, ai khỏe thì làm việc nặng nhọc, như chặt các cây dừa, ai yếu thì nhặt hoa quả, đào củ, bẻ măng, bắt ếch nhái v.v...

Đến bữa ăn họ quây quần chung quanh hai đống lửa để nướng thức

ăn. Và một ngày như vậy họ chỉ dành
chúng 3 giờ để kiểm thức ăn, và
cũng không kiểm cách hàng đống quá
xa đến hàng ba bốn km. Ngoài ra là thì
giờ rảnh rỗi, trẻ thì leo cây nô đùa,
người lớn thì trầm ngâm mơ mộng.
Họ không nghĩ đến để dành và cũng
không hề lo lắng đến một lúc nào đó

có thể thiếu lương thực.

Hiện nay các nhà nhân chủng học
trên thế-giới đương ghé mắt vào cuộc
sống của họ một cách rất thận trọng
để sợ khỏi làm biến đổi cuộc sống cổ
sơ rất đặc biệt này.

THẾ NHÂN

TRONG VƯỜN

(Tiếp theo trang 77)

chắc chắn màu đen bây giờ cũng
đang sôi sục trong lòng bà giáo, trong
lòng Hiệp, không phải màu đen mịn
mà là màu đen âm thầm, cái âm
thầm đầy sóng gió của sự nhân nhện.
Tôi nhìn được chỗ khác nhau giữa
thiên nhiên và lòng người, nhưng
rồi một bước đi qua, tôi lại nhìn
được sự giống nhau hoàn toàn giữa
thiên nhiên và lòng người, trong
màu đen có cả một sự nhân nhện
sóng gió và sự đắng chát thơm tho
của cà phê.

Tôi cố đi thật chậm, cố tìm lại
những nét quen thuộc thân thiết
ngày nào nhưng tất cả đều có vẻ
hờ hững xa lạ kỳ cục. Chúng tôi đưa
nào cũng ngậm tằm, ngưng ngưng.
Tiếng những đứa em Hiệp riu rít
như chim đang sau bức màn lá,
chúng tôi sắp sửa phải đối đầu với
sự thật.

Khi chúng tôi đi đến, Hiệp lần

vào trong, chúng tôi chào bà giáo. Bà
giáo cười buồn cũng có vẻ ngưng
ngưng như chúng tôi. Tuấn nói dùm
tôi mấy lời từ biệt, bà giáo chúc lên
đường may mắn. Cuộc tiếp xúc chiếu
lệ, tế nhạt và xa lạ.

Chúng tôi xin phép đi về, khu
vườn đầy trái chín ở lại phía sau
lưng. Khi chúng tôi đi đến đập nước,
vừa ngồi xuống mấy tảng đá trên bờ
thì Hiệp phóng xe Honda chạy qua,
có lẽ Hiệp muốn tuôn nỗi bức dọc
vào trong tốc lực cũng như đất đang
muốn tuôn sinh lực vào trong giòng
nước đang đồ ăm ăm xuống đáy sâu
của đập.

Tôi cảm thấy buồn kỳ lạ, một cái
gì tức nghẹn như sự buồn bức dâng
lên đầy ngực. Tôi cảm một cục đá
liệng xuống lòng đập, mấy cái sóng
tròn trào mau theo ngọn nước.

HOÀNG CHU ÂN

10-4-72

Đã phát-hành :

THU ƠI TỪ ĐÓ

Thi-phẩm thứ 4 của TƯỜNG-LINH

*Tập thơ thăm-định lại giá-trị gợi-cảm của Mùa Thu đối với lớp
người làm thơ Việt-Nam hiện-đại.*

(Đã cung-ứng thỏa-mãn 100% cho tất cả các tiệm sách tại Đà-
Nẵng, Quảng-Nam, Quảng-Tín).

Kiểm-duyet số 33 BTT/PHNT/ PDS ngày 29-9-1972.